

Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Vườn Quốc gia Yok Don

Đề tài: Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don

Tập bài thuốc - cây thuốc

Theo tri thức và kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc vùng đệm



Tri thức bản địa sử dụng cây thuốc và bài thuốc thuộc sở hữu của các cộng đồng dân tộc thiểu số vùng đệm Vườn Quốc Gia Yok Đôn

Dak Lak, tháng 2 năm 2004

Đề tài: Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Don

Tập bài thuốc - cây thuốc

Theo tri thức và kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc vùng đệm

Tên công trình: Điều tra tài nguyên cây thuốc vườn quốc gia Yok Don

Địa điểm công trình: Vườn quốc gia Yok Don và vùng đệm

Đơn vị quản lý: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị chủ quản: Vườn quốc gia Yok Don

Đơn vị thực hiện: Trường Đại học Tây Nguyên

Chủ trì: PGS.TS. Bảo Huy

Thực hiện chính: Th.S. Nguyễn Đức Định

Cố vấn kỹ thuật: KS. Hồ Viết Sắc - Cục lâm nghiệp

Cộng tác viên: Th.S. Nguyễn Thị Thanh Hương, Th.S. Cao Thị Lí, Th.S. Võ Hùng

Với sự tham gia của cán bộ kỹ thuật vườn quốc gia Yok Don

Thời gian thực hiện: Năm 2002 - 2004

Đơn vị thực hiện

Trường Đại học Tây Nguyên

Chủ trì

Hiệu trưởng

Đơn vị chủ quản

Vườn quốc gia Yok Don

Giám đốc

PGS.TS. Bảo Huy

Danh mục tra cứu bài thuốc - cây thuốc

Giới thiệu và cách tra cứu bài thuốc - cây thuốc..... 1

Phần I: Tổng hợp các bài thuốc theo nhóm bệnh 4

1 Nhóm bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh.....4

1.1 Nhóm làm thuốc bổ cho phụ nữ.....4

Bài 1. Dùng làm thuốc bổ cho phụ nữ sau khi sinh bị yếu sức 4

Bài 2. Bổ cho phụ nữ mới sinh 4

Bài 3. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh 4

Bài 4. Thuốc bổ cho phụ nữ sau khi sinh..... 4

Bài 5. Sau sinh đẻ của phụ nữ..... 5

Bài 6. Thuốc bổ cho phụ nữ mới sinh 5

Bài 7. Thuốc bổ dùng cho phụ nữ sau sinh 5

Bài 8. Bổ cho phụ nữ sau sinh 5

Bài 9. Thuốc bổ cho sản phụ 5

Bài 10. Phụ nữ sau sinh khoẻ mạnh 6

Bài 11. Thuốc bổ cho phụ nữ sau sinh 6

Bài 12. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh 6

Bài 13. Thải hết chất dơ sau khi sinh, bổ khoẻ 6

Bài 14. Bổ khoẻ sau khi sinh..... 6

Bài 15. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh 7

Bài 16. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh. 7

1.2 Nhóm bài thuốc phòng và chữa bệnh cho phụ nữ sau sinh7

Bài 17. Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn sau khi sinh..... 7

Bài 18. Phụ nữ sau khi sinh không có sữa..... 7

Bài 19. Phụ nữ sau khi sinh co dạ con..... 8

Bài 20. Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn 8

Bài 21. Cầm máu cho phụ nữ băng huyết 8

Bài 22. Phụ nữ sau khi sinh, chống ngộ độc thức ăn..... 8

Bài 23. Phụ nữ sau sinh 8

Bài 24. Phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng 8

Bài 25. Phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng 9

Bài 26. Tan máu cho phụ nữ mới sinh 9

Bài 27. Phụ nữ sau sinh đẻ 9

Bài 28. Đau đầu, đau bụng khi phụ nữ sinh nở..... 9

Bài 29. Băng huyết cho phụ nữ sau sinh 9

Bài 30. Phụ nữ sau sinh 10

	<i>Bài 31. Phụ nữ sau sinh bị ngộ độc thức ăn</i>	10
	<i>Bài 32. Đau bụng ở phụ nữ sau sinh.....</i>	10
	<i>Bài 33. Trị nhức đầu, mỏi mệt sau sinh</i>	10
	<i>Bài 34. Băng huyết sau khi sinh.....</i>	11
	<i>Bài 35. Chống ngộ độc cho phụ nữ mới sinh</i>	11
	<i>Bài 36. Phụ nữ sau khi sinh, chống ngộ độc thức ăn.....</i>	11
	<i>Bài 37. Đau dây chằng.....</i>	11
2	Nhóm bài thuốc điều trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt.....	11
	<i>Bài 38. Sốt, sốt rét</i>	11
	<i>Bài 39. Sốt rét</i>	12
	<i>Bài 40. Sốt rét, sốt cách nhật.....</i>	12
	<i>Bài 41. Sốt rét</i>	12
	<i>Bài 42. Sốt rét</i>	12
	<i>Bài 43. Hạ nhiệt.....</i>	12
	<i>Bài 44. Trị sốt rét.....</i>	13
	<i>Bài 45. Nóng sốt.....</i>	13
	<i>Bài 46. Sốt, Sốt rét.....</i>	13
	<i>Bài 47. Sốt, sốt rét</i>	13
	<i>Bài 48. Trị sốt rét, mệt mỏi không ăn được.....</i>	13
	<i>Bài 49. Sốt mệt mỏi, đau chân khớp</i>	14
	<i>Bài 50. Sốt vàng da, bổ khỏe.....</i>	14
	<i>Bài 51. Sốt nóng.....</i>	14
	<i>Bài 52. Sốt mới dậy, yếu gầy, mất máu, đau bụng ói mửa.....</i>	14
	<i>Bài 53. Sốt nóng, mất tiếng ở trẻ em</i>	14
	<i>Bài 54. Trị sốt, sốt rét co giật- phụ nữ thiếu sữa sau sinh.....</i>	15
	<i>Bài 55. Sốt rét</i>	15
	<i>Bài 56. Sốt rét</i>	15
	<i>Bài 57. Bệnh sỏi.....</i>	15
	<i>Bài 58. Trị sốt rét.....</i>	15
	<i>Bài 59. Sốt rét</i>	16
	<i>Bài 60. Thuốc hạ nhiệt.....</i>	16
	<i>Bài 61. Hạ nhiệt.....</i>	16
3	Nhóm bài thuốc bồi bổ sức khỏe, an thần.....	16
	<i>Bài 62. Thuốc bổ khỏe, chống đau lưng</i>	16
	<i>Bài 63. Thuốc bổ.....</i>	16
	<i>Bài 64. Thuốc bổ.....</i>	17
	<i>Bài 65. Thuốc bổ.....</i>	17

	<i>Bài 66. Thuốc bổ khỏe, ăn ngon ngủ yên</i>	17
	<i>Bài 67. Thuốc an thần.....</i>	17
	<i>Bài 68 . Thuốc bổ khỏe</i>	17
	<i>Bài 69. Thuốc bổ.....</i>	17
	<i>Bài 70. Bổ khỏe tăng sinh lực</i>	18
	<i>Bài 71. Bổ khỏe.....</i>	18
	<i>Bài 72. Bổ Khỏe</i>	18
4	Nhóm bài thuốc chữa trị mỗi mệt, đau chân, đau lưng, khớp	18
	<i>Bài 73. Đau khớp đau lưng.....</i>	18
	<i>Bài 74. Mỗi chân, đau khớp, bong gân</i>	18
	<i>Bài 75. Mệt mỗi, đau chân khớp</i>	19
	<i>Bài 76. Bong gân sai khớp</i>	19
	<i>Bài 77. Đau cơ dưới sườn (do làm việc nặng)</i>	19
	<i>Bài 78. Đau lưng</i>	19
	<i>Bài 79. Đau khớp đau xương.....</i>	19
	<i>Bài 80. Trị đau lưng, đau khớp</i>	19
	<i>Bài 81. Đau khớp - Đau lưng</i>	20
5	Nhóm bài thuốc trị rắn, rết, bọ cạp cắn, ong đốt,	20
	<i>Bài 82. Trị rắn cắn.....</i>	20
	<i>Bài 83. Chữa rắn cắn</i>	20
	<i>Bài 84. Rết cắn.....</i>	20
	<i>Bài 85. Trị rắn cắn.....</i>	20
	<i>Bài 86. Rắn cắn.....</i>	21
	<i>Bài 87. Rắn cắn.....</i>	21
	<i>Bài 88. Rắn cắn.....</i>	21
	<i>Bài 89. Trị rắn cắn.....</i>	21
	<i>Bài 90. Trị rắn cắn.....</i>	21
	<i>Bài 91. Ong đốt</i>	22
6	Nhóm bài thuốc trị bệnh ho, hen, cảm.....	22
	<i>Bài 93. Ho</i>	22
	<i>Bài 94. Ho ra máu</i>	22
	<i>Bài 95. Ho</i>	22
	<i>Bài 96. Ho.</i>	22
	<i>Bài 97. Cảm ho</i>	23
	<i>Bài 98. Ho lao, Ho tức ngực</i>	23
	<i>Bài 99. Ho liên tục.....</i>	23
	<i>Bài 100. Ho ra máu</i>	23

	Bài 101. Trị ho.....	23
	Bài 102. Thuốc Ho	23
	Bài 103. Ho cảm lạnh, chảy mũi nước	24
7	Nhóm bài thuốc trị sưng đau mụn nhọt, mẫn ngứa dị ứng, sởi, bồng	24
	Bài 104. Chữa mụn nhọt	24
	Bài 105. Trị mụn nhọt.....	24
	Bài 106. Sưng đau mép tai (mang tai)	24
	Bài 107. Sưng đau	24
	Bài 108. Xốt ngứa, dị ứng.....	25
	Bài 109. Trị bồng.....	25
	Bài 110. Đau sưng ngón tay, chân.....	25
	Bài 111. Rôm sảy, ngứa, nóng người.....	25
	Bài 112. Nước ăn chân.....	25
	Bài 113. Bệnh ghẻ	25
	Bài 114. Hắc bào, lang beng, mụn nhọt, bồng.....	26
	Bài 115. Trị ngứa.....	26
	Bài 116. Trị mụn nhọt.....	26
	Bài 117. Nước ăn chân.....	26
	Bài 118. Trị mụn nhọt.....	26
	Bài 119. Trị mụn nhọt.....	26
	Bài 120. Trị ngứa, dị ứng.....	27
	Bài 121. Bệnh sởi.....	27
8	Nhóm bài thuốc trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lỵ, đau bao tử.....	27
	Bài 122. Đau bụng sưng to	27
	Bài 123. Đau bụng bí tiểu tiện.....	27
	Bài 124. Đau bụng	27
	Bài 125. Đau bụng, kiết lỵ	27
	Bài 126. Đau bụng ói mửa	28
	Bài 127. Đau bụng	28
	Bài 128. Đau bụng	28
	Bài 129. Đau bụng tiêu chảy.....	28
	Bài 130. Đau bao tử	28
	Bài 131. Đau bụng	28
	Bài 132. Kiết lỵ	29
	Bài 133. Đau bụng	29
	Bài 134. Đau bụng trẻ con	29
	Bài 135. Đau bụng, sốt	29

<i>Bài 136.</i>	Đau bụng	29
<i>Bài 137.</i>	Đau bụng tiêu chảy, đau bao tử.....	29
<i>Bài 138.</i>	Đau bụng tiêu chảy ra máu	30
<i>Bài 139.</i>	Đau bụng, kiết kỵ.....	30
<i>Bài 140.</i>	Đau bụng thổ tả	30
<i>Bài 141.</i>	Trị thổ tả.....	30
<i>Bài 142.</i>	Chướng bụng đầy hơi.....	30
<i>Bài 143.</i>	Thổ tả.....	31
<i>Bài 144.</i>	Đau bụng	31
<i>Bài 145.</i>	Đau bụng thổ tả	31
<i>Bài 146.</i>	Đau bụng	31
<i>Bài 147.</i>	Đau bao tử.....	31
<i>Bài 148.</i>	Đau bụng	32
<i>Bài 149.</i>	Đau bụng	32
<i>Bài 150.</i>	Đau bụng	32
<i>Bài 151.</i>	Kiết kỵ	32
<i>Bài 152.</i>	Kiết Ly.....	32
<i>Bài 153.</i>	Đau bụng đi kiết.....	32
<i>Bài 154.</i>	Đau bụng sinh hơi.....	33
<i>Bài 155.</i>	Đau bụng quặn	33
<i>Bài 156.</i>	Xổ sán xơ mít.....	33
<i>Bài 157.</i>	Đau đường ruột.....	33
<i>Bài 158.</i>	Đau bụng đi cầu.....	33
<i>Bài 159.</i>	Trị thổ tả.....	33
<i>Bài 160.</i>	Đau bụng	34
<i>Bài 161.</i>	Đau bụng	34
<i>Bài 162.</i>	Trị đau bụng.....	34
<i>Bài 163.</i>	Đau bụng thổ tả	34
9	Nhóm bài thuốc trị đau răng sâu răng.....	34
<i>Bài 164.</i>	Đau răng	34
<i>Bài 165.</i>	Sâu răng	34
<i>Bài 166.</i>	Đau răng	35
<i>Bài 167.</i>	Đau răng, Viêm họng.....	35
<i>Bài 168.</i>	Đau răng	35
10	Nhóm bài thuốc trị đau thận, đau lưng, bí tiểu, đái đường.....	35
<i>Bài 169.</i>	Đau thận, đái đục.....	35
<i>Bài 170.</i>	Trị đau thận (đái ra máu, tức hông)	35

	<i>Bài 171. Đái buốt, khó đi tiểu</i>	36
	<i>Bài 172. Đái đường</i>	36
	<i>Bài 173. Bí tiểu</i>	36
	<i>Bài 174. Bí tiểu, đái đục, thận</i>	36
	<i>Bài 175. Đau thận</i>	36
	<i>Bài 176. Đau thận</i>	37
	<i>Bài 177. Đau thận - Đái ra máu - Sỏi thận</i>	37
	<i>Bài 178. Đau thận - Sỏi thận</i>	37
	<i>Bài 179. Đau thận - Sỏi thận</i>	37
11	Nhóm bài thuốc cầm máu vết thương, máu cam	37
	<i>Bài 180. Cầm máu</i>	37
	<i>Bài 181. Chữa cầm máu</i>	38
	<i>Bài 182. Cầm máu</i>	38
	<i>Bài 183. Đổ máu cam</i>	38
	<i>Bài 184. Chảy máu cam</i>	38
12	Nhóm bài thuốc trị bệnh phù thũng	38
	<i>Bài 185. Chữa bệnh phù</i>	38
	<i>Bài 186. Phù thũng</i>	39
	<i>Bài 187. Phù thũng</i>	39
	<i>Bài 188. Bệnh phù</i>	39
13	Nhóm bài thuốc trị bệnh bại liệt, tê liệt chân tay	39
	<i>Bài 189. Trị tê liệt chân tay</i>	39
	<i>Bài 190. Tê liệt</i>	40
14	Nhóm bài thuốc trị bệnh đau mắt	40
	<i>Bài 191. Phòng đau mắt</i>	40
	<i>Bài 192. Đỏ mắt - Đau mắt</i>	40
	<i>Bài 193. Đau mắt, đỏ mắt</i>	40
15	Nhóm bài thuốc trị bệnh gan	41
	<i>Bài 194. Thuốc chống xơ gan, trúng gió, bồi bổ cơ thể</i>	41
	<i>Bài 195. Bệnh vàng da, bệnh gan</i>	41
16	Nhóm bài thuốc trị đau bao tử	41
	<i>Bài 196. Đau bao tử</i>	41
	<i>Bài 197. Đau bao tử</i>	41
	<i>Bài 198. Đau bao tử, ruột, phổi, gan, lá lách</i>	41
	<i>Bài 199. Đau bao tử</i>	41
	<i>Bài 200. Đau bao tử</i>	42

17	Nhóm bài thuốc trị bệnh thương hàn	42
	<i>Bài 201.</i> Đau thương hàn	42
	<i>Bài 202.</i> Thương hàn.....	42
18	Một số bài thuốc trị các loại bệnh khác	42
	<i>Bài 203.</i> Đau tim (khó thở)	42
	<i>Bài 204.</i> Trị đau tai, thối tai	43
	<i>Bài 205.</i> Bệnh lậu, mụn nhọt.....	43
	<i>Bài 206.</i> Bệnh Lậu	43
	<i>Bài 207.</i> Giải độc.....	43
	Phần II: Danh mục tra cứu cây thuốc (Gồm 172 loài)	44

GIỚI THIỆU VÀ CÁCH TRA CỨU BÀI THUỐC - CÂY THUỐC

Tập bài thuốc, cây thuốc dân gian này giới thiệu 172 loài cây thuốc cấu tạo nên 207 bài thuốc. Đây là tập bài thuốc, cây thuốc được sưu tập, xác định trong khuôn khổ đề tài : “*Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn*”. Tri thức về bài thuốc và cây thuốc được phát hiện và sưu tập ở 10 buôn trong vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn và thông qua tổ chức điều tra thu thập tiêu bản, mẫu vật và giám định thực vật.

Mục đích thiết lập tập bài thuốc, cây thuốc này là:

- Làm cơ sở lưu trữ, bảo tồn và phát triển tri thức bản địa về sử dụng bài thuốc, cây thuốc trong vùng đệm phục vụ cho đời sống cộng đồng cũng như cung cấp các thông tin về tài nguyên cây thuốc cho các đối tượng quản lí sử dụng.
- Cung cấp một tài liệu tổng hợp bài thuốc được sắp xếp theo nhóm bệnh, tiện cho việc tra cứu, sử dụng
- Cung cấp thông tin chi tiết về loài cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc giúp cho việc bảo tồn, sử dụng và phát triển các loài thảo mộc làm thuốc theo kinh nghiệm truyền thống

Cách tra cứu bài thuốc, cây thuốc:

Phần I: Dùng để tra cứu các bài thuốc theo bệnh, gồm 207 bài thuốc được sắp xếp theo 18 nhóm bệnh. Bài thuốc được mã số từ BT1, BT2, BT3, ... BT207. Mỗi bài thuốc bao gồm các tri thức, thông tin chính sau:

- Tên bài thuốc, công dụng
- Tên người cung cấp thông tin và địa chỉ đặt trong ngoặc sau tên bài thuốc
- Các loài cây thuốc dùng trong bài thuốc, được mã số CT1, CT2, CT3,... CT172. Việc mã số này tạo nên sự thuận tiện trong việc tra cứu danh lục thảo mộc, xác định hình thái, phân bố của từng loài được trình bày và minh hoạ hình ảnh trong phần II cũng như trong tập ảnh và tiêu bản thực vật khô kèm theo. Tên cây thuốc được viết bằng tiếng phổ thông, tiếng Lào (Cốc), tiếng M' Nông (Tom),
- Bộ phận sử dụng của từng loài cây làm thuốc
- Cách pha chế và sử dụng, liều dùng của bài thuốc

Phần II: Dùng để tra cứu loài thảo mộc làm thuốc, mỗi bài thuốc có thể bao gồm một đến nhiều loài thực vật làm thuốc đã được mã số trong từng bài thuốc, trên cơ sở mã số đó tiếp tục tra cứu phần II này để có thêm thông tin chi tiết về thực vật. Gồm có 172 loài dùng làm thuốc, bao gồm:

- Mã số cây thuốc theo thứ tự để tra cứu theo bài thuốc: CT1, CT2, ...
- Tên thực vật: Tên phổ thông, Lào, M'Nông (hai ngôn ngữ sử dụng phổ biến trong vùng đệm), tên khoa học, thuốc họ và bộ nào
- Mô tả hình thái thực vật và phân bố và yêu cầu sinh thái loài
- Hình ảnh minh hoạ tiêu bản thực vật



Thu thập và giám định tiêu bản cây thuốc cùng với cộng đồng vùng đệm



Treo tên thực vật cây thuốc trong vườn cây thuốc buôn Drăng Phok



Người dân tham gia giám định thực vật và phát triển vườn cây thuốc cộng đồng – Buôn Drăng Phok



Thảo luận và thu thập về kiến thức bản địa trong sử dụng bài thuốc, cây thuốc – Buôn Trí B



Định vị tọa độ, vị trí loài cây làm thuốc trong rừng – VQG Yok Đôn

PHẦN I: TỔNG HỢP CÁC BÀI THUỐC THEO NHÓM BỆNH

(207 bài thuốc)

1 Nhóm bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh

1.1 Nhóm làm thuốc bổ cho phụ nữ

Bài 1. Dùng làm thuốc bổ cho phụ nữ sau khi sinh bị yếu sức

(*Ma Nhôm – B.Trí*)

- Cây 1 (CT39): Chòi mòi chua, cóc mậu, tơm tô rờ ne - dùng rễ làm thuốc
- Cây 2 (CT60): Bồ quân ấn độ, cóc mạc ben, tơm cấp - dùng rễ làm thuốc
- Cây 3 (CT18): Mát mèo gai, cóc ca chai, tơm tong đơ - dùng rễ làm thuốc

Mỗi loại lấy liều lượng như nhau, mỗi loại một nắm cho một lần nấu, rễ đào về rửa sạch, băm nhỏ cho vào nồi nấu hoặc có thể phơi khô để dành. Uống thuốc thường xuyên như uống trà.

Bài 2. Bổ cho phụ nữ mới sinh

(*Ma Nhôm – B.Trí*)

Cây (CT10): Chè long, cóc xe tanh, tơm chia ran quai - Cả cây được sử dụng làm thuốc

Thân, rễ, lá dùng nấu nước uống thơm, có thể dùng tươi hay phơi khô, uống thay trà hàng ngày giúp ăn ngon ngủ yên (có thể dùng được cho mọi người)

Bài 3. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh

(*Ma Tiên – B. Đrăng Phôk*)

Cây (CT21): Cáp gai nhỏ, cóc nuộc meo, tơm tec rơ mí - Dùng gỗ làm thuốc

Lấy gỗ bỏ vỏ nấu với mía chặt khúc cho phụ nữ sau khi sinh uống có tác dụng bổ khỏe.

Bài 4. Thuốc bổ cho phụ nữ sau khi sinh

(*Ây Nô - B. Trí*)

Cây (CT37): Côm bắc bộ, cóc mạc khom - Dùng phần gỗ để làm thuốc

Phụ nữ sau khi sinh lấy gỗ cây bỏ vỏ băm nhỏ sắc nước uống như uống trà hàng ngày, mỗi ấm cỡ 2 lạng.

Bài 5. Sau sinh đẻ của phụ nữ

(Y Nhót – B.Tul A)

- Cây 1 (CT30): Sỏ đất, cóc sạn tịa, tom no srê - dùng rễ củ làm thuốc
- Cây 2 (CT36): Thị mâm, cóc hương quang, tom pôm - dùng rễ cây
- Cây 3 (CT4): Sung, Ja hạt điều - dùng rễ
- Cây 4 (CT75): Cắm xe, cóc đeng, tom Kpek - Lõi cây gỗ

Lấy ba loại 1, 2, 3 mỗi loại 1kg. Lấy 5kg lõi gỗ cây cắm xe. Loài 1, 2, 3 rửa sạch phơi khô chia làm 30 phần bằng nhau, mỗi ngày dùng một phần đun sôi uống như uống trà. Riêng cắm xe cho vào nồi đun sôi, pha nước lạnh vừa ấm để tắm ngày 1 lần với 1kg lõi (tắm 5 ngày)

Bài 6. Thuốc bổ cho phụ nữ mới sinh

(A ma Mốt – B. Tul B)

Cây (CT75): Cắm xe, cóc đeng, tom rpek - Dùng thân cây làm thuốc

Lấy đoạn thân sát gốc, bỏ vỏ, băm nhỏ, cho vào đây ấm, đổ nước nấu sôi, uống hết trong ngày dùng cho phụ nữ mới sinh. Một ấm có thể nấu 3 lần, khát lúc nào uống lúc đó thay trà, uống trong vòng 10 ngày.

Bài 7. Thuốc bổ dùng cho phụ nữ sau sinh

(Y Đôn Ê ban – B. Đôn)

Cây 1 (CT30): Sỏ đất, cóc sạn tịa, tom no xrê - dùng rễ để làm thuốc

Cây 2 (CT78): Sung, cố mạc ka đư, tom plai rờ vi - dùng quả xanh làm thuốc

Mỗi thứ một lượng, dùng tươi đun với 2 lít nước còn 1 lít, uống liên tục một tuần, dùng trong vòng một tháng từ lúc sinh. Khi uống thuốc kiên ăn thịt gà, vịt.

Bài 8. Bổ cho phụ nữ sau sinh

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT12): Bán tràng, neng so, tom tron - Phần thân dùng làm thuốc

Lấy thân cắt khúc băm nhỏ (cạo bỏ phần vỏ ngoài) xé nhỏ ngâm vào rượu, khi thấy màu đỏ là có thể uống được. Phụ nữ sau khi sinh 3 tháng mới được uống, ngày uống 3 lần sau mỗi bữa ăn.

Bài 9. Thuốc bổ cho sản phụ

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT88): Xăng mã răng, cóc bồn năng - Dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ khoảng 1 lạng nấu với 1 lít nước còn một nửa cho phụ nữ sau khi sinh uống có tác dụng bổ khỏe, ăn ngon ngủ yên (uống như nước)

Bài 10. Phụ nữ sau sinh khoẻ mạnh

(Ama Me – B. Réch)

- Cây 1 (CT36): Thị mâm, hưỡng quang, tơm bôm - dùng rễ cây để làm thuốc
- Cây 2 (CT60): Bồ quân ấn độ, cóc mạc beng, tơm cấp - dùng rễ để làm thuốc
- Cây 3 (CT47): Rì rì, Khay khi lậu, tơm kraik - dùng thân cây làm thuốc

Mỗi loại lấy 500g, thu hái tươi rễ và thân rửa sạch, băm nhỏ thành miếng mỏng cho vào nồi đổ vào khoảng 2 lít nước đun sôi kỹ, khi thuốc nấu lên có màu và mùi vị. Mỗi ngày nấu một nồi để uống. Uống thay nước hàng ngày, uống liên tục trong 2 tuần liền.

Bài 11. Thuốc bổ cho phụ nữ sau sinh

(Yphem – B. Tul B.)

Cây (CT83): Hoa mai, cóc sạn nạo - Dùng rễ để làm thuốc

Đào lấy rễ, rửa sạch băm nhỏ cho vào ấm khoảng 1-2 lạng, đổ đầy nước đun sôi lên cho phụ nữ sau khi sinh uống, mỗi ngày dùng một ấm. Thuốc có tác dụng bổ khỏe. Dùng thuốc trong 10 ngày liên tục.

Bài 12. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh

(Ma Nhôm – B. Trí)

- Cây 1 (CT18): Muồng gai, cóc ca chai, tơm tong dơ - dùng rễ làm thuốc
- Cây 2 (CT1): Dương đào, cóc xai đen khưa - dùng rễ làm thuốc

Cả 2 loài lấy mỗi thứ 1 lạng rễ, nấu cho phụ nữ sau khi sinh uống sẽ mau hồi phục sức khỏe, ăn uống tốt, đi lại được.

Bài 13. Thải hết chất dơ sau khi sinh, bổ khỏe

(Ma vân - Zang Lành)

- Cây 1 (CT132): Gòn gai, Cốc nhụ pa, tơm Blang - Lấy thân gỗ cạo sạch bỏ vỏ ngoài.
- Cây 2(CT146): Mã rạng, Cốc Gua lình - Lấy thân gỗ, cạo bỏ vỏ ngoài.

Cách pha chế: Lấy 2 loại nấu nước uống sau khi sinh, uống càng nhiều càng tốt.

Bài 14. Bổ khỏe sau khi sinh

(Ây Khét- B. Ea Rông)

- Cây 1 (CT30): Sổ đất, Cốc sạn tia, tơm Mlo xê - lấy rễ.

- Cây 2 (CT18): Muồng gai, Cốc Hạt Kơ Chai, tom tong dơ - lấy rễ.

Hai loài lấy rễ nấu nước uống hoặc ngâm rượu uống sau khi sinh hai ngày sẽ thấy bổ khoẻ.

Bài 15. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh

(Y Bớt - B. Réch)

- Cây 1 (CT143) : Dành dành lá lớn, tom ngót – dùng cả cây và rễ làm thuốc.

- Cây 2 (CT97): Dót sành, cốc nho sụm, tom Drô răng - lấy rễ làm thuốc.

- Cây 3 (CT147): Phèn đen lá lớn, Pa đông phay, tom Xi Kôl - lấy rễ làm thuốc.

- Cây 4 (CT130): Chân danh, cốc sám khoai, tom Rvāk quăn,(tom Si trôn) - lấy rễ để làm thuốc.

Các cây trên lấy bằng nhau băm nhỏ dùng tươi hay phơi khô để uống, như uống trà. Dùng cho phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh đi làm được ngay.

Bài 16. Phụ nữ sau khi sinh khoẻ mạnh.

(Y Bớt - B. Réch)

Cây (CT160): Bụp lá nhám, tom Tí phan – dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy rễ cây nấu uống, cỡ 1 nắm rễ to cho một lần nấu, nấu nhiều lần.

1.2 Nhóm bài thuốc phòng và chữa bệnh cho phụ nữ sau sinh

Bài 17. Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn sau khi sinh

(Y Khu – B. Đôn)

Cây (CT50 & 55): Biến hướng, tràng hạt lá nhỏ, cà đục ung, tom tin két - Dùng rễ cây làm thuốc

Đào lấy một nắm lớn cho vào nồi nấu với 1 lít nước còn lại một nửa để uống, chống bị ngộ độc thức ăn cho phụ nữ sau sinh.

Bài 18. Phụ nữ sau khi sinh không có sữa

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT92): Dành dành lá tù, cocolom phục, tom mờ ra tó - Dùng rễ cây để làm thuốc

Khi phụ nữ mới sinh không có sữa, dùng một nắm rễ lớn băm nhỏ nấu uống, khi uống sẽ có sữa ngay (có thể dùng rễ tươi hay khô)

Bài 19. Phụ nữ sau khi sinh co dạ con

(H Phi – B.Ea Rông)

Cây (CT36) : Thị mâm, cóc hương quang, tom pôm - Dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy một đoạn rễ dài khoảng 30cm, bóc vỏ rễ bỏ đi, băm nhỏ đun sôi để uống, nước thuốc có màu vàng. Chỉ uống trong một ngày sau khi sinh để giúp co dạ con.

Bài 20. Phụ nữ bị ngộ độc thức ăn

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT41): Thầu mật, cóc hàng nam, tom nhênh - Dùng rễ hay thân để làm thuốc

Băm nhỏ, mỗi lần dùng khoảng 100g, nấu hay ngâm vào nước nóng để uống khi bị ngộ độc do thức ăn, có thể dùng tươi hay phơi khô dùng dần.

Bài 21. Cầm máu cho phụ nữ băng huyết

(Ama Mốt – B. TulB)

Cây (CT75): Cầm xe, cóc đeng, tom Kpeh - Dùng rễ, thân để làm thuốc.

Lấy khoảng một nắm rễ, thân băm dăm nấu với 3 chén nước còn lại một chén, nước thứ 2 nấu 4 chén còn một chén. Uống sau bữa ăn ngày 2 đến 4 lần.

Bài 22 .Phụ nữ sau khi sinh, chống ngộ độc thức ăn

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT58): Tràng hạt cạnh 3, cóc san tế - Dùng rễ cây để làm thuốc

Đào khoảng 1 nắm rễ cây (cỡ 1-2 lạng) nấu uống thay uống nước, phụ nữ sau sinh khi uống vào sẽ ăn được mọi thứ không kiên cử

Bài 23. Phụ nữ sau sinh

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT56): tràng quả, cóc két lin, tom a tát jia - Dùng rễ làm thuốc

Lấy rễ cây nấu nước uống hàng ngày, mỗi lần nấu 1-2 lạng, nấu uống thay trà, nấu nhiều lần đến khi lạt thuốc.

Bài 24. Phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng

(Ma Tiêng – B.Đrăng Phók)

Cây (CT64): Gối hạt, tom si nút - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ băm nhỏ lấy nước uống, lấy khoảng một nắm nấu với 1 lít nước, đun sôi lên uống dần nhiều lần trong ngày.

Bài 25. Phụ nữ mới sinh bị lạnh bụng

(Ma Tiêng – B.Đrăng Phôk)

Cây (CT49): Phèn đen nhỏ, pa đông một lịn, tom ngâu bam srê - Dùng rễ để làm thuốc

Dùng cỡ một nắm rễ cho mỗi lần nấu, băm nhỏ nấu chia thành nhiều lần để uống.

Bài 26. Tan máu cho phụ nữ mới sinh

(Y Khu – B. Đôn)

- Cây 1 (CT30): Sủ đất, cóc mạc sạn tịa, tom no srê - dùng rễ làm thuốc

- Cây 2 (CT36): Thị mâm, cóc hưỡng quang, tom Pôm - dùng rễ

Rễ hai loài đều được băm nhỏ, lấy 1 nắm rễ cây sủ đất cùng với 1/2 nắm rễ cây thị mâm cho vào nồi nấu uống thay nước hàng ngày, mỗi ngày một nồi, uống trong vòng 1-2 tuần.

Bài 27. Phụ nữ sau sinh đẻ

(Y Sa – B. Tul A)

Cây (CT97): Dót sành, cóc nho sụm, tom Drô răng - Dùng rễ và lõi cây để làm thuốc.

Lấy 3kg rễ cùng với 3 kg lõi cây, băm thành lát nhỏ phơi khô chia thành 30 phần bằng nhau, ngày dùng một phần cho vào ấm đun sôi một tô nước(3 ly) còn một ly cối để uống, uống 3 ly trong 1 ngày.

Bài 28. Đau đầu, đau bụng khi phụ nữ sinh nở

(Áy Nô - B. Tri)

Cây (CT45): Ba đậu cuống dài, tom sập pāl - Dùng phần rễ củ để làm thuốc

Lấy phần gốc khoảng 1 lạng cho mỗi lần sắc uống, đun sôi để nguội uống thay nước trà hàng ngày

Bài 29. Băng huyết cho phụ nữ sau sinh

(Ma Thạ - B. Zang lành)

Cây (CT30): Sủ đất, cóc sạn tịa, tom no srê - Dùng rễ, thân làm thuốc

Đào lấy rễ, lấy thân băm nhỏ cỡ một nắm lớn bỏ vào nồi nấu nước uống, khi sắc thuốc thấy ra màu là có thể uống được.

Bài 30. Phụ nữ sau sinh

(Ây Khét- B. Êa Rông)

Cây (CT2): Mả ca, cóc muôn cờ tai, tôm rpai - Dùng rễ và cả cây để làm thuốc

Rễ và gỗ băm nhỏ nấu cho phụ nữ sau sinh uống.

Bài 31. Phụ nữ sau sinh bị ngộ độc thức ăn

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT114): Lôi thọ, cóc sắc khị cay, tôm thuật thôn - Dùng rễ hoặc cây để chữa bệnh

Phụ nữ khi sinh ăn phải thức ăn trúng độc cứng mồm có thể dùng rễ hay thân của loài này sắc nước cho uống. Lấy rễ hay thân băm nhỏ khoảng 1-2 lạng nấu với một lít nước cô đặc lại còn 1 ly 200ml uống ngay khi ngộ độc.

Bài 32. Đau bụng ở phụ nữ sau sinh

(H Phi – B. Ea Rông)

Cây (CT60): Bò quân ấn độ, cóc mạc beng, tôm cấp - Dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy khoảng 2-3 đoạn rễ, băm nhỏ nấu uống. Khi nấu lên nước có màu đỏ, uống thay nước hàng ngày.

Bài 33. Trị nhức đầu, mỏi mệt sau sinh

(Ây Thuôn – Zang lành)

Phụ nữ mới sinh ăn nhầm thực phẩm không phù hợp bị cứng hàm không nói được, uống sẽ khỏe.

- Cây 1 (CT158): Dó miết xoan, cóc sạn niê, Cóc hạt điều - lấy rễ củ.

- Cây 2 (CT36): Thị Mâm, cóc hưởng quang, tôm Bôm - lấy thân.

- Cây 3 (CT41): Thẩu mật, cóc Hằng Nam, tôm nhênh.- dùng thân

- Cây 4 (CT60): Bò quân ấn độ, Cóc mạc beng, tôm cấp- dùng thân

- Cây 5 (CT30): Sổ đất, cóc sạn tia, tôm Mlo xre - dùng rễ

- Cây 6 (CT151): Cầm lai vú, cóc pa đồng đen – dùng vỏ

- Cây 7 (CT92): Dành dành lá tù, cóc hạt lom phúc, tôm plai ra tó – dùng rễ

Lấy 7 loài nấu nước uống hàng ngày

Lưu ý: Khi uống không được uống thuốc tây, uống rượu.

Chỉ có đàn ông lấy thuốc và nấu nước, đàn bà không được đụng vào thuốc.

Bài 34. Băng huyết sau khi sinh

(Ây Khét - B. Ea Rông)

Cây(CT152): Đồng tiền lông, cóc Ling nhây – dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ nấu nước uống sẽ cầm máu khi bị băng huyết sau khi sinh.

Bài 35. Chống ngộ độc cho phụ nữ mới sinh

(Y Nh a- B. Đrăng phôk)

- Cây 1(CT130): Chân danh, cóc Sám khoai, tom R vak quăn – dùng rễ để làm thuốc

- Cây 2 (CT41): Thấu mật Cam pu chia, cóc hàng nam, tom Nhênh - dùng rễ để làm thuốc

Rễ 2 loại trên băm nhỏ phơi khô, liều lượng mỗi loại lấy bằng nhau. Mỗi loại một nắm cho chung vào nồi nấu lấy nước uống như trà, có tác dụng giúp phụ nữ ăn ngon khoẻ mạnh sau khi sinh đẻ, chống được ngộ độc thức ăn. Ngoài ra Rvak quăn có thể ngâm rượu để uống tác dụng bổ. Bài thuốc này còn sử dụng cho trường hợp hư thai khi uống sẽ ra thai dễ dàng.

Bài 36. Phụ nữ sau khi sinh, chống ngộ độc thức ăn

(Ma Thao - B.Trí)

Cây (CT19): Muồng hôi, cóc lạp mứn, tom Kê pe. – dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ, nấu uống, dùng cho phụ nữ mới sinh bị ngộ độc thức ăn.

Bài 37. Đau dây chằng

(Ây Khét – B. Ea Rong)

Cây (CT108): Thao kén đực, cóc Pịt cây dăm – dùng rễ để làm thuốc

Phụ nữ khi bị đau dây chằng. Lấy rễ nấu nước uống thường ngày đến khi hết bệnh

2 Nhóm bài thuốc điều trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt

Bài 38. Sốt, sốt rét

(Y Lư - B. Êa Rông)

Cây (CT83): Hoa mai, cóc sạn nạo - Dùng phần thân để làm thuốc

Lấy phần thân gọt bỏ vỏ, băm nhỏ có thể dùng tươi hay khô, mỗi lần nấu khoảng 1-2 lượng với 1 lít nước, cô lại còn 1 ly lớn. Uống sau khi ăn, 2-3 lần trong ngày, uống đến khi khỏi bệnh thì thôi.

Bài 39. Sốt rét

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT16): Núc nác, mạc lin mạy, pa lung - Dùng quả để làm thuốc

Dùng quả tươi hay khô để làm thuốc trị sốt rét. Đối với quả tươi, ăn sống từ 1-2 quả trong ngày. Đối với quả khô mỗi ngày nấu nước 1 quả (băm nhỏ) nấu với 2 lít nước còn 1/2 lít chia nhiều lần uống trong ngày.

Bài 40. Sốt rét, sốt cách nhật

(Ây Nô - B. Trí)

- Cây 1 (CT72): Sâm, cóc mọt e, tom Krai - dùng thân cây để làm thuốc

- Cây 2 (CT66): Mã tiền, cóc tum ca, tom mờ ravác - dùng vỏ để làm thuốc

Lấy 2 loại băm nhỏ sắc nước uống trị sốt rét và sốt cách nhật, mỗi lần nấu uống khoảng 1-2 lạng nấu với 2 lít nước còn một nửa chia ra uống nhiều lần trong ngày.

Bài 41. Sốt rét

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT86): Táo rừng lá lớn, Cốc mạc mai, tom plai meo - Lấy phần thân bỏ vỏ để làm thuốc.

Chặt lấy một đoạn thân, dùng lửa nướng 2 đầu sau đó lột bỏ vỏ chặt thân thành các khúc nhỏ để nấu nước uống trị sốt rét. Mỗi lần nấu một đoạn cỡ 2 lạng với 1 lít nước còn ½ lít uống 2 đến 3 lần trong ngày.

Bài 42. Sốt rét

(Ây Nô - B. Trí)

- Cây 1 (CT27): Choại, cóc hén, tom jang gia - dùng gỗ cây để làm thuốc

- Cây 2 (CT36): Thị mâm, cóc hưỡng quang, tom pôm - dùng rễ làm thuốc

- Cây 3 (CT95): Nhàu, cóc nho, tom nhao - dùng rễ để làm thuốc

Lấy 3 loại trên với lượng như nhau, mỗi thứ 1 lạng băm nhỏ nấu cùng 2 lít nước, cô đặc lại còn nửa lít, chia ra uống 2 đến 3 lần trong ngày.

Bài 43. Hạ nhiệt

(H' Ôi - B. Đôn)

- Cây 1 (CT71): Chối đực, cóc nhạ khách, tom puốc rơ hoai - dùng rễ để làm thuốc

- Cây 2 (CT118) : Cỏ tranh, tom Jia - dùng rễ

Đào rễ 2 loại rửa sạch dùng tươi hay phơi khô nấu nước uống thay trà hàng ngày, có tác dụng giải nhiệt giảm sốt. Mỗi lần nấu khoảng 1 nắm. Có thể dùng chung với rễ cau với rễ dứa.

Bài 44. Trị sốt rét

(Y Khen- B. Trí)

Cây (CT70): Dùi đục, khura póc sạn, tơm arao - Dùng phần rễ để làm thuốc

Đào lấy rễ khoảng 1-2 lạng băm nhỏ phơi khô hoặc để tươi nấu uống, dùng 2 lít nước để sắc còn 0,5 lít chia 3 lần uống trong ngày.

Bài 45. Nóng sốt

(Y Khiên – B. Trí)

Cây (CT106): Bá bệnh, tơm xen - Dùng rễ làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ phơi khô hay để tươi. Dùng một nắm to khoảng 1,5 lạng cho một lần nấu uống trong ngày.

Bài 46. Sốt, Sốt rét

(Ma Nhôm – Buôn Trí)

- Cây 1 (CT92): Cốc lom phúc, tơm mờ ra tó : dùng rễ để làm thuốc

- Cây 2 (CT29): Chiêu liêu, cốc sâm mo, tơm Rleo, - dùng rễ để làm thuốc

- Cây 3 (CT27): Chiêu liêu xanh, cốc hén, tơm yang rơ ja - dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ của 3 loài trên liều lượng bằng nhau, rửa sạch, băm nhỏ phơi khô hay dùng tươi để nấu thuốc trị sốt, sốt rét, vàng da. Mỗi ngày uống 1 nồi sắc khoảng 1-2 lạng thuốc.

Bài 47. Sốt, sốt rét

(Y Nha – B. Đrăng Phôk)

Cây (CT50&55): Biếng hướng, cà đục ưng, tơm tin két. - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy một nắm rễ rửa sạch, băm nhỏ nấu với 1,5 lít nước còn nửa lít uống trong một ngày. Uống thuốc trong vòng một tuần, có thể dùng lá hay thân để làm thuốc

Bài 48. Trị sốt rét, mệt mỏi không ăn được

(Ma Nhôm – B. Trí)

- Cây 1 (CT80): Dây thừng mùn, cốc y thực - dùng rễ làm thuốc

- Cây 2 (CT60): Bồ quân ấn độ, cốc mạc ben, tơm cấp - dùng rễ hay gỗ

- Cây 3 (CT38): Nhót rừng, cốc mạc tẹt, tơm a doi - dùng thân

Mỗi thứ liệu lượng bằng nhau, băm nhỏ để nấu nước uống, mỗi nồi nấu một nắm lớn, đổ nước vào đun còn một nửa để uống. Ngày uống một nồi 3 lần nấu.

Bài 49. Sốt mệt mỏi, đau chân khớp

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT53) : Cẩm lai đen, cóc pa đông, Tơm kôl - Dùng cây và rễ cả vỏ làm thuốc

Băm nhỏ thân cây hay rễ cây, phơi khô hay để tươi. Lấy một nắm to khoảng 1,5 lạng cho vào nồi nấu cùng với 1 lít nước đến khi còn một nửa chia ra uống nhiều lần trong ngày.

Bài 50. Sốt vàng da, bỏ khỏe

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT36): Thị mâm, cóc hương quang, tơm pôm - Dùng rễ làm thuốc

Rễ đào về rửa sạch băm nhỏ, ngâm vào nước nóng hay đun lên để uống hàng ngày như uống trà; có thể kết hợp với một số loài cây dùng làm thuốc bổ khác.

Bài 51. Sốt nóng

(Y Bin – B. Ea Rông)

Cây (CT91): Dành dành ăng co, cóc khay nâu, tơm brép - Dùng thân cây hay rễ

Khi sốt nóng dùng thân cây hay rễ cắt khúc, băm nhỏ ngâm vào nước nóng hay nấu uống thay trà

Bài 52. Sốt mới dậy, yếu gầy, mất máu, đau bụng ói mửa

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT43): Đòm, cóc tăng tạ - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ cây băm nhỏ nấu uống nhiều lần trong ngày

Bài 53. Sốt nóng, mất tiếng ở trẻ em

(Ây Khét – B. Ea Rông)

- Cây 1 (CT61): Kơ nia, cóc Pốc, tơm nher - dùng thân cây cả vỏ

- Cây 2 (CT15): Đạt phước, cóc càng không, tơm tang toi - dùng gỗ cây

Cả 2 loại lấy lượng bằng nhau băm nhỏ, dùng khoảng 1 nắm (cỡ 1 lạng) nấu nước cho trẻ bị sốt nóng, ho mất tiếng uống kết hợp với việc dùng lá kèm hình kim của cây Kơ nia châm vào dưới lưỡi của trẻ.

Bài 54. Trị sốt, sốt rét co giật- phụ nữ thiếu sữa sau sinh

(Ma Nhôm – B. Trí)

- Cây 1 (CT90): Da hươu, cóc mục đen, tôm bra sốt - dùng thân cây hay rễ

- Cây 2 (CT99): Găng mài, cóc mục khảo, tôm Mờ ra xuất ngang - dùng thân hay rễ

Cả 2 loại đều được băm nhỏ để sắc nước uống - nấu sôi để nguội mới uống, mỗi lần dùng 1-2 lạng. có thể dùng một trong 2 loại nếu không đủ 2 loại.

Bài 55. Sốt rét

(Y Khái- B. Ea Mar)

Cây (CT66): Mã tiên, cóc tum ca, tôm mờ ra vác - Dùng hạt làm thuốc

Lấy phần thịt hạt bỏ phần vỏ cứng, chia hạt làm 4 phần, ngày uống 4 lần mỗi lần 1/4 hạt.

Bài 56. Sốt rét

(Y Klon – B. Ea Rông)

Cây (CT75): Cắm xe, cóc đeng, tôm rpek - Dùng nhựa trong cây để làm thuốc

Người bị sốt rét, lấy thân cây còn tươi một đoạn ngắn, đốt lửa 2 bên thân cây cho nóng lên, làm cho cây chảy nhựa ra lấy nhựa này để uống.

Liều lượng: lấy lượng nhựa bằng hạt bắp cho vào nước sôi, hòa tan uống hết, ngày uống 3-4 lần.

Bài 57. Bệnh sỏi

(Ma Chư Rim – B. Nà Xược)

Cây (CT26): Chiêu liêu đen, tôm Ja rế, cóc xược - Dùng vỏ cây và quả để làm thuốc.

Lấy vỏ tươi và quả tươi khoảng 2kg băm nhỏ dùng 2 lạng ngâm vào nước sạch để uống (0,5 lít) khi chưa phát sỏi. Sỏi còn lại ngâm vào nước để tắm (5 lít nước) khi đã phát sỏi, thời gian từ 3 đến 5 ngày.

Bài 58. Trị sốt rét

(Ma Hiêm – B. Đrăng Phôk)

Cây (CT65): Mã tiên dây, cóc mạc xén, tôm plai kroã - Dùng hạt để làm thuốc.

Dùng hạt phơi khô, nướng lên tán bột, ngày uống 2 lần mỗi lần uống 1/2 hạt.

Bài 59. Sốt rét

(Ma Ni Sân – B. Ea Mar)

Cây (CT94): Cà giam lá tròn, cóc càng lương, tôm ko - Dùng thân, rễ để làm thuốc.

Lấy rễ, thân băm nhỏ sắc nước uống để trị bệnh sốt rét, có thể dùng tươi hay khô. Mỗi lần nấu một nắm (khoảng 200g) sắc nước càng đặc càng tốt. Ngày uống 2 lần trước hoặc sau bữa ăn mỗi lần 2 chén.

Bài 60. Thuốc hạ nhiệt

(Ma Tay- B.Trí)

- Cây (CT127): Dúi nhám, cóc sấm pho, tôm Kót – dùng thân cây, rễ và lá làm thuốc

Khi bị sốt nóng dùng rễ cây băm nhỏ ngâm cùng với lá để chùng 1 -2 giờ, sau đó tắm.

Dùng rễ nấu uống có tác dụng giảm sốt, mỗi lần một nắm to. Uống như uống nước trà.

Khi bị nóng sốt cao, lấy thân băm nhỏ ngâm vào ly nước nóng, hay nấu để uống.

Đối với nam chặt thành 7 khúc/ miếng, nữ chặt 6 khúc/miếng. (Y Nha – B. Đrăng Phôk)

Bài 61. Hạ nhiệt

(Ma Phé - B. Đrăng phôk)

Cây (CT132): Gòn rừng, tôm Blang chri, cóc Nhịu pa – dùng rễ cây hay gỗ để làm thuốc

Dùng rễ cây hay phần gỗ chẻ nhỏ ngâm vào nước uống để hạ nhiệt hay pha vào nước để tắm.

3 Nhóm bài thuốc bồi bổ sức khỏe, an thần

Bài 62. Thuốc bổ khỏe, chống đau lưng

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT51): Biéc tràng, sấm phăn tưng – Dùng rễ củ để làm thuốc

Dùng rễ củ của cây sắc nước hay ngâm rượu uống, có tác dụng bổ khỏe, chống mệt mỏi, thường dùng cho nam giới.

Bài 63. Thuốc bổ

(Y Khen – B. Trí)

Cây (CT79): Cơm ngụi, cóc peng, tôm pler - Dùng rễ để làm thuốc bổ

Đào lấy rễ rửa sạch cắt khúc ngắn, ngâm rượu uống. 1kg rễ ngâm 3 lít rượu, uống sau bữa ăn 1 ly nhỏ hàng ngày.

Bài 64. Thuốc bổ:

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT119): Kim cang, khương nội - Dùng phần rễ củ để làm thuốc

Lấy rễ củ băm nhỏ sắc nước uống có thể dùng tươi hay khô và dùng chung với các loài khác.

Bài 65. Thuốc bổ

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT103): Nhãn dê, cóc mạc huộc - Dùng rễ cây để làm thuốc

Đào lấy rễ cây dùng làm thuốc bổ khỏe, có thể dùng tươi hay phơi khô, băm nhỏ nấu nước uống với liều lượng tùy ý, có thể uống chung với các loài thuốc bổ khác.

Bài 66. Thuốc bổ khỏe, ăn ngon ngủ yên

(Y Gleh – B. Tul B)

- Cây 1 (CT84): Lạc tiên, cóc nhân hàng, tôm rảo - dùng cả cây để làm thuốc

- Cây 2 (CT74): Mắc cỡ, tôm ling gui - dùng cả cây để làm thuốc

Mỗi thứ một nửa nắm nhỏ, lấy một vốc lớn cho vào ấm đổ nước đun sôi, uống như trà hàng ngày, khát lúc nào uống lúc đó, có tác dụng an thần giúp ăn ngon ngủ yên.

Bài 67. Thuốc an thần

(Ma Tiên – B. Đrăng Phók)

Cây (CT84): Lạc tiên, cóc nhân hàng, R tao, mạch meo - Dùng cả cây để làm thuốc

Dùng cả cây, quả tươi hay khô, để nguyên hay băm nhỏ nấu nước uống thay nước hàng ngày, giúp ăn ngon ngủ yên.

Bài 68 . Thuốc bổ khoẻ

(Ma Kông – B. Zang lành)

Cây (CT12): Bán tràng, neng so, tôm trơn - Dùng lá, thân, rễ để làm thuốc

Băm nhỏ các bộ phận phơi khô ngâm rượu uống hàng ngày mỗi lần uống 1 ly nhỏ.

Bài 69. Thuốc bổ

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT6): Dủ dẻ, khưa tin tăng - Dùng thân làm thuốc bổ

Lấy cành nhánh, thân cây băm nhỏ có thể dùng tươi hay phơi khô làm thuốc, sắc nước thuốc uống có tác dụng bổ khỏe. Ngày dùng khoảng 1-2 lạng thuốc sắc, chia ra uống nhiều lần.

Bài 70. Bổ khoẻ tăng sinh lực

(Ma Kông – B.Jang lành)

Cây (CT157): Hồng bì, cốt Sâm nghìn – sử dụng lá để làm thuốc

Lấy lá băm thành đoạn ngắn, phơi khô trong nắng nhẹ, nấu nước uống, hoặc ngâm rượu uống hàng ngày.

Bài 71. Bổ khỏe

(Ma Thao – B.Trí)

Cây (CT163): Củ mài, khưa Man ta, tơm Pum ri – dùng củ để làm thuốc

Dùng củ để chống đói, ăn vào có tác dụng bổ khỏe. ngoài ra còn có thể dùng củ giả nhỏ đắp vào để trị mụn nhọt, giảm sưng, mau làm mủ.

Bài 72. Bổ Khỏe

(Ma Tay - B.Trí)

- Cây (CT162): Sâm Bố chính, cốt sâm – dùng rễ củ để làm thuốc

Đào lấy phần rễ củ, rửa sạch, thái nhỏ hoặc để nguyên củ nấu nước hặc ngâm rượu uống có tác dụng bồi bổ cơ thể, khỏe mạnh.

4 Nhóm bài thuốc chữa trị mỏi mệt, đau chân, đau lưng, khớp

Bài 73. Đau khớp đau lưng

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT5): Cỏ xước, cốt nhạ khôi ngu - Dùng toàn thân để làm thuốc.

Lấy toàn cây rửa sạch, băm nhỏ phơi hoặc sấy khô để dùng làm thuốc, mỗi lần nấu cỡ một nắm 50g với 1 lít nước còn 200ml uống ngày 2-3 lần.

Bài 74. Mỏi chân, đau khớp, bong gân

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT76): Dây hồ đăng, Pa dong khưa - Dùng cả cây để làm thuốc

Dùng cả dây cùng rễ nấu nước uống hàng ngày khi bị mỏi chân, đau khớp không đi được, mỗi lần nấu khoảng 1-2 lạng.

Bài 75. Mệt mỏi, đau chân khớp

(Y Khiên – B. Trí)

Cây (CT102): Bưởi bung, tom ha pler - Dùng rễ để làm thuốc

Đào lấy rễ, rửa sạch, thái nhỏ phơi khô hay dùng tươi để trị bệnh mệt mỏi, đau chân khớp. Ngày dùng 50g cho vào nồi nấu uống như nước trà.

Bài 76. Bong gân sai khớp

(Y Mắt – B. Zang Lành)

Cây (CT65): Mã tiền dây, mạc xén, plai kroã - Dùng hạt để làm thuốc

Lấy quả tách lấy hạt ra phơi khô, ngâm rượu để xoa bóp vào những chỗ bị bong gân, sai khớp nhiều lần trong ngày. Tránh vết thương hở và vết trầy xước.

Bài 77. Đau cơ dưới sườn (do làm việc nặng)

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT108): Gió hẹp, Pi cây đăm - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ nấu nước uống dùng khoảng một nắm rễ (cỡ 100g). Nấu uống trong 3 ngày, uống thay nước

Bài 78. Đau lưng

(H' Ôi – B. Đôn)

- Cây 1 (CT19): Muồng hôi, cóc lạp mứn, tom ke be - dùng rễ làm thuốc

- Cây 2 (CT00): Điều, Plai đao - dùng rễ

Đào lấy rễ, mỗi thứ một nắm, rửa sạch, băm nhỏ dùng tươi hay khô nấu nước uống như trà.

Bài 79. Đau khớp đau xương

(Ây Điều - Zang Lành)

Cây (CT154): Cam thảo dây, Cốc Kham khưa

Cách pha chế: Lấy rễ bỏ vỏ rửa sạch, nấu nước hoặc ngâm rượu uống hàng ngày.

Bài 80. Trị đau lưng, đau khớp

(Ma Tay- B.Trí)

Cây (CT165): Mía dò, cóc ưỡng – dùng thân rễ để làm thuốc

Lấy củ tươi hay phơi sấy khô nấu uống với liều lượng mỗi lần nấu một nắm.

Bài 81. Đau khớp - Đau lưng

(Ma Phé – B. Drăng Phôk)

Cây (CT54): Trắc leo, cóc Pa đong khọ – dùng thân cây để làm thuốc

Dùng thân cây băm nhỏ nấu uống, hay ngâm rượu uống. Dùng khoảng một nắm cho mỗi lần nấu. Ngày 2 - 3 lần.

5 Nhóm bài thuốc trị rấn, rết, bọ cạp cắn, ong đốt,

Bài 82. Trị rấn cắn

(Ây Khét – B. Ea Rông)

- Cây 1 (CT98): Găng gai, cóc nghiên đúc, tom bra măng - dùng thân cây cả vỏ

- Cây 2 (CT66): Mã tiền quạ, cóc tum ca, tom mờ ra vắc - dùng lá và vỏ cây

Lấy thân có cả vỏ của cây găng gai mài vào đá đắp vào chỗ rấn cắn, hay mài xong nấu lên rửa vết rấn cắn. Lấy lá và vỏ cây mã tiền quạ cùng nấu chung với loài trên để rửa vết rấn cắn. Làm đi làm lại nhiều lần.

Bài 83. Chữa rấn cắn

(Y Sa – B. Tul A)

- Cây 1(CT11): Mò cua, cóc tím pét, tom N'hapham, Nla sơ păn - dùng vỏ, rễ để làm thuốc

- Cây 2 (CT74): Mắc cỡ, nha nam, lok sog, pit gui - dùng rễ cây để làm thuốc

Dùng rễ và vỏ cây mò cua cỡ một nắm cho vào ấm lấy một tô nước vo gạo đổ vào đun sôi, để nguội, lấy nước rửa vết thương do rấn cắn. Dùng rễ cây mắc cỡ (một nắm) giã nhỏ đắp vào vết thương ngày 5 lần.

Bài 84. Rết cắn

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT63): Cây vừng, cóc ka đôn khột - dùng vỏ tươi để làm thuốc

Lấy vỏ tươi vắc lấy nước bôi vào nơi rết cắn sẽ giảm độc giảm đau, bôi nhiều lần trong ngày.

Bài 85. Trị rấn cắn

(Y Khen – B. Trí)

Cây (CT44): Ba đậu lá dài, cóc sấp pãl

Cả cây và rễ dùng làm thuốc trị rắn cắn

Lấy cả cây và rễ nấu lên xông hơi vào vết rắn cắn, làm nhiều lần trong ngày.

Bài 86. Rắn cắn

(Y Lách - Buôn Réch)

Cây (CT142): Bầm bầm tuyến, cóc Kpã lai mon, tôm Plai pấp rveh – dùng hạt để làm thuốc

Lấy hạt bỏ đôi có hai nhân, lấy 1 nhân đập vào chỗ rắn cắn, hạt sẽ rút vào đến khi nhả thay nhân khác cho đến khi lành bệnh

(Bài thuốc này Y Lách đã tự chữa cho mình khi bị rắn hổ chúa cắn)

Bài 87. Rắn cắn

(Y Knul - Réch)

Cây (CT156): Mần mây(cây ngọt rừng), cóc Phát van, tôm Prút - lấy vỏ thân, cây để làm thuốc.

Lấy thân cây cạo bỏ lớp vỏ mỏng ngoài cùng, tiếp theo cạo lấy lớp vỏ bên trong đập vào vết rắn cắn (bó lại). Thay thuốc nhiều lần, càng nhiều càng tốt đến khi lành bệnh. Theo kinh nghiệm buôn Réch nhiều người đã dùng kể cả rắn hổ chúa cắn).

Bài 88. Rắn cắn

(Y Múc - Zang Lành)

Cây (CT135): Cà te, Gỏ đỏ, tôm Rte – Lấy hạt để làm thuốc

Lấy hạt bỏ đôi, úp vào vết rắn cắn, thay nhiều lần đến khi khỏi. Hạt này dễ kiếm thấy nên khi đi rừng , đồng bào thường mang theo, theo kinh nghiệm chỉ chữa rắn ít độc cắn.

Bài 89. Trị rắn cắn

(Ma Thao – B. Trí)

Cây (CT126): Gai kim dày, cóc Hua ngu - tôm Pinh bấp- dùng rễ để làm thuốc

Khi bị rắn độc cắn, lấy rễ giã nhỏ trộn với nước vo gạo đập vào vết thương.

Bài 90. Trị rắn cắn

(Ma Tay – B. Trí)

Cây (CT164): Củ nưa rừng, cóc Kơ bút – dùng củ để làm thuốc

Lấy củ giã nhỏ đập vào vết rắn cắn nhiều lần trong ngày.

Bài 91. Ong đốt

(*Ama Trang – B. Zang lành*).

Cây (CT117): Tre le, tơm nglê - dùng đầu mọt măng non làm thuốc.

Lấy đầu mọt măng non giã nhỏ xoa lên vết ong đốt sẽ hết nhứt.

6 Nhóm bài thuốc trị bệnh ho, hen, cảm

Bài 92. Trị ho

(*Ma Tiêng – B. Đrăng Phók*)

Cây (CT18): Muông gai, cóc ca chai, tơm tong đơ - Dùng rễ làm thuốc

Đào rễ rửa sạch, băm nhỏ nấu nước để trị ho, ngày dùng khoảng 1 lạng rễ, nấu nhiều lần để ra hết thuốc.

Bài 93. Ho

(*Y Khanh – B. Đôn*)

Cây (CT15): Đạt phước, cóc càng không, tơm tang toi - Dùng rễ cây hay lõi gỗ làm thuốc

Dùng rễ cây hay lõi gỗ băm nhỏ nấu nước uống để trị ho, mỗi lần nấu cỡ 1 lạng. Có thể dùng chung phối hợp với các loài khác.

Bài 94. Ho ra máu

(*Áy Khét – B. Ea Rông*.)

- Cây 1 (CT116): Tóc tiên, cóc xi xạn, tơm nam phan - dùng lá, rễ cây để làm thuốc

- Cây 2 (CT60): Bô quân ấn độ, cóc mạc ben, tơm cấp - dùng cả lá và cây làm thuốc

Mỗi thứ 1 lạng nấu chung, có thể dùng tươi hay phơi khô, nấu với 1 lít nước cô đặc lại còn nửa xị (một ly nhỏ) chia làm 3 lần uống: sáng, trưa, chiều tối. Uống trong vòng khoảng 1 tuần.

Bài 95. Ho

(*Y Khiên – B. Trí*)

Cây (CT117): Le, tơm nglê - Dùng rễ, thân bỏ vỏ để làm thuốc

Chặt nhỏ phơi khô đun nước uống, liều lượng tùy ý, dùng thay nước uống hàng ngày, nấu càng đặc càng tốt.

Bài 96. Ho.

(*Áy Nô - B. Trí*)

Cây (CT23): Cám, cóc mạc phoc - Dùng thân cành để làm thuốc

Bã nhỏ thân cành nấu nước uống để trị ho, mỗi lần nấu khoảng 1 lượng tươi hay nửa lượng khô.

Bài 97. Cảm ho

(Y Khen – B. Trí)

Cây (CT82): Hoa sen trắng, tom chút - Dùng lá để làm thuốc.

Thái lá nhỏ, phơi khô đốt xông hơi trị cảm cúm. Người lớn có thể quán như thuốc lá để hút.

Bài 98. Ho lao, Ho tức ngực

(Ây Khét – B.Ea Rông)

Cây (CT123): Ngoại mộc, cốt Hạt pây xám – sử dụng rễ để làm thuốc

Lấy rễ nấu nước uống hàng ngày đến khi hết ho.

Bài 99. Ho liên tục

(Ây Khét – B.Ea Rong)

Cây (CT61): Kơ nia, cốt Pốc, tom nhiar – dùng thân cây con (đường kính nhỏ thua 5cm) để làm thuốc.

Lấy thân cây con nướng chín lên, cạo vỏ, lấy thân hoà với nước uống, để trị ho liên tục.

Bài 100. Ho ra máu

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT140): Lài rừng, cốt Đam đeng – Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ nấu nước uống ngày 3 lần đến khi hết ho.

Bài 101. Trị ho

(Ma Thao – Buôn Trí)

Cây (CT101): Chùm hôi lông, Cốt xờ mách, cốt một

Cách sử dụng: ngoài việc dùng rễ nhai ngậm trị đau răng (nhỏ nước ra)

Trị ho: lấy rễ cùng với rễ cây thuốc lá (nếu có) nấu uống tươi hay khô).

Bài 102. Thuốc Ho

(Ma Phé - Đrăng Phôk)

Cây (CT141): Sóng rần, cốt fát xí, tom Xer - Dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy rễ cây rửa sạch, băm nhỏ phơi khô hay dùng tươi. Nấu uống dùng khoảng một nắm cho vào nồi nấu thành một ly, ngày uống 3 lần.

Bài 103. Ho cảm lạnh, chảy mũi nước

(Ma Trang - Zang Lành)

Cây (CT58): Tràng hạt cạnh ba, cóc san tế, cóc Pay kiện mân – dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ cây rửa sạch, nấu nước uống đến khi khoẻ.

7 Nhóm bài thuốc trị sưng đau mụn nhọt, mẩn ngứa dị ứng, sởi, bồng

Bài 104. Chữa mụn nhọt

(Ây Thé – B. Zang Lành)

Cây (CT112): Vác, khura hun, tom tao dok ngol - Dùng thân và lá tươi để làm thuốc

Lấy lá và thân tươi giã nhỏ trộn với một ít muối đắp vào chỗ mụn nhọt sẽ khỏi.

Bài 105. Trị mụn nhọt

(Ma Tiên – B. Đrăng Phôk)

Cây (CT96): Gáo trắng, tom Pom, cóc táp tau - Dùng rễ để làm thuốc

Dùng rễ cây tươi mài vào đá, trộn với trứng gà sống, bôi vào nhọt to, bôi nhiều lần trong ngày sẽ khỏi.

Bài 106. Sưng đau mép tai (mang tai)

(Ma Tiên – B. Đrăng Phôk)

Cây (CT31): Sỏ bà, cóc mạc phen, tom kung - Dùng chồi non để làm thuốc

Lấy đọt non, chồi non mài trên đá cùng với quả cau trộn đều bôi vào chỗ sưng đau ở mang tai ngày 2-3 lần.

Bài 107. Sưng đau

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT89): Gáo lá tròn, tom quau - Dùng lá làm thuốc

Dùng lá giã nhỏ trộn với muối đắp vào chỗ bị đau nhiều lần trong ngày.

Bài 108. Xót ngứa, dị ứng

(Ma Tiên – B. Đương Phôk)

Cây (CT25): Chung bầu, cóc ke, tơm Rlan - Dùng quả hay lá để làm thuốc.

Dùng quả hay lá nấu nước lên sau đó pha loãng để tắm sẽ hết ngứa.

Bài 109. Trị bỏng

(Áy Thuôn – B. Zang lành)

Cây (CT16): Núc nác, mạc lin mạy, tơm pa lun - dùng vỏ để làm thuốc

Dùng một nắm vỏ, rang vàng khô, giã nhỏ thanh bột nhuyễn, bôi lên vết bỏng sau khi đã rửa sạch. Bôi 2-3 lần/ngày, thường bị bỏng nên xoa một ít mật ong lên vết thương sau đó bôi thuốc vào.

Bài 110. Đau sưng ngón tay, chân

(Áy Nô - B. Trí)

Cây (CT17): Trám lá đỏ, cóc mạc lượm - Dùng vỏ để làm thuốc

Ngón tay, chân tự nhiên bị đau sưng dùng vỏ cây trám băm nhỏ nấu lên để lấy nước thuốc ngâm ngón tay chân vào, nước sắc càng đặc càng tốt, ngâm vào khi nước còn ấm nóng. Ngâm nhiều lần trong ngày.

Bài 111. Rôm sảy, ngứa, nóng người

(Y Khen – B. Trí)

Cây (CT35): Sến mủ, tơm gler, cóc khẹn - Dùng vỏ và lá để làm thuốc

Lấy vỏ, lá ngâm vào nước để tắm cho trẻ con khi bị rôm sảy, nóng, ngứa người, ngày tắm 1 lần, liều lượng tùy ý.

Bài 112. Nước ăn chân

(Y Khiên- B. Trí)

Cây (CT48): Me rừng, tơm plai doach, cóc mạc kham bom - Dùng vỏ cây để làm thuốc

Nhai vỏ cây me rừng với một ít muối phun vào chỗ nước ăn chân. Ngày làm 2 đến 3 lần.

Bài 113. Bệnh ghẻ

(Ma vân - Zang lành)

Cây (CT76): Dây hồ đàng, Pa đông khưa - lấy thân lá dùng làm thuốc.

Lấy cả thân lá giã thành bột trộn với tắm gạo, bôi vào vết thương.

Bài 114. Hắc lào, lang beng, mụn nhọt, bông

(Ây Khét - Ea Rong)

Cây (CT149): Chàm nhám, cóc cua ma càng, tom sấp pāk xrê - dùng củ để làm thuốc

Lấy củ mài vào trong nước vôi, hoặc nước vo gạo bôi vào chỗ bị bệnh ngoài da.

Lưu ý: chỉ bôi, không được uống.

Bài 115. Trị ngứa

(Ây Khét - Ea Rông)

Cây (CT49): Phèn đen lá nhỏ, cóc Pa đông mót lìn, tom Ngâu bam srê - Lấy rễ, lá để làm thuốc

Lấy rễ, lá lấy nấu nước xoa, rửa tại vết ngứa ngày 3 lần.

Bài 116. Trị mụn nhọt

(Ma Tay – B.Trí)

Cây (CT161): Tra đại, (đồng bào không biết tên, chỉ biết công dụng) – dùng củ làm thuốc

Lấy củ giã nhỏ, đắp vào mụn nhọt, có tác dụng giảm mủ, giảm sưng đau. Liều lượng tùy vào mụn nhọt lớn hay nhỏ. Ngày đắp 2 -3 lần.

Bài 117. Nước ăn chân

(Ma Tay- B.Trí)

Cây (CT98): Dành dành lông, Găng nhung, cóc Nam then, Cóc nghiên đúc, tom Bra măng – dùng quả để làm thuốc

Dùng quả cắt lấy đầu quả, cạy ít hạt bỏ vôi vào nướng lên cho chín, trộn ruột quả với vôi dùng que bôi vào kẽ chân, tay, ngày 2-3 lần.

Bài 118. Trị mụn nhọt

(Ma Phé – Drăng Phôk)

Cây (CT51): Biéc tràng, sấm phăn tưng, cóc Dít bồ khậu – dùng phần củ để làm thuốc

Dùng phần rễ, củ mài trên đá để đắp lên mụn nhọt sẽ bớt sưng đau, ngày đắp 2-3 lần

Bài 119. Trị mụn nhọt

(Ma Phé – Drăng Phôk)

Cây (CT129): Bời lời nhót, tom Bon, cóc My – dùng vỏ cây để làm thuốc

Dùng vỏ cây giã nhỏ bôi lên chỗ bị mụn nhọt.

Bài 120. Trị ngứa, dị ứng

(Y Bót – B.Réch)

Cây (CT138) : Ngọc nữ trắng, tom Ngớt – dùng lá để làm thuốc

Khi bị ngứa hay bị dị ứng, dùng lá vò nhỏ sau đó chà lên vết ngứa, dị ứng.

Bài 121. Bệnh sỏi

(Ây Khét - Ea Rong)

- Cây 1 (CT139): Sỏ xoan, cóc Mực sạn – Dùng thân để làm thuốc

- Cây 2 (CT36): Thị mâm, cóc Hưỡn quang, tom Pôm – dùng thân để làm thuốc

Lấy thân hai loài nấu nước uống trị được bệnh sỏi.

8 Nhóm bài thuốc trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lỵ, đau bao tử

Bài 122. Đau bụng sưng to

(Ây Khét – B. Trí)

Cây (CT57): Tràng hạt, cóc mạc kham phi, tom tap tiar - Dùng rễ để làm thuốc

Dùng một nắm rễ cỡ 100g nấu nước uống

Bài 123. Đau bụng bí tiểu tiện

(H' Nguyă - B. Đôn)

Cây (CT111) : Cò ke cuống dài, cóc khăn khi, tom đong hăng - Dùng rễ làm thuốc

Dùng rễ cây mài bằng đá nhám để đắp vào bụng, hoặc băm nhỏ nấu nước uống nhiều lần trong ngày thay nước uống, mỗi lần nấu khoảng 1 lạng.

Bài 124. Đau bụng

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT63): Vừng, cóc ka đôn, tom tư - dùng vỏ để làm thuốc

Lấy vỏ cắt thành từng miếng bằng bàn tay, hơi lửa cho nóng sau đó bỏ vào nước nóng ngâm để uống trị đau bụng.

Bài 125. Đau bụng, kiết lỵ

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT8): Bô quả, Tom Văn xê - dùng rễ để làm thuốc

Dùng rễ nấu nước uống để trị bệnh đau bụng. Đào lấy khoảng 3-4 rễ (một nắm to) nấu cho một ấm, nấu uống nhiều lần đến khi nhạt thì thôi, uống khoảng 1 đến 2 ngày thay nước uống, có thể dùng tươi hay khô.

Bài 126. Đau bụng ói mửa

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT4): Sung, cóc đằm kiện, Ja hạt điều - Dùng rễ để làm thuốc

Dùng rễ nấu uống trị đau bụng, ói mửa. Lấy rễ băm nhỏ dùng tươi hay phơi khô, mỗi lần nấu khoảng 1 lạng với 1 lít nước cô lại còn một nửa chia 2 -3 lần uống trong ngày.

Bài 127. Đau bụng

(Ma Phé – B. Đương Phôk)

Cây (CT28): Chiêu liêu ổi, tom Đrăm knot - Dùng vỏ để làm thuốc

Bóc lấy vỏ sao vàng sắc nước uống, liều lượng tùy ý, càng đặc càng tốt

Bài 128. Đau bụng

(Ây Nô- B. Trí)

Cây (CT24): Râm, chò nhai, cóc min mon, tom A sui - Dùng vỏ cây để làm thuốc

Dùng vỏ để trị bệnh đau bụng đi cầu, dùng khoảng một nắm vỏ băm nhỏ để nấu nước uống, có thể còn dùng rễ.

Bài 129. Đau bụng tiêu chảy

(Mẹ Măng – B. Trí)

Cây (CT14): Cỏ lào, nhạ nhện hó, tom pút - dùng lá để làm thuốc

Khi đau bụng tiêu chảy, dùng lá non chữa trị bằng cách lấy 7 lá cho nam và 6 lá cho nữ, rửa sạch chấm với muối để ăn, dùng 3 lần trong ngày.

Bài 130. Đau bao tử

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT59): Hầu vĩ, cóc hán cà họt - Dùng cả cây và rễ để làm thuốc

Dùng cả cây và rễ băm nhỏ phơi khô nấu uống để trị đau bao tử, mỗi lần dùng một nắm, có thể dùng chung với các loài khác.

Bài 131. Đau bụng

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT110): Dó thon, cóc po bít - dùng rễ để làm thuốc

Lấy một nắm rễ, băm nhỏ nấu uống, uống tùy ý đến khi hết đau bụng

Bài 132. Kiệt lý

(*Ây Nô - B. Trí*)

Cây (CT9): Lá giang, tổng rên, phak yloan - Dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy một nắm rễ cây khoảng 1 lạng cho vào nồi nấu với 3 chén nước đun sôi còn một chén để uống, khát lúc nào uống lúc đó, ngày uống 1 tô.

Bài 133. Đau bụng

(*Y Phi Ôt - B. Tul A*)

Cây (CT34): Cà chít non - Dùng thân cây non để làm thuốc

Lấy thân non cắt 2-3 khúc mỗi khúc dài 10cm, hơi lửa, chẻ nhỏ rồi ngâm vào nước nóng hoặc nấu uống. Khát lúc nào uống lúc đó. Có thể dùng đoạn thân non nướng lên cho nóng rồi vắt lấy nước uống nhiều lần trong ngày, mỗi lần 1 ly nhỏ.

Bài 134. Đau bụng trẻ con

(*Y Duôn - B. Tul B*)

Cây (CT15): Đọt phước, cóc càng khong, tôm tang toi - Dùng nước trong rễ để làm thuốc.

Đào lấy rễ rửa sạch, chặt và lấy nước chảy ra từ rễ khoảng 1 xi, cho trẻ uống nhiều lần trong ngày.

Bài 135. Đau bụng, sốt

(*Ây Nô - B. Trí*)

Cây (CT26): Chiêu liêu đen, tôm ja rế, cóc xược - Dùng quả để làm thuốc

Lấy quả sắc nước uống để trị đau bụng, ngày dùng 50- 100g quả.

Bài 136. Đau bụng

Cây (CT69): Bàng lãng tím, Cóc phơi lược - Dùng vỏ cây để làm thuốc

Lấy vỏ cây khoảng 2 lạng ngâm vào nước muối 15 - 30 phút, sau đó mang nướng khô rồi ngâm vào nước đun sôi để nguội. Ngày uống 2-5 lần mỗi lần 1 ly.

Bài 137. Đau bụng tiêu chảy, đau bao tử.

(*Y Khen - B. Trí*)

Cây (CT81): Trâm pie, tôm piêng - Dùng rễ cây để làm thuốc chống đau bụng, đau bao tử

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ sắc nước uống, có thể dùng tươi hay khô, dùng khoảng 1 nắm cho một lần nấu uống trong ngày.

Bài 138. Đau bụng tiêu chảy ra máu

(Y Tep – B. Đôn)

Cây (CT73): Trinh nữ gai, nha mam, lok pếch gui - dùng cả cây để làm thuốc

Lấy cả cây chặt nhỏ phơi khô sao vàng, nấu nước uống. Dùng khoảng 1 lạng đun với 1 lít nước còn khoảng 1 xị chia 2 -3 lần uống trong ngày.

Bài 139. Đau bụng, kiết kỵ

(H' Nguỹ - B. Đôn)

- Cây 1 (CT16): Núc nác, mạc lin mạy, tơm pa lun - dùng vỏ để làm thuốc

- Cây 2 (CT-00): Sứ cùi, chặm pa - dùng hoa làm thuốc

- Cây 3 (CT-00): Gừng, tơm chia - dùng củ

Lấy 1 lạng vỏ cây núc nác băm nhỏ, 7 hoa sứ cùi, một củ gừng to vừa phải thái mỏng, sao vàng các loại trộn chung nấu một ấm 1 lít nước sôi khoảng 2-3 phút chia ra uống nhiều lần trong ngày.

Bài 140. Đau bụng thổ tả

(H' Ôi – B. Đôn)

Cây (CT13): Hà thủ ô, tơm chao nưác - Dùng thân lá rễ để làm thuốc.

Dùng toàn thân cây băm nhỏ phơi khô hoặc để tươi nấu uống. Lấy khoảng 100 gam đun sôi với 1 lít nước uống như trà đến khi hết bệnh.

Bài 141. Trị thổ tả

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT33): Dầu trà beng, cóc xạc, tơm Pang, Kpang - Dùng nước trong cây làm thuốc

Chặt đứt ngang cây dầu hứng nước cùng nhựa chảy ra từ thân cây vào chai, khi bị thổ tả cho uống 1-2 lần là khỏi, mỗi lần uống 1 ly nhỏ.

Bài 142. Chướng bụng đầy hơi

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT40): Thầu tấu lá tròn, cóc mọt - Dùng rễ và lá để làm thuốc

Lấy lá và rễ cây rửa sạch, cho vào nồi đun sôi với 1 lít nước, khi còn 1/2 lít cho trẻ em uống khi trẻ em bị chướng bụng đầy hơi.

Bài 143. Thổ tả

(Y Siap – B. Trí)

Cây (CT32): Dầu nước, cóc nhang, tom r hath - Dùng vỏ để làm thuốc

Lấy một miếng vỏ bằng bàn tay băm nhỏ, nấu với 3 lít nước còn 1 lít, chia ra uống 3 lần trong ngày, uống đến khi hết đau.

Bài 144. Đau bụng

(Áy Nô - B. Trí)

Cây (CT67): Bằng lăng, cóc Pươi si đa - Lấy vỏ để làm thuốc

Dùng vỏ cây bằng lăng băm nhỏ nấu uống để trị bệnh đau bụng đi cầu, ngày uống khoảng 2 lượng vỏ sắc nước nhiều lần, càng đặc càng tốt.

Bài 145. Đau bụng thổ tả

(Áy Nô - B. Trí)

Cây (CT3): Cóc đắng, cóc cọt căn, tom trần - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ nấu cháo ăn để trị thổ tả, mỗi lần nấu 1 tô cháo với 50g rễ. Ngày ăn 2-3 lần.

Bài 146. Đau bụng

(Áy Nô - B. Trí)

Cây (CT109): Dó tròn, cóc po pít đực - Dùng rễ để làm thuốc

Đào lấy một nắm rễ, rửa sạch, băm nhỏ nấu lên với một lít nước cô lại còn một nửa uống để trị đau bụng, tiêu chảy, ngày uống 2-3 lần.

Bài 147. Đau bao tử

(Áy Nô - B. Trí)

- Cây 1 (CT27): Choại, cóc hén, tom yang rơ ja - dùng vỏ cây để làm thuốc

- Cây 2 (CT87): Táo rừng lá nhỏ, cóc nam khom - dùng vỏ

- Cây 3 (CT59): Hâu vĩ, cóc hán cà họt - dùng toàn cây

- Cây 4 (CT20): Bồ kết rừng, cóc phi man - dùng vỏ

Mỗi loại lấy một nắm vừa phải băm nhỏ phơi khô, nấu như nước trà. Trộn chung các loại đều nhau, mỗi lần nấu một nắm lớn với 3 chén nước, sắc còn 1 chén, sắc 1 hoặc 2 lần. Ngày uống 2 đến 3 lần. Kiên ăn thức ăn tanh, chất kích thích, cay.

Bài 148. Đau bụng

(Ây Khét – B. Ea Rông)

Cây (CT42): Đóm có cọng, cốt sấm sa tịa, tom nhên xre - Dùng rễ để làm thuốc

Đào rễ cây rửa sạch băm nhỏ phơi khô để sắc nước uống, dùng một nắm nhỏ nấu 3 chén nước còn một chén, uống 2 - 3 lần trong ngày.

Bài 149. Đau bụng

(Y Đól – B. Đôn)

Cây (CT105): Đa đa, cốt cọng tha - Dùng rễ để làm thuốc

Đào lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ có thể dùng tươi hay phơi khô. Sắc một nắm thuốc với 3 chén nước còn 1 chén uống ngày 2-3 lần.

Bài 150. Đau bụng

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT68): Bằng lãng dây, khưa nguồn sụm - Dùng cây hay rễ để làm thuốc

Lấy thân hay rễ băm nhỏ thành khúc sắc nước uống, mỗi lần sắc khoảng 1 lạng.

Bài 151. Kiệt lý

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT46): Cỏ sữa lá nhỏ, nhạ xác mực - Dùng toàn cây làm thuốc

Thu hái toàn cây, rửa sạch, dùng tươi, phơi khô hay sao vàng. Sắc nước uống để trị đau bụng kiết kỵ ở trẻ em, ỉa phân xanh. Ngày dùng 20-30 g thuốc để sắc nước uống.

Bài 152. Kiệt Lý

(Ama Vân - Zang lành)

Cây (CT75): Căm xe, cốt Đeng, tom Rpeh - lấy vỏ để làm thuốc.

Lấy vỏ sắc hơi đặc, chỉ uống 3 ly nhỏ sẽ đi ra hết máu mủ và lành bệnh, chú ý không uống nhiều quá 3 ly sẽ bị xổ có hại.

Bài 153. Đau bụng đi kiết

(Ma Kông – Zang lành)

Cây (CT122): Dầu đồng, cốt Cung - lấy nước trong thân cây nhỏ để làm thuốc

Trên cây nhỏ (đường kính <10cm) chặt hai đầu thân hứng lấy nước chảy ra, nấu nước uống ngày 3 lần cho đến khi lành bệnh (*Mùi hơi hôi, khó uống*).

Bài 154. Đau bụng sinh hơi

(Ma Trang - Zang Lành)

Cây (CT172): Thạch tùng mảnh, cốt Phôi lôm – dùng toàn thân cây

Lấy thân cây rụng xuống nấu nước uống sáng chiều. 1 lần/ 1 chén uống đến khi lành bệnh.

Bài 155. Đau bụng quặn

(Ma Trang - Zang Lành)

Cây (CT101): Chùm hôi lông, cốt Xa ma tịa, cốt một – dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ nấu nước uống đến khi lành bệnh.

Lưu ý: hết bệnh sẽ ngưng uống, nếu uống tiếp sẽ bị bón.

Bài 156. Xổ sản xơ mít

(Ma Trang - Zang lành)

Cây (CT48): Me rừng, cốt Mạc cưa, cốt mạc kham bom, tơm Ajoăt – dùng quả để làm thuốc

Lấy trái chín hoặc sống; trai 7 trái, nữ 6 trái. Giã lấy nước uống 1 lần xổ hết luôn.

Bài 157. Đau đường ruột

(Đau bụng quặn từng cục trong bụng) *(Ây Khét - Zang Lành)*

Cây (CT57): Đậu ba chẻ, cốt mạc kham phi, tơm tap tiar - lấy rễ cây để làm thuốc.

Lấy rễ nấu nước uống, nấu 2 chén lấy 2 chén, uống ngày 3 lần, 1 chén/ 1lần, uống cho đến khi lành bệnh.

Bài 158. Đau bụng đi cầu

(Ây Khét - Ea Rông)

Cây (CT136): Muông hoàng yến, cốt Kin khun – dùng thân để làm thuốc

Lấy thân cây băm nhỏ để nấu nước uống đến khi hết đi cầu.

Bài 159. Trị thổ tả

(Ma Tay – B.Trí)

Cây (CT124): Nhãn rừng, cốt Mạc khọ , tơm Mơ No – dùng vỏ để làm thuốc

Khi bị đau bụng thổ tả cạo lấy lớp vỏ non dưới lớp da bên ngoài (cạo thành bột) nấu với nếp thành cháo ăn ngày 2 - 3lần.

Bài 160. Đau bụng

(Ma Phé - Đrăng Phôk)

Cây (CT131): Quau núi, tom Rơ Lay – dùng phần gỗ cây để làm thuốc

Khi đau bụng, dùng phần lõi cây nấu uống càng đặc càng tốt, đến khi hết đau bụng

Bài 161. Đau bụng

(Ma Phé - Đrăng Phôk)

Cây (CT128): Ngái, tom Thuật thôn – lấy nước từ rễ để làm thuốc

Dùng rễ chặt ra hứng nước vào chai uống, trị đau bụng. Mỗi lần uống 1 ly nhỏ, ngày uống 2 - 3 lần.

Bài 162. Trị đau bụng

(Y Bót – B.Réch)

- Cây 1 (CT134): Móng bò hoa trắng, Tom văn Xrê quăn - lấy rễ dùng làm thuốc

- Cây 2 (CT42): Đóm có cọng, tom nhênh Xrê - dùng rễ để làm thuốc

Lấy 2 loại trên, lượng bằng nhau băm nhỏ, dùng 1 nắm nấu thành 1 ly để uống.

Bài 163. Đau bụng thổ tả

(Y Bót – B.Réch)

Cây (CT114): Lõi thợ, cốc Sắc khị cay, tom Bra xuất – dùng rễ hay gỗ để làm thuốc.

Băm rễ cây hay gỗ cây thành một nắm sau đó sắc 1 ly nhỏ uống sẽ hết thổ tả.

9 Nhóm bài thuốc trị đau răng sâu răng

Bài 164. Đau răng

(Y Nha - B. Đrăng Phôk)

Cây (CT101): Chùm hôi, cốc một - dùng rễ để làm thuốc

Khi đau răng, dùng rễ cây tươi nhai hoặc giã để ngậm vào chỗ đau, sau đó nhổ ra không được nuốt.

Bài 165. Sâu răng

(Áy Nô - B. Trí)

Cây (CT45): Ba đậu lá dày, cốc con khoc - Dùng rễ củ làm thuốc

Lấy củ băm nhỏ nấu nước lên cô đặc để ngậm vào chỗ sâu răng, sau đó nhổ ra không được nuốt.

Bài 166. Đau răng

(Y Ruãh – B. TulA)

Cây (CT85): Lá lốt, phát y lợt - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy 2-3 rễ, rửa sạch, giã nát, cho vào ít muối, ngậm vào chỗ răng đau, sau đó nhổ ra. Có thể làm vài lần trong ngày.

Bài 167. Đau răng, Viêm họng

(Ma Tay – B. Trí)

Cây (CT86): Táo Cam pu chia , cóc mạc mai, tom Gong – dùng vỏ để làm thuốc

Cạo bỏ vỏ bên ngoài, sau đó cạo tiếp phần trong, hứng lấy phần bột vo thành cục ngậm vào nơi đau răng, nước có thể nuốt được, sau đó bỏ xác, có thể dùng cách này trị viêm họng bằng cách ngậm nuốt nước bỏ xác.

Bài 168. Đau răng

(Áy Thuôn – B. Zang lành)

Cây (CT35): Sến mủ, Cóc Khen, tom Gher - dùng vỏ để làm thuốc

Lấy vỏ cạo bỏ phần nâu đen bên ngoài, nhai và ngậm vào chỗ răng đau

10 Nhóm bài thuốc trị đau thận, đau lưng, bí tiểu, đái đường

Bài 169. Đau thận, đái đục

(Ma Nhôm – B Trí)

Cây (CT108): Dó hẹp, cóc pịt cây đăm - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ dùng tươi hay khô nấu uống hàng ngày thay nước uống, mỗi lần nấu chừng 1-2 lạng, dùng cho những người có nước tiểu đục.

Bài 170. Trị đau thận (đái ra máu, tức hông)

(H' Ôi – B. Đôn)

- Cây 1 (CT64): Gối hạc, tom si nít - dùng rễ làm thuốc

- Cây 2 (CT00): Đậu bắp, Djắc nệp - dùng rễ

- Cây 3 (CT00): Bông vải, cóc phai doc, tom adây - dùng rễ

Cả 3 loại trên thái nhỏ phơi khô, nấu sôi uống thay trà, nấu nhiều lần. Liều lượng cho một lần nấu: 200g gối hạt, 100gam đậu bắp, 200g bông vải.

Khi uống thuốc kiêng các loại mắm ruốt, cà muối, các loại thịt nặng mùi như bò rừng.

Bài 171. Đái buốt, khó đi tiểu

(Y Lanh – B. Ea Mar)

Cây (CT13): Hà thủ ô, khưa pa song, tơm R' tao sác - Dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ phơi sấy khô băm nhỏ đun nước uống, càng đặc càng tốt. Ngày uống 4 lần, mỗi lần một chén đầy. Nếu thuốc đặc nên uống sau bữa ăn.

Bài 172. Đái đường

(Ma Lý - Zang Lành)

- Cây 1 (CT169): Dứa dại, cóc Tươi pa - dùng rễ để làm thuốc

- Cây 2 (CT74): Xấu hổ, mắc cỡ, cóc Nam meo, tơm Log song - dùng rễ để làm thuốc

- Cây 3 (CT73): Trinh nữ gai, cóc Nam lép mun, cóc nha nam, pit gui – dùng rễ để làm thuốc

- Cây 4 (CT144): Ruột gà, cóc Nam có – dùng toàn thân để làm thuốc

- Cây 5 (CT118): Cỏ tranh, cóc nha kha, tơm jia – dùng rễ để làm thuốc

Lấy 5 loài nấu 1 xoong, sáng uống 2 chén, chiều uống 2 chén, uống thường xuyên đến khi lành bệnh.

Bài 173. Bí tiểu

(AMa Me – B. Réch)

- Cây 1 (CT60): Bồ quân ấn độ, cóc mạc beng, tơm cấp - dùng thân cây làm thuốc

- Cây 2 (CT118): Cỏ tranh, tơm Jia, H' lang - dùng rễ cây để làm thuốc.

Mỗi loài lấy khoảng 500g, đun với 1lít nước. Mỗi ngày nấu một nồi uống thay nước hàng ngày

Bài 174. Bí tiểu, đái đục, thận

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT100): Găng trương, tơm plai ra xuất - Dùng rễ để làm thuốc.

Đào lấy rễ, rửa sạch cát ngấn cỡ một nắm, bỏ vào ấm nấu với 2 ly nước, cô lại còn 1 ly uống để trị bệnh đi tiểu không ra, sỏi thận.

Bài 175. Đau thận

(Ây Xờ Vút - Buôn Đôn)

Cây (CT90): Da hươu, cóc Mui đen, tơm Bra sốt – dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ nấu nước uống, nấu 2 chén lấy 1, uống 3 lần. Cho đến khi khỏi bệnh.

Bài 176. Đau thận

(Áy Xờ Vút - Buôn Đôn)

Cây (CT55): Tràng hạt lá nhỏ, cóc Ưng, tom Tin kết - Lấy thân rễ làm thuốc.

Lấy thân rễ nấu nước uống, nấu 2 chén lấy 1, uống ngày 3 lần; 1 chén 1 lần đến khi lành bệnh.

Bài 177. Đau thận - Đái ra máu - Sỏi thận

(Ma Nha – B. Drăng Phôk)

Cây (CT170): Cốt toái bổ, tác kê đá, tom Chút

Lấy phần thân rễ phù mập, cạo sạch, hoặc thui bằng lửa cho cháy sạch hết lông bao quanh, thái mỏng phơi khô, sao vàng hạ thổ. Nấu nước để uống, mỗi lần nấu một nắm to, nấu lấy 1 ly nước để uống. Có thể nấu nhiều lần và uống nhiều lần.

Bài 178. Đau thận - Sỏi thận

(Ma Nha – B. Drăng Phôk)

Cây (CT148): Kim tiên thảo (không biết tên đồng bào) – dùng cả cây để làm thuốc.

Lấy cả cây, khi cây đang ra hoa thì tốt nhất, lấy về (nhỏ cả rễ) rửa sạch chặt thành khúc, phơi khô, nấu, sắc nước uống. Nước có màu đỏ.

Dùng một nắm to bỏ vào nồi nấu lấy nước uống mỗi lần uống nhiều ly, có thể uống nhiều lần.

Bài 179. Đau thận - Sỏi thận

(Y Bót – B. Rếch)

- Cây 1 (CT170): Cốt toái bổ, tom Chút - Lấy thân rễ làm thuốc

- Cây 2 (CT00): Bồ ngót - Lấy rễ làm thuốc

- Cây 3 (CT00): Mía đen - lấy thân.

Tom chút thái nhỏ phơi khô, sao vàng hạ thổ khoảng 2 phút, rễ cây bồ ngót thái nhỏ, mía con gọt 6 khúc, con trai 7 khúc. Lấy một vốc lớn Tom Chút và rễ cây bồ ngót + mía nấu trong một nồi để uống, uống trong vòng 1 tháng đến hết đau thì thôi.

11 Nhóm bài thuốc cầm máu vết thương, máu cam

Bài 180. Cầm máu

(Mẹ Măng- B.Trí)

Cây (CT14): Cỏ lào, nhạ nhện hó, tom pút -

Dùng lá và đọt non làm thuốc

Dùng lá cây và đọt non giã nhỏ đắp vào vết thương, thường các vết thương nhỏ như đứt tay, chân, có thể dùng cầm máu khi bị vắt, đĩa cắn.

Bài 181. Chữa cầm máu

(Y Khiên – B. Trí)

Cây (CT120): Địa liên, tạm mụp, tơm ajôr -

Dùng củ để làm thuốc

Dùng củ phơi khô hoặc tươi giã nhỏ đắp vào vết thương chảy máu để cầm máu, liều lượng tùy vào vết thương.

Bài 182. Cầm máu

(Y Siáp – B. Trí)

Cây (CT117): Tre le, tơm Ngle - Dùng lớp vỏ ngoài thân cây để làm thuốc

Chặt một đoạn thân, nạo lấy một ít lớp vỏ ngoài đắp vào vết thương chảy máu sẽ cầm được máu.

Bài 183. Đổ máu cam

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT7): Đuôi trâu, cóc xai đen, tơm ray nhút - Dùng rễ để làm thuốc

Đào rễ về rửa sạch, thái nhỏ nấu uống. Ngày uống 2-3 lần mỗi lần nấu 10 - 100g, 3 chén nước còn 1 chén.

Bài 184. Chảy máu cam

(Ây Khét - Ea Rong)

Cây (CT159) Cốc Mước Eo – dùng rễ để làm thuốc.

Lấy rễ nấu nước uống hàng ngày như uống trà.

12 Nhóm bài thuốc trị bệnh phù thũng

Bài 185. Chữa bệnh phù

(Y Khen – B. Trí)

Cây (CT77): Sộp, cóc hay - Dùng rễ cây để làm thuốc

Lấy rễ cây băm thành miếng nhỏ, dùng tươi hay phơi khô sắc nước uống, sắc nước loãng uống nhiều lần thay nước.

Bài 186. Phù thủng

(Ây Điều - Zang Lành)

- Cây 1 (CT145): Nhàu lông, cóc Xổm cốp - lấy thân cây để làm thuốc
- Cây 2 (CT13): Hà thủ ô, khưa Pa song, tơm chao N' rắc - dùng củ để làm thuốc

Lấy 2 loại nấu nước uống, nước độc sẽ thải ra ngoài, người hết phù thủng. Uống đến khi hết bệnh.

Bài 187. Phù thủng

(Ây Thuôn - Zang lành)

- Cây 1 (CT34): Cà chít, Cốc chít
- Cây 2 (CT121): Cắm liên, cóc Hàng
- Cây 3 (CT75): Cắm xe, cóc Đeng, tơm Rpeh
- Cây 4 (CT26): Chiêu liêu đen, Cốc Pụt xược, tơm jia rế
- Cây 5 (CT29): Chiêu liêu kha tử, Cốc Pụt xâm mo, tơm Rleo
- Cây 6 (CT27): Chiêu liêu xanh, cóc Hén, tơm Jang gia
- Cây 7 (CT31): Sỏ bà, Cốc mạc Phen, tơm Kung

7 loài đều lấy nu (Pụt mạy) trên thân để làm thuốc.

Nấu nước uống (rất đắng), uống 3 lần/ ngày, 1 lần 1 ly cối, uống hơn càng tốt cho đến khi lành bệnh.

Lưu ý: không uống thuốc tây, không uống rượu khi uống thuốc.

Bài 188. Bệnh phù

(Ma Tay – B.Trí)

Cây (CT125): Thủy lệ, Cốc Phak ca diên – dùng cả cây để làm thuốc

Dùng cả cây nấu lấy nước uống, ăn giống như ăn rau trị được bệnh phù

Khi dùng thuốc này nên kiêng ăn: cá lãng, mắm, cà đắng, muối mặn...

13 Nhóm bài thuốc trị bệnh bại liệt, tê liệt chân tay

Bài 189. Trị tê liệt chân tay

(Ây Nô - B. Trí)

- Cây 1 (CT113): Đền 5 lá, cóc pa đông liêm - dùng vỏ để làm thuốc
- Cây 2 (CT53): Cắm lai đen, cóc pa đong, tơm kôl - dùng vỏ
- Cây 3 (CT75): Cắm xe, cóc đeng, tơm Kpeh - dùng vỏ
- Cây 4 (CT66): Mã tiên, cóc tum ca - dùng vỏ

- Cây 5 (CT107): Dung lá trà, cốc mọt khậu - dùng vỏ
- Cây 6 (CT22): Búng, cốc mạc cộc độn, cốc cam - dùng vỏ

Các loại cây trên đều được lấy vỏ tươi, liều lượng bằng nhau giã nhỏ thành bột nhuyễn, gói vào một túi bằng vải. Nung một cục đá nóng lên bỏ vào túi vải gói lại cùng với thuốc, sau đó rưới nước lên túi vải, dùng túi vải để xoa bóp nơi bị tê liệt.

Bài 190. Tê liệt

(Ây Nô - B. Trí)

Cây (CT52): Sục sục kim, phát ven khột - Dùng toàn thân cây để làm thuốc

Lấy thân cây tươi băm nhỏ giã nát một lượng vừa đủ khoảng 2-3 lạng, nung nóng cục đá, cho thuốc đã giã vào tấm vải sau đó cho cục đá nung nóng vào gói lại, rưới nước lên xoa bóp chỗ sưng đau tê liệt.

14 Nhóm bài thuốc trị bệnh đau mắt

Bài 191. Phòng đau mắt

(Y Khiên – B. Trí)

Cây (CT115): Cương bắc bộ, nhạ cam pao, tom xách - Dùng hạt làm thuốc

Lấy hạt dùng làm thuốc phòng đau mắt. Đàn ông nuốt 7 hạt, đàn bà nuốt 6 hạt có thể phòng đau mắt nhiều năm.

Bài 192. Đỏ mắt - Đau mắt

(Ma Phé – B. Đấng Phôk)

Cây (CT137): Thành ngạnh, Tom Rơ ngen – dùng đọt lá non để làm thuốc

Dùng đọt non của cây lành ngạnh, bỏ vào lá chuối hay lá dong nướng lên, sau đó vắt lấy nước nhỏ vào mắt. 2-3 lần trong ngày

Bài 193. Đau mắt, đỏ mắt

(Y Bót – B. Réch)

Cây (CT66): Mã tiên cam, tom Roăk, Tum ca – dùng gỗ làm thuốc

Lấy thân gỗ băm nhỏ, ngâm vào nước khoảng 1 - 2 giờ. Lấy nước rửa mặt, mắt. Rửa nhiều lần sẽ hết đau mắt.

15 Nhóm bài thuốc trị bệnh gan

Bài 194. Thuốc chống xơ gan, trúng gió, bồi bổ cơ thể

(Y Khanh – B. Đôn)

Cây (CT104): Nhân trần, Klôi bri - Dùng cả cây làm thuốc

Lấy cả cây tươi hay khô sắc nước uống, mỗi lần khoảng 1 lạng với 2 lít nước uống, uống nhiều lần trong ngày, uống thay trà.

Bài 195. Bệnh vàng da, bệnh gan

(Ma Nhôm – B. Trí)

Cây (CT95): Nhàu núi, Cốc nhỏ, tom nhao - Dùng rễ cây để làm thuốc.

Rễ cây đào về được rửa sạch, băm nhỏ, dùng một nắm cỡ 1 lạng nấu với 2 ly nước đến khi còn 1 ly, chia ra uống, có thể uống thay trà hàng ngày.

16 Nhóm bài thuốc trị đau bao tử

Bài 196. Đau bao tử

(Ây Điều - Zang Lành)

- Cây 1 (CT153): Đoạn kiếm áo, cốc Kết lin tô phụ - lấy toàn thân, rễ, lá làm thuốc

- Cây 2 (CT155): Kiệt thảo, Cốc kết lin tô me - lấy toàn thân, rễ, lá làm thuốc

Hai loài trên lấy thân, rễ, lá nấu nước uống thường xuyên, đến khi hết bệnh đau bao tử.

Bài 197. Đau bao tử

(Ma Vân - Zang Lành)

Cây (CT56): Tràng hạt xếp tiên, cốc Hàng cay, cốc kết lin, tom tat jdar - lấy rễ để làm thuốc

Lấy rễ nấu nước uống đến khi lành bệnh.

Bài 198. Đau bao tử, ruột, phổi, gan, lá lách

(Ây Khét – Ea Rông)

Cây (CT3): Cốc đắng, cốc Chít phươi, cốc Cột căn, tom Trăn – Lấy thân cây làm thuốc

Lấy thân cây nấu nước uống thường ngày.

Bài 199. Đau bao tử

(Ma Công - Zang Lành)

Cây (CT139): Sổ xoan, cốc Mực sạn - tom M'Lo – dùng vỏ, gỗ, thân để làm thuốc.

Trên cây ở phần ngang phần rún người (khoảng 1 - 1.3m) đẽo lấy vỏ và thân gỗ nấu nước uống ngày 3 chén cho đến khi lành bệnh.

Bài 200. Đau bao tử

(Ma Nha – B. Drăng Phôk).

Cây (CT168) : Kim cang lớn, tơm Rtao nam Dong – lấy rễ củ để làm thuốc

Lấy rễ củ rửa sạch băm nhỏ, sắc nước uống trị đau bao tử. Nếu ngâm rượu nên ngâm chung với mật ong.

17 Nhóm bài thuốc trị bệnh thương hàn

Bài 201. Đau thương hàn

(Ây Điều - Zang lành)

- Cây 1 (CT94): Gáo nước, Cốc cang lương, tơm Ko - lấy rễ dùng làm thuốc.
- Cây 2 (CT36): Thị Mâm, Cốc Hưỡng quang, tơm Pòm - lấy rễ dùng làm thuốc
- Cây 3 (CT27): Chiêu liêu xanh, cốc Hén, tơm Jang gia - dùng thân để làm thuốc
- Cây 4 (CT66): Mã tiên, cốc Tum ca, tơm plai kroäl - lấy thân để làm thuốc
- Cây 5 (CT151): Cắm lai đỏ, cốc Pa đông đen - lấy cây, cành dùng làm thuốc.

Lấy 5 loại trên nấu nước uống, nấu 1 xoong uống 3 ngày, uống đến khi lành bệnh.

Bài 202. Thương hàn

(Ama Trang - Zang Lành)

- Cây 1 (CT52): Sục sục kim, Cốc phác ven khộc - lấy toàn thân để làm thuốc
- Cây 2 (CT1): Dương đào, Cốc khưa kháo khiệp, cốc xai đen khưa - lấy thân để làm thuốc.
- Cây 3 (CT27): Chiêu liêu xanh, cốc hén, tơm Jang gia - dùng thân để làm thuốc

Lấy 3 loài nấu nước uống, uống đến khi lành bệnh.

18 Một số bài thuốc trị các loại bệnh khác

Bài 203. Đau tim (khó thở)

(Ây Xơ Vút- Ea Rông)

Cây (CT111): Cò ke cuống dài, cốc Xám khí, tơm Đong hăng – dùng rễ để làm thuốc

Đào lấy rễ, rửa sạch, băm thành khúc nhỏ nấu nước uống. Ngày uống 2 lần sáng và chiều, đến khi lành bệnh.

Bài 204. Trị đau tai, thối tai

(Ma Thao- B.Trí)

Cây (CT167): Lan Đoản kiếm, cóc Đam Phi – dùng lá để làm thuốc

Khi bị đau tai dùng vài lá nướng lên cho chín sau đó vắt lấy nước để cho âm ấm nhỏ vào tai, làm 2-3 lần trong ngày.

Bài 205. Bệnh lậu, mụn nhọt

(Ây Khét – Ea Rông)

Cây (CT87): Táo rừng nhỏ, cóc léc meo – dùng rễ để làm thuốc

Lấy rễ rửa sạch, băm nhỏ nấu nước uống đến khi lành bệnh.

Bài 206. Bệnh Lậu

(Ây Vân - Zang Lành)

- Cây 1 (CT47): Rì rì, cóc khảnh khị lậu, tôm rai – dùng thân cây gọt bỏ vỏ ngoài để làm thuốc

- Cây 2 (CT166): Cỏ gấu, cóc Nhạ het mú – dùng toàn thân cây, rễ

Cây Khảnh khị lậu; lấy thân gọt bỏ vỏ ngoài, nấu nước uống như nước chè, uống trong thời gian 2 ngày (nếu bệnh nhẹ); 3 -4 ngày (nếu bệnh nặng) sẽ xổ hết chất bẩn trắng máu mủ.

Lưu ý: Trong thời gian uống thuốc không được uống thuốc khác, khi thấy đỡ thì ngừng uống, để uống cỏ gấu.

Bài 207. Giải độc



(Ây Khét - Ea Rông)



Cây (CT20): Nấm trên cây bồ kết rừng, cóc phi man, tôm Har



Chỉ lấy nấm mọc từ ngang rốn đến tim, khoảng 1 – 1,3m



Nấm mài pha nước uống giải ngay các loại độc. Như có người uống thuốc trừ sâu, uống thuốc từ nấm này sẽ giải độc.



PHẦN II: DANH MỤC TRA CỨU CÂY THUỐC (GỒM 172 LOÀI)



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT1	Dương đào Cốc xai đen khứa <i>Actinidia sp.</i> Họ Dương đào: <i>Actinidiaceae</i>	Dây leo thân gỗ bò, mọc thành bụi, cành dạng zích zắc, cành non màu xanh, già có màu nâu. Lá đơn mọc cách, hình trái xoan đầu lá có mũi nhọn dần, gốc gần tròn hay tù, mặt trên lá xanh bóng, mặt dưới xanh nhạt, gân bên 6-7 cặp chéch về phía đầu lá.	Cây mọc rải rác ven sông suối, những nơi rừng ẩm trong vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT2	Mà ca Thái Lan Cốc muôn cờ tai, tơm rpai <i>Buchanania siamensis</i> Miq. Họ điều: <i>Anacardiaceae</i> Bộ cam : <i>Rutales</i>	Cây gỗ nhỏ, cao khoảng 7-10m. Vỏ ngoài màu đen xám hay nâu đen, dày, nứt thành mảnh nhỏ, thịt vỏ màu hồng. Lá đơn mọc cách, thường tập trung đầu cành, lá hình bầu dục, đầu có mũi ngắn hay tròn, đuôi lá hình nêm, cuống lá ngắn 2-3mm, gân bên 10-12 đôi song song và nổi rõ mặt dưới. Cụm hoa hình chùy, hẹp mọc ở đầu cành, cao 7-8mm. Quả nhân cứng có 1 hạt.	Cây phân bố rải rác trong rừng thưa cây lá rộng rụng lá hay các trảng cây bụi khô của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT3	<p>Cóc đắng Cốc cọt cắn, tơm trăn <i>Lannea coromandelica</i> (Houtt.) Merr Họ điều: <i>Anacardiaceae</i> Bộ cam : <i>Rutales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ hoặc trung bình. Vỏ ngoài màu xám đen, nứt dọc nông, thịt vỏ màu hồng nhạt, có mùi thơm nhẹ, các nhánh thường có nốt.</p> <p>Lá kép lông chim lẻ, thường mang 5-7 lá chét. Lá chét có hình bầu dục, thon, dài 5-6cm, đầu nhọn thường có mũi, gân phụ 7-9 cặp, không lông ở mặt trên, có lông ở mặt dưới. Hoa chùm, hình tán.</p> <p>Quả có nhân cứng, hình trái xoan to 8-9 cặp, có màu vàng lúc chín màu đen lúc khô</p>	<p>Mọc rải rác trong rừng thưa cây lá rộng rụng lá vườn Quốc Gia Yok Đôn.</p>	
CT4	<p>Súng Ja hạt điều <i>Semecarpus</i> sp. Họ điều: <i>Anacardiaceae</i> Bộ cam : <i>Rutales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, thường xanh hay rụng lá, vỏ màu trắng nhạt, có nhựa mủ hơi đỏ.</p> <p>Lá đơn nguyên, tập trung đầu cành, dài 15-20cm rộng 4-7cm, xanh láng.</p> <p>Hoa mọc chùm hay chùy ở đầu cành, mang nhiều hoa tạp tính, màu trắng. Quả hạch 2cm.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp của vườn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT5	<p>Cỏ xước</p> <p>Cốc nhạ khô ngu, tơm lok.</p> <p><i>Achyranthes aspera</i> L.</p> <p>Họ rau dền: <i>Amarantaceae</i></p>	<p>Cây cỏ cứng cao 1-1,5m.</p> <p>Lá có phiến xoan ngược, dài từ 3-10cm, đầu lá tròn tù, gốc lá từ từ hẹp có lông dày hay không lông.</p> <p>Hoa dạng gié ở đầu cành cao 20-50cm. Hoa sau khi nở xụ xuống và thòng sát phát hoa, nhị 5, phiến hoa trắng.</p> <p>Quả bế màu vàng một hạt hình trụ lằng.</p>	<p>Cây mọc hoang ở khắp nơi trong rừng khô, ven đường đi...</p>	
CT6	<p>Dẻ bụi</p> <p>Khưa tin tăng</p> <p><i>Demos dumosus</i> (Roxb.) Safford.</p> <p>Họ na : <i>Annonaceae</i></p> <p>Bộ Ngọc lan: <i>Magnoliales</i></p>	<p>Cây leo gỗ hay trườn, nhánh có nhiều lông hình sao mịn.</p> <p>Lá bầu hình dục thon, đáy tù hay tròn, đầu có mũi ngắn, mép nguyên, mang 8-12 cặp gân phụ</p> <p>Hoa mọc đơn độc ở ngọn hay đối diện với lá, cánh hoa xoan hay thon, màu nâu đỏ.</p> <p>Trái dài 2-3cm, chứa 2-3 hạt.</p>	<p>Phân bố trên các sông, suối của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT7	<p>Đuôi trâu Cốc xai đen, tôm ray nhút <i>Polyalthia cerasoides</i> (Roxb.) Benth Họ na: <i>Annonaceae</i> Bộ ngọc lan: <i>Magnoliales</i>.</p>	<p>Cây gỗ nhỏ hay trung bình, vỏ ngoài màu đen xám, nứt dọc nhẹ, Lá đơn, mọc cách, mũi hơi nhọn, gốc lá tròn, dài 7-13cm, rộng 3- 6cm, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông, gân bên 8 đôi. Hoa lưỡng tính, mọc ở nách lá, quả kép có cuống dài, các quả thịt khi chín có màu đỏ, mang 1 hạt.</p>	<p>Cây phân bố trong rừng lá rộng nửa rụng lá hay ven các khe suối Đăk K'Lau, Đăk Tol của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT8	<p>Bồ quả Tôm văn xê <i>Uraria microcarpa</i> Champ ex Benth Họ na: <i>Annonaceae</i> Bộ ngọc lan: <i>Magnoliales</i></p>	<p>Cây bụi nhỏ thân gỗ, đôi khi mọc trườn bò, cao 1-3m. Nhánh già nâu đen, nhánh non phủ đầy lông vàng trắng. Lá có phiến dài 10-15cm, láng ở mặt trên, phủ lông bạc ở mặt dưới, gân bên 12-13 cặp. Hoa 1-2 cái ở nách lá. Quả có cuống dài 2,5cm, quả kép nhiều hạt.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT9	<p>Lá giang</p> <p>Phak y loan, N'ha pro chil</p> <p><i>Aganonerion polymorphum</i></p> <p>Pierre</p> <p>Họ trúc đào : <i>Apocynaceae</i></p> <p>Bộ long đởm: <i>Gentianales</i></p>	<p>Dây leo thảo, có nhiều mủ trắng.</p> <p>Lá đơn mọc đối, nhẵn, xanh bóng và không có lông, hình trái xoan, đuôi lá có mũi nhọn, gốc lá hình tim hay tròn, màu xanh đậm, cuống lá dài 2-3cm.</p> <p>Hoa mọc thành chùm ở nách lá, màu trắng hay hồng, thơm. Quả đại kép dài 8-15cm, rộng 5-8mm, hạt có lông mào.</p>	Cây phân bố lùm bụi, ven bia rừng, bãi đất trống của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT10	<p>Chè long,</p> <p>Cốc xe tanh, tằm chia ran quai</p> <p><i>Aganosma acuminata</i></p> <p>(Roxb.)</p> <p>G.Don</p> <p>Họ trúc đào : <i>Apocynaceae</i></p> <p>Bộ long đởm: <i>Gentianales</i></p>	<p>Dây leo cao, thường mọc thành bụi, không lông, có mủ trắng.</p> <p>Lá lúc non đỏ, mọc đối, phiến lá bầu dục tròn dài, mỏng, không lông, mặt trên xanh bóng, gân bên 10-12 cặp, hợp nhau ở mép lá, cuống lá dài 5-10mm.</p> <p>Chùm tụ tán ở nách lá và ngọn, đài cao 3-5mm, cánh hoa trắng. Quả đại đôi dài 15 -30cm, hạt có lông mào.</p>	Phân bố rải rác trong rừng khộp, ven ruộng...	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT11	Sữa, Mò cua Cốc tim pét, tơm Si N'ha pham <i>Alstonia scholaris</i> (L.)R.Br. Họ trúc đào : <i>Apocynaceae</i> . Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Cây gỗ lớn, thân thẳng, tròn, có nhiều mủ trắng, thịt vỏ trắng. Lá đơn, mọc vòng và thường xếp thành từng tầng, hình bầu dục, dài 7-20x 2,5-4,5cm, đầu nhọn ngắn , đuôi gốc hình nêm, mép nguyên. Cụm hoa xim, hoa lưỡng tính màu trắng, có mùi. Quả đại đôi, dài 18-23cm, rộng 0,5cm, thông xuống. Hạt 2 đầu có lông dài	Cây ưa bóng lúc nhỏ, ưa sáng lúc sinh trưởng. Cây phân bố rải rác ven đường đi, vùng bằng trong vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT12	Bán tràng Tơm trơn, Neng so. <i>Hemidesmus sp.</i> Họ Thiên lý : <i>Asclepiadaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Dây leo quấn, nhiều năm, có mủ trắng, rễ to cứng, thơm. thân non mảnh. Lá đơn mọc đối hình trái xoan thuôn dài 5-10cm, rộng 2-4cm có lông thưa ở 2 mặt.	Phân bố rải rác ở rừng thường xanh núi Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT13	Hà thủ ô trắng Khưa pa song, tơm chao N'rắc <i>Streptocaulon griffithii</i> Hook.f. Họ Thiên lý :Asclepiadaceae Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Dây leo thân thảo, có lông tơ màu nâu đỏ, thân có mủ trắng. Lá đơn mọc đối hình trái xoan, đầu và gốc lá tù, có lông ở 2 mặt. Lá dài 8x4cm. Cụm hoa dạng tán, dài 4-5cm, có lông phủ. Quả đại đôi dài 8-10cm, hạt có lông mào.	Phân bố khá rộng rãi trong rừng khộp, rừng bán thường xanh, ven bìa rừng, đường đi.	
CT14	Cỏ Lào Nhạ nhen hó, tơm pút <i>Eupatorium odoratum</i> L. Họ cúc : <i>Asteraceae</i> Bộ cúc : <i>Asterales</i>	Cây thân thảo, sống hàng năm, cao 1-2m, thân có phủ ít lông trắng. Lá đơn mọc đối, hình trái xoan, có lông thưa, mép lá có răng cưa Cụm hoa hình đầu, màu trắng xám, thơm, tập trung đầu cành, hoa hợp thành hình ống, có tổng bao do nhiều lá bắc hợp thành. Quả bế hình thoi, có 5 cạnh, có lông mào màu trắng đục.	Cây ưa sáng, mọc rất phổ biến trong vườn quốc gia Yok Đôn ven rừng, ven đường đi, bãi đất trống.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT15	Đạt Phước Cốc càng không, tôm tang tơi <i>Millingtonia hortensis</i> L.f. Họ đình : <i>Bignoniaceae</i> Bộ : <i>Scrophulariales</i>	Cây gỗ nhỏ hoặc lớn, cao 7-20m. Thân màu xám, nứt dọc nông Lá kép lông chim 2 - 3 lần, lá kép thứ cấp lẻ, mang 3 lá chét, bìa lá có răng cưa nhỏ. Hoa tự chùm tán, to mọc ở nách lá hay đầu cành, hoa màu trắng, cánh hợp nhau thành ống xẻ thành 2 môi, nhị 4. Quả hình trái xoan dài 1-1,5cm, có 1 hạt cứng có cánh	Phân bố rải rác trong rừng thưa cây lá rộng nửa rụng lá, ven đường đi của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT16	Núc Nác Mạc lin mạy, tôm pa lung <i>Oroxylum indicum</i> (L.) Vent Họ đình : <i>Bignoniaceae</i> Bộ : <i>Scrophulariales</i>	Cây gỗ nhỏ, rụng lá. Thân thẳng, vỏ xì màu nâu vàng, Lá kép lông chim 2-3 lần, rất to dài tới 2m, Lá chét thường có hình trái xoan tròn, hình trứng, đầu có mũi lồi, gốc tròn. Hoa màu da cam đỏ, mọc thành chùm, dài 30cm dựng đứng ở ngọn cây. Quả nang rất lớn, dài 30-90cm, rộng 5-9cm dẹt, có cạnh sắc. Hạt nhiều có cánh mỏng.	Phân bố rải rác ven suối Đăk K'Lau, Đăk Tol trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT17	Trám lá đỏ Cốc mạc lượm, tơm dăm ong <i>Canarium subulatum</i> <i>Guill</i> Họ trám : <i>Burseraceae</i> Bộ Cam : <i>Rutales</i>	Cây gỗ lớn, thân thẳng, tròn, vỏ màu nâu xám , nhựa chảy ra trắng sau đen, mùi thơm . Lá kép lông chim lẻ, dài 20-30cm, mang 3-6 đôi lá chét. Lá chét mỏng, dai, mép lá có răng cưa, lá già rụng có màu đỏ, Cụm hoa mọc ở nách lá hay tận cùng đầu cành, hình chùy. Quả hạch, hình trứng 3,5cm, rộng 2 cm.	Cây ưa sáng, mọc rải rác trong rừng rụng lá hoặc nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn. Tái sinh mạnh nơi trống ven rừng.	
CT18	Muồng gai Cốc ca chai, tơm tong đơ <i>Caesalpinia</i> sp. Họ vang: <i>Caesalpinaceae</i>	Cây bụi leo, thân xanh nhạt, có gai móc nhọn, dài 0,5 -1cm. Mọc thành bụi dày. Lá kép lông chim 2 lần có 8-12 cặp cuống phụ. Trên mỗi cuống phụ có từ 8 đến 12 cặp lá chét, lá chét nhỏ dạng hình trái xoan 2 đầu tròn, gân giữa hơi lệch, lá chét dài 1,5 2cm, rộng 0,5 -- ,8cm. Trên sống cuống lá có gai nhọn.	Cây mọc rải rác thành bụi ở ven đường đĩ, trong rừng khộp của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT19	<p>Muồng Hôi</p> <p>Cốc lép mứn, tôm kê pê</p> <p><i>Cassia tora</i> L.</p> <p>Họ vang : <i>Caesalpiniaceae</i></p> <p>Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Cây bụi cao 0,5-1,5m. Thân có mùi hôi. Lá kép mọc cách mang 6 lá chét. Lá chét mọc đối, hình xoan ngược, đầu lá tù hay có mũi rất ngắn. Đuôi lá thót lại hình nêm, lá bẹ nhỏ, cuống lá dài 2-3cm. Lá kèm dài, đầu nhọn.</p> <p>Hoa màu vàng, mọc ở nách lá thường từ 1-2 hoa. Trái cong hình trụ, đầu quả nhọn.</p>	<p>Cây mọc hoang dại nơi đất trống của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT20	<p>Bồ Kết rừng</p> <p>Cốc phi man, tôm Har</p> <p><i>Gledisia rolfei</i> Vidal</p> <p>Họ van : <i>Caesalpiniaceae</i></p> <p>Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Cây gỗ trung bình, thân tròn, thẳng, cành nhánh nhiều gai lớn phân nhánh,</p> <p>Lá kép lông chim 2 lần, cuống chung dài 10-12cm. Lá chét mọc cách. Phiến lá mỏng, dạng chữ nhật lệch hoặc trứng ngược,</p> <p>Hoa mọc thành chùm bông ở nách lá mỗi nhánh 2-7 hoa. Quả đậu, gần như không cuống, hạt màu nâu hình trái xoan.</p>	<p>Cây ưa sáng, phân bố rải rác trong rừng thưa của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT21	<p>Cáp gai nhỏ</p> <p>Tơm tec rmi, cốc nuộc meo.</p> <p><i>Capparis micrantha</i> Dc.</p> <p>Họ màn màn : <i>Capparaceae</i></p> <p>Bộ màn màn : <i>Capparales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, nhánh không lông, có gai nhọn, ít cong.</p> <p>Lá có phiến xoan bầu dục, dài 15 x5cm, đầu lá tà hay tròn coa mũi cứng, dày, lúc khô có màu vàng.</p> <p>Hoa mọc thành hàng đứng trên lá, cọng hoa ngắn, cánh hoa màu vàng hay nâu đỏ, nhị trắng, dài 3cm. Quả mập tròn hay xoan, lớn khoảng 3-4cm</p>	<p>Mọc rải rác ven khe suối trong rừng khộp, ven sông Xê rê pố</p>	
CT22	<p>Bún quả đỏ</p> <p>Cốc mạc cộc độn, cốc cam</p> <p><i>Crataeva adansonii</i> DC.</p> <p>Họ màn màn : <i>Capparaceae</i></p> <p>Bộ màn màn : <i>Capparales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cao 10-12m, vỏ màu nâu vàng. Lá kép mang 3 lá chét có cuống dài 6-7cm, Lá chét mỏng, không lông, hình bầu dục, gân phụ 5-6 cặp.</p> <p>Hoa thành cụm, mọc ở đầu cành hay nách lá, hoa nở trước khi ra lá hoặc khi có lá non. Đài 4, cánh hoa 4. Hoa màu trắng.</p> <p>Trái hình xoan, cao 3,5cm. Hạt lúc khô có màu da cam.</p>	<p>Cây phân bố rải rác ven sông, suối và nơi ẩm của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT23	<p>Cám</p> <p>Cốc mạc phóc</p> <p><i>Parinari annamense</i> Hance</p> <p>Họ cám : <i>Chrysobalanaceae</i></p> <p>Bộ hoa hồng : <i>Rosales</i></p>	<p>Cây gỗ trung bình đến lớn, vỏ ngoài màu nâu xám, nứt dọc hay thành từng mảng, thịt vỏ màu hồng nâu, dòn và có sạn.</p> <p>Lá hình trái xoan hay hình trứng, dài 6-12cm, rộng 4-9cm, mặt trên xanh bóng, mặt dưới phủ lông xám nhạt,</p> <p>Cụm hoa hình chùy, mọc tận cùng và mang nhiều hoa. cánh hoa màu trắng.</p> <p>Quả hạch hình trứng hay gần hình cầu, dài 4cm, rộng 3cm, hạt lớn, dòn.</p>	<p>Cây phổ biến trong rừng kín thường xanh hay rải rác trong rừng thưa vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT24	<p>Chò Nhai, râm</p> <p>Cốc min mon, tơm a sui</p> <p><i>Anogeisus acuminatus</i> (Roxb.) ex DC. Biull</p> <p>Họ bàng : <i>Combretaceae</i></p> <p>Bộ sim : <i>Myrtales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, thân thẳng, gốc có bạnh nhỏ. Vỏ thân màu xám đen, nứt dọc, cành non, lá non đều có lông tơ màu trắng.</p> <p>Lá đơn mọc đối hoặc gần đối, phiến lá hình mác, dài 5-8cm, rộng 2-5cm,</p> <p>Hoa rất nhỏ không cuống, họp thành cụm hoa hình đầu ở nách lá. Quả có cánh, họp thành chùm quả.</p>	<p>Cây ưa sáng, sinh trưởng nhanh, thường mọc trong rừng ẩm thường xanh hoặc nửa rụng lá trong vườn quốc gia Yok Đôn. Khả năng tái sinh chồi nhanh.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT25	Chung bầu Cốc ke <i>Combretum quadrangulare</i> Kurz. Họ bàng : <i>Combretaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ trung bình , vỏ thân già màu trắng xám, không nứt; nhiều nhánh biến thành gai ở gốc. Lá đơn mọc đối, không có lá kèm, phiến lá hình xoan ngược, đầu lá tù tròn, gốc lá thon, mỏng màu lục tươi, mặt dưới có lông thưa, cuống lá dài 1cm. Hoa dạng gié dài 3cm, hoa vàng, cánh hoa ngắn. Quả khô có 4 cánh mỏng, 1 hạt	Cây mọc ven suối trong rừng thưa khô cây họ dầu.	
CT26	Chiêu liên đen Cốc xược, tơm jia rế <i>Terminalia alata</i> Heyne. ex Roxb Họ Bàng : <i>Combretaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ lớn, thân thẳng, vỏ màu xám đen, nứt dọc và sâu, Lá đơn mọc đối hoặc gần đối, phiến lá dai cứng, hình bầu dục, dài 7-20cm, rộng 4-10cm, có 2 tuyến trên gân phía gốc lá cuống , Hoa hợp thành bông, rất dày hoa. Trục cụm hoa có lông, dài hình chuông. Quả khô 5 cánh, giống khế	Cây mọc phổ biến trong các rừng thưa hay rừng nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn, mọc lẫn với cẩm liên, cà chắc, dầu đồng tạo thành những ưu hợp điển hình.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT27	Choại, chiêu liêu xanh Cốc hén, tơm Jang rơ gia <i>Terminalia bellirica</i> (Gaertn.) Roxb Họ bàng : <i>Combretaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i> .	Cây gỗ lớn, thân trơn, thẳng, phân cành cao. vỏ thân màu nâu sẫm, Lá đơn, xếp sát nhau và tập trung đầu cành, phiến lá mỏng hình trứng ngược, dài 18-26cm, rộng 6-12cm, Hoa hợp thành bông ở nách lá, dài 5-12 cm. Hoa tạp tính màu vàng nhạt, không có cánh hoa. Quả hình trứng, kiểu hạch, chia làm 5 múi rõ, 1 hạt.	Phân bố rải rác trong rừng kín, ven rừng thưa trong vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT28	Chiêu Liêu ổi Tơm Drăm cóc <i>Terminalia corticosa</i> Pierre ex Laness. Họ bàng : <i>Combretaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ lớn, rụng lá mùa khô, vỏ bong từng mảng như ổi. Cành lá non phủ lông hung nâu. Lá đơn mọc đối, đôi khi gần đối, hình bầu dục dài 7-15cm, rộng 6-10cm, đầu lá tù có khi có mũi ngắn, gốc lá tròn hoặc tù, Cụm hoa hình bông nhiều hoa, mọc ở các kẽ lá.. Đài 5, dính nhau thành hình đầu. Không có tràng, nhị 10 . Quả khô tròn dẹt có cánh mỏng.	Cây ưa sáng, phân bố rải rác trong rừng thưa của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT29	Chiêu liêu kha tử Cốc sâm mo, tơm Rleo <i>Terminalia chebula</i> Retz Họ bàng : <i>Combretaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ trung bình, rụng lá mùa khô. Vỏ màu xám nhạt, nứt dọc nhẹ, thịt vỏ dày có nhiều lớp đỏ. Lá đơn nguyên mọc đối, lá hình trứng ngược, dài 10-20cm x 5-10cm, có 2 tuyến trên cuống lá. Cụm hoa dạng bông chùm, hoa lưỡng tính, có lá bắc, đài 5 hình chuông, không cánh. Quả hạch hình trứng, dài 3-4cm, hai đầu nhọn.	Cây ưa sáng, phân bố rải rác trong rừng thưa hoặc rừng chuyển tiếp với rừng khộp.	
CT30	Sổ đất Cốc sạn tịa, tơm mlo xê <i>Dillenia hookeri</i> Pierre Họ sổ : <i>Dilleniaceae</i> Bộ sổ : <i>Dilleniales</i>	Cây bụi thấp, cao khoảng 1m. Cành non có phủ lông. Lá đơn hình trứng ngược, đầu lá to, đuôi lá thót lại. Lá dài 30cm, lúc non có lông mặt dưới, lúc già mặt trên nhẵn, mép lá có răng cưa. Gân bên song song và nổi rõ. Lá non có màu tím hồng. Hoa thành cụm 2 hoa ở nách, hoa màu vàng. Hoa mẫu 5. Quả mập nhỏ.	Mọc khá phổ biến dưới tán rừng rụng lá và nửa rụng lá trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT31	<p>Sổ 5 nhị Tơm Kung, cốc mạc phen <i>Dillenia pentagyna</i> Roxb. Họ số : <i>Dilleniaceae</i> Bộ số : <i>Dilleniales</i></p>	<p>Cây gỗ rụng lá vào mùa khô, vỏ nhẵn màu xám tro, bong mảng Lá đơn mọc cách, dài 20-50cm, rộng 10-20cm. Đầu lá tròn hoặc tù gốc lá hình nêm. Mép lá có răng cưa nhọn, gốc cuống lá phình to. Hoa lưỡng tính, màu vàng, thường từ 2-7 hoa trên đầu cành ngắn, hoa mẫu 5, đài 5, tràng 5, nhị nhiều. Quả gần hình cầu, khi chín màu vàng hoặc đỏ, ăn được.</p>	<p>Cây phân bố trong rừng nửa rụng lá, rừng rụng lá hay các trảng cây bụi trong vườn quốc gia Yok Đôn cùng một số loài cây khác,</p>	
CT32	<p>Dầu con rái, dầu nước Cốc nhang, tơm Rhath <i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb Họ dầu : <i>Dipterocarpaceae</i> Bộ chè : <i>Theales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, vỏ màu xám, nứt dọc nông. Lá đơn mọc cách, hình bầu dục, to. mặt dưới lá có phủ lông dày. Lá dài 20-25cm, rộng 10-15cm, Lá kèm bao chồi màu đỏ Hoa mẫu 5, đài 5, tràng 5, tiền khai hoa vặn, nhị khoảng 30 cái. Quả to, có 2 cánh,</p>	<p>Cây phân bố trong rừng kín thường xanh, gặp rải rác ven suối Đăk K'lau trong vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT33	<p>Dầu trà beng Cốc xạc, tơm pang, Kpang <i>Dipterocarpus obtusifolius</i> <i>Teysm.</i> Họ dầu : <i>Dipterocarpaceae</i> Bộ chè : <i>Theales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, rụng lá. Thân thẳng tròn đều, cao tới 25m, tán thưa Lá đơn, mọc cách, phiến dai cứng, hình trứng hay trái xoan, dài 8-11, rộng 5-7,5cm, mặt dưới phủ dày lông màu rỉ sắt, hơi phình ở gốc lá. Cụm hoa bông mang 3-6 hoa. Quả hình cầu hơi bẹt, 2 cánh.</p>	Cây mọc trong rừng khộp	
CT34	<p>Cà chít, cà chắc Cốc cà chít, tơm chít <i>Shorea obtusa Wall.</i> Họ dầu : <i>Dipterocarpaceae</i> Bộ chè : <i>Theales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, rụng lá, vỏ màu xám, thô, dày, nứt dọc sâu, không đều. Lá đơn mọc cách, phiến lá đa hình Lá kèm có lông, sớm rụng. Cụm hoa chùm, nhiều nhánh. Hoa màu vàng, thơm, không cuống. Đài 5, cánh hoa 5, xếp vặn, hình dải. Quả hình trái xoan dài 18mm, có lông, có 5 cánh, 3 cánh dài, 2 cánh ngắn dài 2,5cm.</p>	Cây phổ biến trong rừng rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn, mọc lẫn với Cẩm Liên, Chiêu liêu đen, Dầu đồng thành các ưu hợp điển hình. Cây sinh trưởng chậm, mọc trên các điều kiện lập địa xương xấu, đá lộ đầu nhiều.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT35	<p>Sến mủ Cốc khẹn, tôm gher <i>Shorea roxburghii</i> G.Don Họ dậu : <i>Dipterocarpaceae</i> Bộ chè : <i>Theales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, thân thẳng có bạnh vè nhỏ hay không, thịt vỏ màu vàng, có nhựa thành cục. Lá đơn mọc cách, phiến lá hình bầu dục hay mác thuôn dài 8-14cm, Cụm hoa chùm, dài 8-10cm, mọc ở nách lá. Hoa có cuống ngắn, lá dài 5, hình mác. Cánh hoa 5 màu trắng. Quả hình trứng dài 12mm, rộng 5,5m, có 3 cánh lớn và 2 cánh nhỏ.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng lá rộng rụng lá vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT36	<p>Thị mâm Cốc hưởng quang, tôm Bôm <i>Diospyros ehretioides</i> Wall.ex G.Don Họ thị : <i>Ebenaceae</i> Bộ thị : <i>Ebenales</i></p>	<p>Cây gỗ trung bình, thường xanh, tán rậm. Cao 12-18m, đường kính 25-50cm. Vỏ thân màu xám trắng, nứt dọc rộng, vị chát. Lá đơn nguyên mọc cách, hình trứng hoặc hình bầu dục, dài 10-27cm, rộng 8-10cm, đầu lá hơi tròn. Hoa đơn tính mọc thành cụm hình xim gần đầu cành, có lá bắc. Hoa mẫu 4, Quả hình cầu nhẵn, đường kính 3cm, có 4 lá đài tồn tại</p>	<p>Cây mọc nhiều trong rừng khộp hoặc rừng nửa rụng lá vườn quốc gia Yok Đôn..</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT37	<p>Côm Bắc bộ Cốc mạc khom <i>Elaeocarpus tonkinensis</i> A.DC. Họ côm : <i>Elaeocarpaceae</i> Bộ bông : <i>Malvales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cao 7-8m, thường xanh, cành nhỏ. Lá đơn mọc cách, có dạng thon nhỏ, đầu lá nhọn có đuôi, góc lá nhọn, không lông, to 5-7x1,5cm, mép lá có răng cưa nhỏ, cuống lá hơi phình to. Hoa tập tính màu trắng hợp thành chùm dài 3-5cm, hoa nhỏ, mọc ở nách lá, đài không lông, cánh hoa xẻ đôi và mang 15-16 rìa ngắn. Quả hạch hình bầu dục.</p>	<p>Cây phân bố trong rừng lá rộng nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT38	<p>Nhót dây Cốc mạc tẹt, tơm a doi. <i>Eleagnus</i> sp. Họ nhót: <i>Eleagnaceae</i></p>	<p>Cây bụi leo thân gỗ, dài 5-6m, nhánh màu vàng sét, có nhiều vảy ánh bạc. Lá đơn mọc cách, lá hình trái xoan dài, đầu và đuôi lá nhọn dần, mặt trên xanh bóng, mặt dưới phủ vảy bạc, có 4-5 đôi gân bên nổi rõ, lá dài 5-7cm, rộng 2,5 - 3cm. Cụm quả dạng chùm dài.</p>	<p>Mọc rải rác, leo lên các cây gỗ ở rừng thưa khô họ dầu, ven bờ ruộng.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT39	Chòi mòi chua Cốc mậu, tôm tô rờ ne <i>Antidesma ghaesembilla</i> <i>Gaertn.</i> Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây gỗ nhỏ hay trung bình, nhánh chĩa chi và không có lông. Vỏ thân màu xám nâu, nứt dọc nhẹ, thịt vỏ màu hồng nhạt. Lá đơn mọc cách, phiến lá cứng, hình mác hay hình trái xoan, dài 5-6cm, rộng 3-4cm. Lá kèm sớm rụng. Hoa đơn tính khác gốc làm thành cụm hoa hình chùy ở nách lá nhiều hoa. Quả hạch nhỏ.	Cây phân bố trong rừng thưa, rừng nửa rụng lá hoặc các trảng cây bụi, ven đường đi của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT40	Thầu tấu lá tròn Cốc mướt, tôm kôn <i>Aporosa sp.</i> Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây gỗ nhỏ, mềm, cao 2-4m, đẽo vỏ có dịch nước chảy ra, gỗ màu trắng vàng. Vỏ màu xám, nứt dọc. Lá đơn mọc cách, hình trứng tròn, đầu lá tù, đuôi lá tròn hơi hình tim. Mép lá có răng cưa thô. Mang 5-6 cặp gân phụ, cuống dài 1cm, lá kèm hình dải, dài và sớm rụng. Cụm hoa tạo thành bông mọc ở nách lá. Quả nang hình cầu.	Cây phân bố rải rác trong rừng thưa, các trảng cây bụi thấp của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT41	<p>Thổ mật Campuchia Cốc hàng nam, tơm nhênh</p> <p><i>Bridelia cambodiana</i> Gagnep</p> <p>Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i></p> <p>Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ hay trung bình, vỏ ngoài đen xám, nứt dọc sâu. Thịt vỏ màu vàng nhạt,</p> <p>Lá đơn, mọc cách, thuôn, gốc tròn, đỉnh tù, dài 9-16cm, rộng 3-6cm, mặt dưới màu xám bạc. Lá kèm sớm rụng.</p> <p>Cụm hoa dạng xim, mọc ở nách lá. Hoa đơn tính, hoa cái nhiều, có cuống, lá đài 5, hình tam giác, màu hồng. Quả hạch tròn</p>	Cây phân bố trong rừng thưa và nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT42	<p>Đỏm có cọng Cốc sấm sa tịa, tơm nhên xre</p> <p><i>Bridelia pedicellata</i> Ridl.</p> <p>Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i></p> <p>Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i></p>	<p>Cây gỗ dạng bụi nhỏ, nhánh tròn, không lông</p> <p>Lá có phiến bầu dục, đầu và đuôi lá tù, lá dài 7-8cm, rộng 3-4cm, gân bên mảnh, 7-8 cặp, mặt trên xanh nâu, mặt dưới xanh nhạt, cuống lá dài 2-3mm. Hoa chụm ở nách lá, quả hạch tròn 6-8mm.</p>	Phân bố rải rác trong rừng khộp, rừng bán thường xanh.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT43	Đỏm Cốc tăng tịa <i>Bridelia</i> sp. Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây bụi nhỏ, cao 0,5 - 2m, nhánh tròn, không lông. Lá có phiến hình trái xoan, 2 đầu tù dài 4-7cm, rộng 2,5-3cm, gân bên mảnh 6-8 cặp, mặt trên xám nâu, mặt dưới nâu, cuống lá dài 2-3mm.	Cây mọc rải rác trong rừng khộp, vườn quốc gia.	
CT44	Ba Đậu cuống dài Cốc sắp pải <i>Croton af.maieuticus</i> <i>Gagnep.</i> Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây bụi, cao 0,5-1m, nhánh non có lông hình sao trắng hay hơi vàng. Thân có vỏ màu nâu đỏ. Lá có hình trái xoan hay hơi thon, dài 10-20cm, mặt dưới xanh nhạt đầu lá nhọn, đuôi lá tù hay gần tròn. Cuống dài bằng lá, lá kèm to 1-2cm, sớm rụng. Hoa mọc thành chùm đứng ở ngọn Quả nang, to 5mm, có 3 hạt.	Cây mọc rải rác trong rừng kín thường xanh trên đỉnh núi Yok Đôn hay rừng nửa rụng lá vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT45	Ba đậu lá dày Cốc con khoc <i>Croton crassifolius</i> Geisel Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây gỗ dạng bụi, cao 30-50cm, cành non nhỏ, có lông dày hình sao. Lá dạng xoan, dài 4-10cm, gân từ đáy 3, gân phụ 3 đôi, cuống dài, có 3 tuyến ở đầu, là kèm nhọn, to 1cm. Hoa mọc thành bông đứng ở ngọn hay nách lá, cao 10-50cm, có phủ lông hình sao. Hoa cái có noãn sào đầy lông, vòi nhụy 3 chẻ 2 lần. Quả nang có lông, to 1cm.	Cây phân bố rải rác dưới tán rừng lá rộng nửa rụng lá vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT46	Cỏ sữa lá to Nhựa xác mực <i>Euphorbia hirta</i> L. Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây thân thảo, sống hàng năm, mọc nghiêng hoặc nằm. Gốc phân nhiều thân, mảnh, nhựa mủ trắng như sữa. Lá đơn mọc đối, phiến hình trái xoan hay bầu dục, to 6-12x3-6mm, đáy bất xứng, mép lá có lông và răng nhỏ, gân phụ chìm không rõ, cuống lá màu hơi đỏ. Hoa mọc thành chùm bóng ở nách lá. Quả nang có lông, to 1,5mm, hạt lóng.	Mọc hoang ven đường đi, bãi đất trống trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT47	Rì Rì Cốc khay khị lậu, tơm rai <i>Homonoia riparia</i> Lour Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây bụi nhỏ cao 2-4 cm, vỏ có dịch trắng. Lá đơn mọc cánh, thon hẹp, không có lông, cuống lá dài 5-7 mm. Lá kèm nhọn, cao 6 mm, có răng và tuyến. Hoa không có cánh hoa. Hoa đực có 3 lá đài, tiểu nhụy nhiều. Hoa cái có 5 lá đài. Quả nang, hình tròn to 4 mm.	Phân bố dọc theo suối Đắc K'Lau, ĐắcTol của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT48	Me rừng Cốc mạc kham bom, cốc mạc cưa, tơm Ajoắt <i>Phyllanthus emblica</i> L. Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i> Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i>	Cây gỗ nhỏ hoặc cây bụi, rụng lá vào mùa khô, cao 5-10m. Thân cong, phân cành nhiều,. Lá đơn mọc cách xếp thành 2 hàng trên cùng 1 mặt phẳng giống như kép lông chim. Hoa đơn tính cùng gốc. Hoa nhỏ tập trung thành xim ở nách lá phía dưới cành gồm nhiều hoa đực và 1 hoa cái. Quả hình cầu, màu xanh vàng, mọng nước.	Cây ưa sáng, chịu hạn, gặp phổ biến hầu hết trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT49	<p>Phèn đen lá nhỏ</p> <p>Cốc Pa dong một lịn, tơm ngâu bam srê</p> <p><i>Phyllanthus</i> <i>af.</i> <i>parvifolius</i></p> <p><i>Buch. Ham. ex G.</i> <i>Don</i></p> <p>Họ thầu dầu : <i>Euphorbiaceae</i></p> <p>Bộ thầu dầu : <i>Euphorbiales</i></p>	<p>Cây thân gỗ dạng bụi cao 1,5m, thân không lông, nhánh ngắn, mảnh, Lá có dạng xoan bầu dục, to 12x5mm, mỏng, mặt trên xanh, mặt dưới bạc, cuống ngắn, vỏ thân màu nâu nhạt, gân phụ 3-4 đôi khó nhận thấy, lá kèm nhọn, nhỏ.</p> <p>Hoa mọc đơn độc ở nách lá, hoa nhỏ, trên một cuống hoa 1-2mm. Quả nang, hình tròn to, khi chín nứt thành 3 mảnh, hạt nâu, lóng.</p>	<p>Cây mọc bãi trống, ven rừng hay trên đường đi của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT50	<p>Biển hướng</p> <p>Cà đực ưng, tơm tin két</p> <p><i>Campylotropis</i> sp.</p> <p>Họ đậu : <i>Fabaceae</i></p> <p>Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Cây bụi, thân có cạnh, lúc non có lông về sau không lông.</p> <p>Lá kép 3 lá chét, lá chét hình bầu dục tròn dài, 3-6 x 1,5 -2,5cm, có lông trắng ở mặt dưới lá, gân bên mảnh, 7-9 cặp, lá kèm 5-6mm.</p> <p>Chùm tụ tán dày ở ngọn và nách lá, đài hoa có lông, hoa hướng tím tím hay vàng, trái xoan dẹp có 1 hạt</p>	<p>Phân bố rộng rãi trong rừng khô thưa, ven đường, bờ ruộng</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT51	<p>Biếc tràng</p> <p>Săm păn tưng, cốc dít bổ khậu</p> <p><i>Clitoria hanceana</i> var. <i>laureola</i> Gagn.</p> <p>Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Cây dạng cỏ đứng, có rễ phù thành củ sống lâu năm, nhánh không lông, tròn.</p> <p>Lá kép 3 lá chét, lá chét dày, cứng, mặt trên không lông, ô liu lúc khô; mặt dưới có lông sát vàng, gân phụ nhiều, lá kèm lâu rụng.</p> <p>Cụm hoa dạng chùm, đài cao 1,5cm, tai hẹp. Quả đậu dài 3-4cm, đường kính 8mm, khi khô nứt ra 4-5 hạt tròn bóng.</p>	Phân bố rộng rãi trong rừng khô thưa,	
CT52	<p>Sục sục kim</p> <p>Phát ven khột</p> <p><i>Crotalaria acicularis</i> Buch- Ham.</p> <p>Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Cây cỏ một năm, thường bò năm, có nhiều thân như chỉ, có lông hoe hay trắng lún phún.</p> <p>Lá bầu dục có lông hoe, dài 2cm, lá kèm hình kim.</p> <p>Phát hoa có ít hoa ở ngọn hay nách lá, ngắn rồi dài ra từ 3-11cm. Hoa vàng hay trắng, đài có 2 môi, cánh cờ tròn. Quả nâu nâu, không lông, dài 1cm, hạt nâu láng.</p>	Cây mọc rải rác nơi rừng khộp hơi ẩm, dưới một số tán cây khác.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT53	<p>Cắm lai đen, chàm đen Cốc pa đong, tơm kôi <i>Dalbergia nigrescens</i> Kurz Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, thân thẳng, tròn, vỏ thân màu xám trắng, có nhiều mụn sần sùi Lá kép lông chim lẻ, mọc cách, dài 10-14cm, có 8-12 lá chét, lá kèm sớm rụng. Cụm hoa hình chùy mọc ở kẽ lá gần đầu cành. Hoa màu trắng vàng, có lá bắc sớm rụng. Quả dạng quả đậu mỏng, có 1-2 hạt.</p>	<p>Cây phân bố trong rừng nửa rụng lá, rừng thưa của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT54	<p>Trắc leo Pa đong khò <i>Dalbergia volubilis</i> Roxb. Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i></p>	<p>Dây leo thân gỗ dài 15-20m, có nhánh mấu hay gai nhọn, nhánh non có lông nâu mịn. Lá dài 8-12cm, lá chét từ 11-13, lá chét hình trái xoan đầu tròn, tù hay lõm</p>	<p>Phân bố trong rừng nửa rụng lá và rừng thường xanh trên núi Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT55	Tràng hạt lá nhỏ Cà đực ung, tôm tin két <i>Desmodium griffithianum</i> Benth Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây gỗ bụi, cành tròn, có lông vàng, sau trắng, dày và mọc đứng. Lá kép mọc cách do 3 lá chét tạo thành. Lá chét hình trái xoan, dài 1.5-2.5cm., có lông nằm. Lá kèm to 1cm. Hoa mọc thành chùm ở đầu cành, phần dưới thưa, phần trên dày, bông dài 30cm, hoa nhỏ màu tím nhạt, đài đầy lông. Quả đậu, dài 8-10mm, chia 3-5 đốt, có phủ lông như nhung vàng.	Cây mọc rải rác trong rừng thưa lá rộng rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT56	Tràng hạt tiền xếp Tôm tap tứ, cốc két lin <i>Desmodium pulchellum</i> (L.) Benth Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây bụi nhỏ, cao 1,5-2m. Thân và cành nhẵn. Lá có 3 lá chét, hai lá bên có kích thước nhỏ hơn lá giữa. Mặt trên gần như nhẵn, mặt dưới màu hơi vàng và có lông ngắn. Hoa màu trắng, xếp 2-3 cái 1 lần giữa các lá chét và hợp thành chùm ở nách và ngọn. Quả có khía ở mép, có lông, gồm 2 đốt.	Mọc phổ biến trong rừng thưa, rừng nửa rụng lá hoặc ven suối Đăk K'Lau, Đăk Tol của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT57	Đậu 3 chẽ Mạc kham phi, tơm tap tiar <i>Desmodium trigulare</i> (Retz) Merr Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây bụi cao 1-3m. Cành mảnh, lượn sóng, có góc, nhẵn hoặc có lông mềm màu trắng. Lá kép 3 lá chét. Mặt trên có lông sau nhẵn, mặt dưới có lông mềm màu bạc, các lá chét bên hẹp hơn. Cụm hoa hình tán ở nách lá, màu trắng, lá bắc lợp, dạng lá kèm, có lông mềm. Hoa 10-20 cái. Đài có lông chia làm 4 thùy. Cánh hoa có móng. Quả đậu 4-5 hạt	Phân bố ven suối Đăk K'Lau, Đăk Tol hay dưới tán rừng của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT58	Tràng hạt cạnh ba Cốc san tế <i>Desmodium triquetrum</i> (L.) DC. Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây nhỏ, hóa gỗ ở gốc, cao 0,5-2m. Thân cành có 3 góc. Lá có 1 lá chét, Lá kèm hình tam giác, nhọn, dạng vẩy. Cụm hoa ở nách lá hay ở ngọn, thành chùm, tạo thành một chùy nhọn. Hoa màu hồng, xếp 1-2 cái một. Đài nhẵn. Cánh cờ hình mắt chim. Quả thẳng, có lông mềm, hơi cong ở mép, chia làm 6-8 đốt.	Cây mọc rải rác trong rừng thưa, trảng cây bụi thấp của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT59	Hầu vĩ Cốc hán cà hột <i>Uraria cordifolia</i> Wall Họ đậu : <i>Fabaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây bụi một năm, cao 1m, nhánh có lông dày. Lá chét chỉ có 1, hình trái xoan, đầu lá tù hay lõm, gốc lá hình tim, dài 4-5cm, rộng 2-3cm, lá có lông thưa, lá kèm 0,5cm. Hoa dạng chùm dày, cao 10-15cm, hoa màu hường, trái có lông mịn.	Phân bố rải rác trong rừng khộp.	
CT60	Bồ Quân ấn độ Cốc mặc beng, tằm cấp <i>Flacourtia indica</i> (Burm f.) Merr Họ bồ quân : <i>Flacourtiaceae</i> Bộ hoa tím : <i>Violales</i>	Cây gỗ nhỏ, có gai đơn, mọc thẳng hay chia nhánh. Lá đơn mọc cách, có lông mịn ở gân giữa, dài 5-8cm. Lá hình trứng, đầu tròn, mép có răng cưa nhỏ, cuống lá màu đỏ. Hoa mọc thành chùm ở nách lá, hoa ít và không cuống hoa, hoa đơn tính. Quả hạch, hình trái xoan, màu đỏ, hạt nhiều và nhỏ.	Phân bố rải rác ven sông Sê Rê Pốk của vườn quốc gia Yok Đôn	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT61	<p>Kơ nia, cây cầy</p> <p>Cốc póc, tơm nher</p> <p><i>Irvingia malayana</i> Oliv. ex Benn</p> <p>Họ kơ nia : <i>Irvingiaceae</i></p> <p>Bộ hà nu : <i>Ixonanthales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, thường xanh, gốc thường có khía. Vỏ ngoài màu nâu hồng hay xám hồng, thịt vỏ dày có sạn, cành non màu nâu, nhiều bì khổng.</p> <p>Lá đơn, mọc cách, , lá to hình trái xoan. Dài 9-11cm, rộng 4-5cm. Lá non có màu tím nhạt, lá kèm có hình dùi.</p> <p>Cụm hoa chùm mọc ở nách lá, hoa nhỏ màu trắng, 4-5 cánh hoa. Bầu 2 ô. Quả hình trái xoan, 1 hạt, ăn được.</p>	<p>Vườn quốc gia Yok Đôn, Kơ nia thường mọc trong rừng thường xanh, nửa rụng lá và ít khi thấy trong rừng thưa.</p>	
CT62	<p>Chiếc nam</p> <p>Cốc đôn nạm, tơm anong đak</p> <p><i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn.</p> <p>Họ lộc vừng : <i>Lecythydaceae</i></p> <p>Bộ sim : <i>Myrtales</i></p>	<p>Cây gỗ trung bình, thường xanh, vỏ nâu xám, nứt dọc, thịt vỏ màu hồng.</p> <p>Lá hình trái xoan hay mác ngược, dài 8-12cm, rộng 4-5cm, lúc lá non màu đỏ hồng.</p> <p>Cụm hoa hình chùm, mọc ở đỉnh cành dài 30-50cm, mang nhiều hoa. Hoa lưỡng tính, nụ hoa có hình tháp. Đài hoa hình ống, cánh hoa 4 màu trắng, bầu hạt, 2 ô. Quả hình bầu dục, dài 30mm, rộng 20mm, có 4 cạnh, hạt 1.</p>	<p>Cây ưa sáng và ưa ẩm thường mọc ven các suối Đak Tol, Đak K'Lau trong vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT63	Vừng Tơm Tư, cốc ka đôn <i>Careya sphaerica Roxb.</i> Họ lộc vừng : <i>Lecythisaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ trung bình, rụng lá, thịt vỏ đỏ hồng, nhiều xơ, có dịch màu đỏ. Lá đơn, mọc cách, hình trứng ngược hay bầu dục. Lá rụng để lại vết sẹo và thường có màu đỏ. Cụm hoa bông dài 6-10cm, mỗi hoa có 4 lá bắc hình bầu dục, dài 10-12mm, màu trắng nhạt. Quả hình cầu, đường kính 4-6cm, nạc cứng, hình bầu dục dài.	Cây phân bố rải rác trong rừng nửa rụng lá, rừng rụng lá. Cây ưa sáng, chịu hạn, mọc hỗn giao với Me rừng, Thầu tấu, Chòi mò, có khả năng chịu lửa cháy, tái sinh hạt và chồi đều khỏe.	
CT64	Gối Hạt Tơm si nít <i>Leea aequata L.</i> Họ gối hạt : <i>Leeaceae</i> Bộ táo ta: <i>Rhamnales</i>	Cây bụi cao 2 m, cành non phủ lông, lá kép 2 lần. Lá chét mọc đối, nhám, có cặp, lá bẹ cao 3cm, Hoa mọc ở ngọn,, thâp, cao 5 cm. Hoa có lông mịn, rộng 3-4 mm, màu đỏ .Quả có 4 cạnh, hình cầu màu đen, rộng 8 mm, 4 hạt.	Gặp phân bố nhiều dưới tán rừng thưa và nửa rụng lá hay ven các suối Đăk K'Lau, Đăk Tol.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT65	<p>Mã tiên dây</p> <p>Cốc mạc xén, Tôm Kơ rơ ăl</p> <p><i>Strychnos axilaris</i> <i>Colebr</i></p> <p>Họ mã tiên : <i>Loganiaceae</i></p> <p>Bộ hoa chuông : <i>Caryophyllales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ hay leo cao 5-10m, cành non màu xanh đen, có mấu, hình chữ chi.</p> <p>Lá hình tròn, gốc tù, đầu có mũi nhọn, dài 3-9cm, không lông, xanh bóng, có 3 gân chính chạy từ gốc.</p> <p>Hoa tụ tán ở nách lá, có lông và cọng hoa ngắn. Quả hình cầu, to 1-2cm, chín màu đỏ cam, có 1-2 hạt, không lông.</p>	<p>Cây phân bố rải rác rừng khộp, ven khe suối Đăk K'Lau, Đăk Tol của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT66	<p>Mã tiên quả cam</p> <p>Cốc tum ca, Tôm plai kroăl</p> <p><i>Strychnos nux-blanda</i> <i>A.W.Hill</i></p> <p>Họ mã tiên : <i>Loganiaceae</i></p> <p>Bộ hoa chuông : <i>Caryophyllales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, rụng lá mùa khô phân cành thấp, cành ngang. Vỏ thân màu xám nhạt</p> <p>Lá đơn mọc đối, gần hình tròn, dài 7-8cm, rộng 6,5-7,5cm. Lá màu vàng xanh khi già cá màu vàng nhạt</p> <p>Hoa mọc thành cụm hình ngù ở đầu cành, ít hoa có lá bắc. Hoa mẫu 5, đài hợp hình ống, tràng 5 hợp thành ống dài 13mm. Quả mọng hình cầu to như quả cam,</p>	<p>Cây ưa sáng phân bố trong rừng rụng lá, rừng nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT67	Bằng lăng ổi Cốc pươi si đa, tơm khoar <i>Lagerstroemia calyculata</i> Kurz Họ tử vi : <i>Lythraceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ lớn, cao 30-35m, đường kính 40-80cm, thân có bạnh vè to và cao. Vỏ mỏng màu xám hồng Lá đơn nguyên, mọc đối hoặc gần đối, hình trứng dài 7-11cm x 2-5cm Cụm hoa tận cùng hình chùy, có nhiều lông dài 10-12cm. Hoa hợp thành nhóm 6-8 cái. Nụ hoa hình nón ngược hay hình trứng, trắng Quả nang hình trứng dài 12mm. Hạt có cánh dài 8mm.	Cây điển hình của rừng nửa rụng lá ở độ cao dưới 800m. Thường mọc gần thuần loại hoặc hỗn giao với thành ngạnh, vừng, cẩm lai đen. Tái sinh hạt và chồi đều tốt, sinh trưởng chậm.	
CT68	Bằng lăng dây, Khưa nguôn sụm <i>Lagerstroemia</i> sp. Họ tử vi : <i>Lythraceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ dạng bụi bò hoặc đứng cao 2-4m, vỏ xám trắng phân cành đôi. Cành non vuông cạnh, cành già tròn Lá đơn mọc đối, không lá kèm. Lá hình trái xoan dài, 2 đầu nhọn dần dài 8-10cm, rộng 3-4cm, chồi và lá non có phủ lông hình sao, về sau rụng đi. (hình thái cành lá rất giống với bằng lăng ổi)	Cây mọc trong rừng bán thường xanh, rừng khộp ven suối ẩm, ven ruộng trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT69	Bằng lăng hoa tím Cốc Pươi lược <i>Lagerstroemia speciosa</i> (K.) Pers Họ tử vi : <i>Lythraceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ nhỏ hoặc trung bình, tán màu xanh đậm, không có bạnh vè. Vỏ màu xám trắng Lá đơn nguyên, mọc đối hoặc gần đối, hình bầu dục, đầu lá nhọn, cứng, mép lá nguyên Cụm hoa hình chùy, ít hoa và tập trung ở đầu cành, hoa màu tím hồng, có lá bắc và hợp thành hình vuông. Quả nang hình trứng, lúc chín màu nâu đen, có đài tồn tại ở quả .	Phân bố rải rác trong rừng nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT70	Dùi đục, Khưa pốc sạn, tơm Arao Hiptage sp. Họ Kim đồng: Malpighiaceae	Dây leo thân gỗ, leo rất cao, nhánh không lông, cành nhánh xám xám. Lá đơn mọc đối, không có lá kèm, có phiến bầu dục, đầu và gốc lá hình nêm, dài 7-8cm, rộng 3-4cm, gân phụ 7 cặp, mỏng không lông. Lá dày láng	Gặp phân bố ở vùng núi Yok đôn trong rừng thường xanh hay bán thường xanh.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT71	<p>Chổi đực</p> <p>Tơm puốc rơ hoai, cốc nhạ khách.</p> <p><i>Sida acuta</i> Burm.f.</p> <p>Họ bông: Malvaceae</p> <p>Bộ bông : Malvales</p>	<p>Cỏ mọc thành bụi đứng tròn, cao 50-70cm.</p> <p>Lá có phiến thon dài 5-7cm, không lông, mép lá có răng thưa, 2 lá kèm nhỏ mọc cao một thấp.</p> <p>Hoa mọc lẻ ở nách lá màu vàng, 5 cánh hoa. nhị dính nhau thành ống, quả nang nứt làm 5, hạt có gai nhỏ.</p>	Cây mọc hoa ng trong rừng khộp, ven đường đi...	
CT72	<p>Sâm sì, trâm đất</p> <p>Cốc mợt e, tơm Krai</p> <p><i>Memecylon edule</i> Roxb</p> <p>Họ mua:</p> <p><i>Melastomaceae</i></p> <p>Bộ sim : <i>Myrtales</i></p>	<p>Cây gỗ bụi, cao tới 10m. Vỏ màu nâu xám, nứt dọc. Cành tròn, màu nâu hồng, không nứt.</p> <p>Lá đơn mọc đối, hình bầu dục hay trái xoan ngược, xanh bóng,</p> <p>Hoa tự tán mọc ở nách lá, cọng hoa có đốt. Cánh hoa màu tím xanh hay màu hồng. Quả tròn màu tím đen, to, 7-8mm, hạt 1.</p>	Phân bố rải rác trong rừng rụng lá, các trảng cây bụi của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT73	Trinh nữ gai Cốc nha nam, Pit gui <i>Mimosa invisa</i> Mart. et Colla Họ Trinh nữ: <i>Mimosaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây thân thảo, mọc thành bụi, thân mảnh có 4 cạnh. Nhiều gai mọc ngược trên thân. Lá khép lông chim mọc cách, mang 7-9 cặp lá cấp 2. Cuống lá mọc nhiều gai như ở thân. Hoa tự hình đầu ở nách lá và tập trung thành chùm ở đầu cành, màu trắng hồng.	Trong vườn quốc gia Yok Đôn, phân bố nhiều ở ven đường, bãi trống một ít ven suối Đắk Tol hay dưới tán rừng le.	
CT74	Xấu hổ, mắc cỡ Tơm Log sog, lok min <i>Mimosa pudica</i> L. Họ trinh nữ : <i>Mimosaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây cỏ sống hàng năm, bò trườn trên mặt đất, thân có nhiều gai nhỏ. Lá kép lông chim 2 lần, mang 10-25 cặp lá chét. Lá chét nhỏ và xẹp lại khi va chạm. Rễ có nhiều nốt sần. Cụm hoa hình đầu màu tím hồng, đài rất nhỏ. Quả dài, bị thắt lại bởi các hạt, có nhiều tơ cứng, dài 1-2cm, có 3-4 đốt.	Cây mọc hoang ven đường, bãi đất trống của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT75	Cắm xe Cốc đeng, tơm Rpeh <i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) Taub. Họ trinh nữ : <i>Mimosaceae</i> Bộ đậu : <i>Fabales</i>	Cây gỗ lớn, rụng lá, thân tròn, phân cành thấp, ít khi thẳng. Vỏ màu xám vàng đến màu xám đỏ nhạt Lá kép lông chim 2 lần chẵn, cuống lá cấp 1 dài 2,5 - 5cm, mang một đôi cấp 2 dài 7,5-10cm. Lá chét hình trái xoan hoặc hình trứng Hoa nhỏ màu vàng nhạt, hợp thành hình đầu. Quả đậu hóa gỗ, hình dao dài 10-15cm, rộng 5cm, chứa 6-10 hạt, khi chín tự mở.	Cây ưa sáng nhưng sinh trưởng chậm. Phân bố trong rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT76	Dây hồ đẳng Pa đong khưa <i>Cisampelos</i> sp. Họ tiết dê <i>Menispermaceae</i>	Dây leo mọc bò hay leo lên cây, nhánh có rãnh, thân có lông ngắn. Lá có phiến xoan tròn, gốc lá hình tim, đầu lá tròn hơi lõm, có phủ lông mềm thưa. Cụm hoa dạng chùm, hoa có 4 lá đài. Quả nhân cứng tròn, dẹp màu đỏ.	Phân bố rải rác trong rừng khộp, nơi có nhiều ánh sáng.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT77	<p>Sộp. Cốc hay, tơm jri Ficus superba var. alongentis (Gagnep) Corner. Họ dâu tằm: Moraceae Bộ du : Urticales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cao từ 10-15m, đẹp. Cành non không lông, màu nâu đỏ. Lá hình bầu dục, không lông, tròn, dài, dài 13-18cm, đầu và đuôi lá tù, xanh bóng, lá dày, gân từ đáy 3, cuống dày 3-9cm, Quả sung, tròn, chứa nhiều hạt.</p>	<p>Cây phân bố trong rừng kín thường xanh hay ven sông, suối của vườn quốc gia Yok Đôn</p>	
CT78	<p>Sung Cốc mạc ka đũa, tơm plai rờ vi Ficus septica (Bl.) Corner Họ dâu tằm: Moraceae Bộ du : Urticales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cao 7-10m, thường xanh, vỏ thân màu xám trắng không nứt, mủ trắng. Lá đơn mọc cách, hình trái xoan thon, đầu lá mũi nhọn, gốc hình nêm. Cụm hoa trên nách lá, hay trên thân. Quả phức dạng sung, chín vàng đỏ, cỡ 1-2cm</p>	<p>Cây phân bố dọc các sông, suối trong vườn Quốc gia</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT79	Cơm nguội Cốc peng, tơm pler <i>Ardisia</i> sp. Họ đơn nem: <i>Myrsinaceae</i> Bộ lựu : <i>Prymulales</i>	Cây gỗ nhỏ, dạng cây bụi cao 1,0-1,5m, thân tròn không lông. Lá đơn, mọc cách tập trung đầu cành, lá dày, gân phụ chìm, hình bầu dục hay hình trứng. Hoa mọc thành chùm ở nách lá, hoa màu trắng. Quả hình cầu, khi chín có màu tím đen.	Cây mọc rải rác trong rừng kín lá rộng thường xanh ven bờ sông Sê Rê Pốk của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT80	Cây thùn mùn Cốc phát y thực <i>Embelia af. laeta</i> Mez. Họ đơn nem: <i>Myrsinaceae</i> Bộ lựu : <i>Prymulales</i>	Cây bụi, trườn, cành non màu nâu nhạt, trơn không lông. Lá đơn mọc cách, có khi tụm lại thành 3 lá, dày, láng, đầu tròn, hình bầu dục hay xoan ngược, dài 4-9cm, gân phụ chìm và không nổi. Hoa trắng, nhỏ, mọc thành chùm ở nách lá, dài 6-10mm. Trái hình cầu to 6mm, hạt 1.	Phân bố rải rác trong rừng rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT81	Trâm Pi - E Tơm piêng <i>Syzygium pierei</i> (Gagnep.).Merr. Họ sim : <i>Myrtaceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i>	Cây gỗ nhỏ, thường xanh cao 5-7m, đường kính 5-7cm. Vỏ mỏng, màu xám trắng. Cành non hình trụ, mọc đối, không lông. Lá đơn mọc đối, hình bầu dục, cuống lá ngắn, dài 6-10cm, rộng 2-3,5cm, dai, xanh bóng không lông Cụm hoa hình xim ở nách lá hay đầu cành, hoa ít, lưỡng tính, màu tím trắng. đài 4, tràng 4. Quả mọng hình bầu dục.	Phân bố ven sông, suối trong rừng kín thường xanh của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT82	Sen Tơm chút <i>Nelumbo nucifera</i> <i>Gaertn</i> Họ sen : <i>Nelumbonaceae</i> Bộ sen sủng : <i>Nelumbonales</i>	Cây thân thảo, mọc dưới nước, thân rễ (ngó sen)mập. Lá gần hình tròn, dạng hình khiên, một số có phiến trái trên mặt nước, một số mọc vươn cao lên. Hoa to, có cuống dài. Hoa màu trắng hoặc màu hồng, lưỡng tính, kiểu xoắn vòng. Quả bế thường hay gọi là hạt sen.	Cây mọc tự nhiên trong một số đầm lầy của vườn quốc gia Yok Đôn..	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT83	<p>Mai xuân, mai vàng</p> <p>Cốc sạn nạo</p> <p><i>Ochna integerma</i> (Lour.) Merr</p> <p>Họ mai : Ochnaceae</p> <p>Bộ măng cụt : Guttiferales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ hay bụi thân gỗ màu nâu xám, không nứt, thịt vỏ màu trắng.</p> <p>Lá hình bầu dục, dài, không có lông, gân phụ 8-10 cặp, bìa có răng nhỏ, cuống lá dài 5-7 mm.</p> <p>Hoa mọc thành cụm, màu vàng tươi. Hoa mẫu 5 dễ rụng. đài 5, cánh hoa 5, nhị nhiều, một vòi nhụy. Quả nhân cứng, có một hạt</p>	Phân bố rải rác ven suối Đắc K'lau, Đắc Tôl trong vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT84	<p>Lạc tiên, nhân lồng</p> <p>Cốc nhông hạng, tơm R tao</p> <p><i>Passiflora foetida</i> L.</p> <p>Họ lạc tiên : Passifloraceae</p> <p>Bộ lạc tiên : Passiflorales</p>	<p>Dây leo thân thảo. Thân, lá phủ dày lông, nhám,</p> <p>Lá đơn, mọc cách, hình tam giác, chia thùy, đầu lá nhọn, thường có 3 thùy, mép lá có răng nhỏ</p> <p>Hoa đơn độc, mọc ở nách lá, 3 lá hoa to, lá đài 5, cánh hoa 5, tràng phụ do nhiều sợi kim dài tạo thành.</p> <p>Quả chín có màu vàng, hạt có tử y, quả chua ngọt ăn được.</p>	Phân bố ven đường, bãi trống hay ven suối trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT85	<p>Lá lốt</p> <p>Cốc phác y lợt, N' mlo jun</p> <p><i>Piper lolot C.DC.</i></p> <p>Họ hồ tiêu : <i>Piperaceae</i></p> <p>Bộ hồ tiêu : <i>Piperales</i></p>	<p>Cây thảo đứng, cao 30-40cm, có nhánh bò dài , thân to 2mm, có rãnh và có lông rất mịn, có ống tiết trong lá và thân. Lá dạng hình tim, to 13x9cm, đáy hơi bất xứng, mỏng mềm và xanh bóng mặt trên, có tuyến, mặt dưới lá có lông mịn, cuống lá dài 2,5cm.</p> <p>Cọng hoa dài 15mm, hoa cái dài 1cm.</p>	<p>Mọc hoang dại và rải rác ven các suối Đăk Klau của vườn quốc gia Yok Đôn. Lá dùng làm gia vị ăn được.</p>	
CT86	<p>Táo Campuchia</p> <p>Cốc mạc mai, tơm gong</p> <p><i>Ziziphus cambodiana</i> Pierre.</p> <p>Họ táo ta: <i>Rhamnaceae</i></p> <p>Bộ táo ta: <i>Rhamnales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, bụi cao 1-8m có khi bò leo. Cành non có nhiều lông dày màu rỉ sắt, có gai nhỏ, dài 3mm.</p> <p>Lá hình trái xoan to, rộng 12 x 9cm, đầu lá tù, . đáy lá hơi lệch. Gân lá chính 3 xuất phát từ gốc, mép lá có răng cưa nhỏ.</p> <p>Hoa mọc thành chùm, phủ nhiều lông màu rỉ sắt, hoa không có cánh.</p> <p>Quả hạch, hình tròn to 1cm.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng rụng lá, các trảng cây bụi của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT87	<p>Táo rừng Cốc lec meo</p> <p>Ziziphus oenoplia (L.) Mill.</p> <p>Họ táo ta : <i>Rhamnaceae</i> Bộ táo ta : <i>Rhamnales</i></p>	<p>Cây bụi nhỏ có khi bò trườn. Thân và cành có nhiều gai nhỏ cao 3-4mm, hình cong.</p> <p>Lá có dạng hình bầu dục, đầu lá hơi lệch, dài 2-6cm, mép lá có răng cưa rất mảnh. Mặt dưới lá có lông thưa hoặc dày, cuống lá dài 3-4mm.</p> <p>Hoa tự tán mọc ở nách lá, hoa nhỏ, cánh hoa ngắn hơn lá đài, nhị 5.</p> <p>Quả nhân cứng, to 7-10mm,</p>	<p>cây phân bố trong rừng rụng lá hay các trảng cây bụi của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT88	<p>Xăng mã răng Cốc bồn năng</p> <p><i>Carallia diplopetala</i> Hand.</p> <p>Họ đước : <i>Rhizophoraceae</i> Bộ sim : <i>Myrtales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ hoặc cây bụi., vỏ nâu đen, thịt vỏ màu trắng,</p> <p>Lá đơn mọc đối, phiến lá mỏng, dài 7-16cm, rộng 2.5-3.5cm, hình trái xoan hoặc trái xoan hẹp, đầu có mũi nhọn ngắn, gốc hình nêm rộng, mép lá có răng cưa nhỏ,</p> <p>Hoa lưỡng tính, hoa nhỏ tập hợp thành sim. Hoa không cuống, thường 2-3 hoa tập trung trên một đỉnh nhánh nhỏ. Quả hình cầu, đường kính 6-7mm.</p>	<p>Cây phân bố ven sông, suối của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT89	<p>Gáo vàng Tơm quau <i>Adina cordifolia</i> (Roxb.) Hook.f. Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn, rụng lá thân thẳng, tròn. Vỏ màu xám trắng, nứt dọc, bong mảng. Lá đơn mọc đối, hình tròn, bầu dục, gốc lá hình tim, dài 10-30cm, rộng 8-20cm, lá kèm thuôn, tròn, cong hình thìa, có lông. Hoa nhỏ màu vàng, cụm hình đầu. đài hợp hình trụ phân dưới, trên chia 5 cánh hơi loe. Cánh hoa hợp thành hình ống dài. Quả nang mở mở theo 2 khe nhỏ ở gốc, có 6-8 hạt</p>	<p>Cây mọc phổ biến trong rừng nửa rụng lá và rụng lá ở vườn quốc gia Yok Đôn. Mùa hoa tháng 5-6. Mùa quả tháng 8-11.</p>	
CT90	<p>Da hươu Cốc mụi, tơm bra sốt <i>Dioecrescis erythroclada</i> (Kurz) Tirv. Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ cao 6-7m, cành non hình 4 cạnh, thân vỏ màu nâu, không nứt. thân có nhiều gai mọc đứng hay nằm ngang. Lá đơn, mọc đối hình trái xoan ngược, từ ở đỉnh và thót lại ở gốc, lá kèm hình mũi nhọn sớm rụng. Hoa mọc tập trung thành xim và đối diện với lá, màu trắng vàng. hoa mẫu 5 Quả mọng, hình cầu có nhiều hạt.</p>	<p>Cây gặp phân bố trong rừng rụng lá hay ven các suối Đăk K'Lau, Đăk Tol của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT91	Dành dành ang co Tôm Brép, cốc khay nâu <i>Gardenia angkorensis</i> Pit. Họ cà phê : Rubiaceae Bộ long đởm : Gentianales	Cây gỗ nhỏ, cao 2-6m, nhiều cành. Vỏ nứt dọc, màu xám đen. Lá đơn, mọc đối tập trung đầu cành, lá hình thon ngược, đầu lá tù, đuôi lá thót lại, 2 mặt lá nhám, gân phụ 12 -15 cặp, nổi rõ. Lá kèm mỏng, cao 4-5mm. Hoa tự hình xim, mọc ở ngọn cành, hoa màu trắng, dài, tràng lợp thành ống. Quả hình tròn, có đài tồn tại, hạt nhiều.	Cây gặp phân bố trong rừng rụng lá hay các trảng cây bụi thấp của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT92	Dành dành lá tù Cốc lom phục, tôm plai ra tó <i>Gardenia obtusifolia</i> Roxb. ex Hook.f. Họ cà phê : Rubiaceae Bộ long đởm : Gentianales	Cây gỗ nhỏ, cao 2 -6m, phân cành nhiều, cành nhẵn, Lá hình trái xoan hay thon ngược, mọc đối, 12 x5,5cm, nhẵn, bóng không lông nhưng hơi nhám, lá kèm nhỏ, mỏng, to 4 -5mm. Hoa tự hình đầu tập trung đầu cành, hoa to và đơn độc, màu vàng tươi, đài 1 -3 cao 3mm, nhọn. Quả hình tròn, đài tồn tại, vỏ quả bóng, màu nâu, hạt nhiều, dài 5-6mm.	Cây phân bố rải rác trong rừng thưa cây họ Dầu của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT93	Cà giam Cốc thum plai, tơm tằm dốt <i>Mytragyne diversifolia</i> (Wall. ex G.Don) Havil Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Cây gỗ lớn, vỏ màu xám, nứt nhẹ, cành non vuông chữ thập. Lá dạng tròn dài, đáy lá hình tim có khi tròn, đầu tù hoặc hơi có mũi, dài 20-25cm, dai, không lông. Lá kèm hình bầu dục, to 1-1,5cm, sớm rụng. Hoa tự hình đầu tập hợp thành xim, lá hoa hình thìa, quả nang to 4mm, hạt nhỏ, nhiều.	Cây mọc rải rác ven các bờ sông, suối, trong vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT94	Cà giam lá tròn Cốc càng lương, tơm ko <i>Mitragyne rotundifolia</i> (Roxb) Kuntze Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Cây gỗ lớn, vỏ màu xám, nứt nhẹ, thịt vỏ màu hơi nâu. Cành non vuông, màu xanh. Lá đơn mọc đối, hình trái xoan tròn, đầu lá tù, gốc lá hình nêm, mặt trên láng, không lông, mặt dưới có ít lông. Hoa tự tập trung thành hình đầu tròn, đơn độc ở đầu cành, đài 5, tràng 5, nhẵn. Quả khô, hình cầu, hạt màu đen nhạt.	Cây phân bố rải rác ven bờ sông Sê Rê Pốk, suối Đăk R'Lau của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT95	Nhàu núi Cốc nho, tơm nhao <i>Morinda citrifolia</i> L. Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Cây gỗ nhỏ, nhẵn. Cành non có 4 cạnh, Lá mọc đối hình trái xoan rộng, có mũi ngắn ở đầu, hình nêm ở gốc, hai mặt xanh bóng. Lá kèm hình thuôn. Hoa tập hợp thành hình đầu, xếp đối diện với lá. Đài có thùy cụt, tràng 5, hình ngọn giáo, hợp thành ống. Quả nạc gồm nhiều hạch dính liền nhau,	Cây phân bố rải rác trong rừng rụng lá hay các trảng cây bụi thấp, đất trống của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT96	Gáo trắng, săng tàn Cốc tấp tau, tơm pơ <i>Neolamarckia cadamba</i> (Roxb.) Bosser Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i> Bộ long đởm : <i>Gentianales</i>	Cây gỗ nhỏ, thân màu xám trắng, nút nhẹ, cành non vuông chữ thập, không có lông. Lá đơn mọc đối, hình trứng ngược. Đầu lá tù, đuôi thót lại hình nêm, cuống rất ngắn, lá kèm hình tai chuột, đầu nhọn rụng để lại vết sẹo. Hoa tự hình đầu, có cuống dài mọc ở đầu cành. Quả nang mở theo hai khe nhỏ, mang nhiều hạt.	Cây ưa ánh sáng, phân bố nơi khe cạn, vùng ẩm, các trảng cây bụi, ven đường đi trong vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT97	<p>Dót sành</p> <p>Cốc nho sụm, tơm Dròk rãng</p> <p><i>Pavetta pitardii</i> Brem.</p> <p>Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i></p> <p>Bộ long đởm : <i>Gentianales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cao 10-15m, đường kính 25-30cm, thân tròn, vỏ màu trắng xám, nứt thành mảng nhẹ.</p> <p>Lá đơn mọc đối, hình trứng, đuôi lá tròn, đầu lá nhọn, có mũi ngắn. Mặt trên xanh đậm, mặt dưới trắng bạc, gân phụ 11-12 đôi, xếp song song và nổi rõ mặt dưới. Lá kèm hình tam giác, sớm rụng.</p> <p>Hoa tự hình đầu tập trung ở đầu cành.</p>	Phân bố rải rác ven suối Đăk Tol của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT98	<p>Găng nhung</p> <p>Cốc nghiên đúc, tơm bra mãng</p> <p><i>Randia dasycarpa</i> (Kurz) Bakh.f.</p> <p>Họ cà phê : <i>Rubiaceae</i></p> <p>Bộ long đởm : <i>Gentianales</i></p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cành mảnh, lúc non có 4 cạnh, có lông, gai dài mọc đứng hay mọc ngang.</p> <p>Lá hình bầu dục ngược hay trái xoan, nhọn ở gốc, màu lục mặt trên, trắng nhạt mặt dưới, lá kèm hình tam giác, sớm rụng.</p> <p>Hoa thường mọc đơn độc ở đầu cành, màu trắng sữa. Quả mọng, hình bầu dục hay hình cầu, có cánh dính ở đỉnh, nhiều hạt.</p>	Cây phân bố rải rác trong rừng rụng lá, các trảng cây bụi thấp của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT99	<p>Găng mài</p> <p>Cốc mực khảo cái, tôm mra xuất ngang</p> <p><i>Randia spinosa</i> (Thb.)</p> <p>Poir</p> <p>Họ cà phê: Rubiaceae</p> <p>Bộ long đởm: Gentianales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ cành nhánh nhiều, mọc ngang, có gai</p> <p>Lá hình bầu dục, tù hoặc hơi nhọn ở đỉnh, gốc lá hình nêm, nhẵn mềm. Lá kèm hình bầu dục, có mũi nhọn, sớm rụng.</p> <p>Hoa đơn độc, ít khi xếp thành 2-3 chiếc, màu vàng lục hay màu trắng. Quả mọng hình cầu hay bầu dục, nhẵn bóng hoặc có lông</p>	<p>Cây phân bố rải rác trong rừng thưa cây lá rộng rụng lá hay trắng cây bụi của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT100	<p>Găng trường</p> <p>Tôm plai ra xuất</p> <p><i>Randia af.turgida</i> Roxb.</p> <p>Họ cà phê : Rubiaceae</p> <p>Bộ long đởm: Gentianales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ, cành nhánh nhiều, mọc ngang, cao 2-10cm. Cành non dẹt, màu nâu, sau tròn, gai dài nhọn, Lá hình bầu dục ngược, tù ở đỉnh, nhọn ở gốc, nhẵn, mềm. Lá kèm, hình bầu dục, sớm rụng.</p> <p>Hoa mọc đơn độc, ít khi xếp thành 2-3 cái. Hoa màu vàng hay trắng. Quả mọng hình cầu hay bầu dục, nhẵn bóng hay có lông</p>	<p>Cây phân bố rải rác trong rừng rụng lá hay các trắng cây bụi của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT101	<p>Chùm hôi</p> <p>Cốc một, cốc xμάch</p> <p><i>Clausena excavata</i> <i>Burm var. villosa.</i></p> <p>Họ cam : <i>Rutaceae</i></p> <p>Bộ cam : <i>Rutales</i></p>	<p>Cây bụi thấp, cao 1m, cành, lá phủ nhiều lông, không gai. Toàn thân có mùi thơm.</p> <p>Lá kép lông chim, có mùi thơm hắc. lá chết mọc so le, hình thuôn dài hay thuôn mũi mác, có ít lông phủ ở 2 mặt lá.</p> <p>Hoa mọc thành chùy ở ngọn, cuống hoa có lông. Hoa ít thơm có màu hồng nhạt.</p>	<p>Mọc rải rác dưới tán rừng thưa, trồng cây bụi thấp trong vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT102	<p>Bưởi bung</p> <p>Tơm Ha pler</p> <p><i>Acronychia olizophebia</i> Merr</p> <p>Họ cam : <i>Rutaceae</i></p> <p>Bộ cam : <i>Rutales</i></p>	<p>Cây gỗ trung bình, thường phân cành sớm. vỏ nhẵn, thịt vỏ nâu hồng, mùi hắc.</p> <p>Lá đơn mọc đối, cuống lá phình hai đầu, phiến lá hình trái xoan, và lá có mùi thơm xoài. Hoa lưỡng tính, nhỏ màu trắng vàng, mùi thơm, hợp thành cụm xim.</p> <p>Quả hạch hình cầu, màu vàng nhạt, mọng nước.</p>	<p>Cây mọc rải rác trên núi Yok Đôn trong rừng kín thường xanh của vườn Quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT103	Nhân dê Cốc mạc lục <i>Lepisanthes rubiginosa</i> (Roxb.) Blume Họ bồ hòn : <i>Sapindaceae</i> Bộ bồ hòn : <i>Sapindales</i>	Cây gỗ nhỏ, cao 5-6m. Thân thẳng, vỏ không nứt, phân cành sớm. Lá kép lông chim chẵn, mang 3 -5 đôi lá chét. Lá kép mọc cách, lá chét mọc đối. Hoa đơn tính cùng gốc, đối xứng 2 bên, tạo thành hình chùy mọc ở ngọn cành.	Cây phân bố rải rác bên bờ suối Đắc Klau, Đắc Tol... của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT104	Nhân trần Klôi bri <i>Adenosma indianum</i> (Lour) Họ: Scrophulariaceae Bộ : Scrophulariales	Cây cỏ, sống một năm, cao 20 -60cm, cành non có lông sau nhẵn. Lá mọc đối có cuống ngắn, hình mác, mép khía răng, có lông. Hoa nhỏ, màu tím mọc tụ tập thành hình đầu ở ngọn. Quả nang, nhiều hạt nhỏ. Toàn thân có tinh dầu thơm. Mùa hoa quả tháng 10-11	Phân bố ở các bãi hoang, ven đường đi ở vườn quốc gia Yok Đôn	


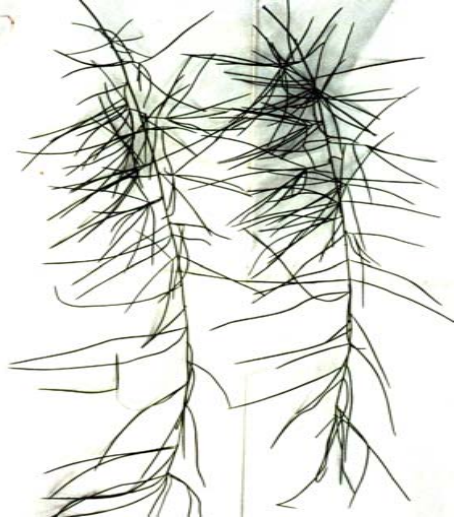
Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT105	Đa đa Cốc cộn tha Harrisonia perforata (Bl.) Merr. Họ khổ sâm : Simaroubaceae Bộ cam quýt : Rutaceae	Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi. Thân có nhiều gai, có mùi thơm, cao 1-2m, vỏ màu trắng. Lá kép mọc cách, mang 6 đôi lá chét. Lá chét hình trái xoan, đầu lá có mũi, mép có răng cưa, vò lá có mùi thơm hắc, men cuống lá có cánh.	Phân bố rải rác trong rừng nửa rụng lá, rừng thưa cây lá rộng rụng lá hay các trảng cây bụi của vườn quốc gia Yok Đôn.	
CT106	Bách bệnh Tơm xen Eurycoma longifolia W.Jack. Họ khổ sâm: Simaroubaceae Bộ Cam quýt : Rutales	Cây gỗ, cao 2-8m, Lá ngắn hơn cụm hoa, mang 11-17 đôi lá chét, không cuống, mọc đối hay mọc cách, hình bầu dục hay thuôn, gốc gần nhọn, tròn hay lõm. Hoa tạp tính, xếp thành chùy rộng gần ở ngọn, màu vàng. Đài có tuyến ở mặt ngoài, chia làm 5 thùy, hình tam giác. Cánh hoa 5. Quả hạch, màu đỏ, có cuống ngắn, mũi cong.	Cây mọc trên núi Yok Đôn, trong rừng kín thường xanh hay nửa rụng lá.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT107	<p>Dung lá trà Cốc mướt khậu <i>Symplocos cochinchinensis</i> (Lour.) More. Họ dung: Symplocaceae Bộ Chè: Theales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ hay bụi, vỏ xám nâu, không nứt. Lá có phiến bầu dục hay thon, đầu và đuôi lá tù, dài 7-10cm, rộng 3-4cm, dày, cứng cứng, mép lá có răng hay nguyên, gân bên 5-7 cặp. Hoa dạng bông, dài 9-10cm, cánh hoa vàng lợt hay trắng, thơm, nhị nhiều trắng (25-50). Quả tròn đường kính 6mm.</p>	Cây mọc rải rác trong rừng khộp của vườn quốc gia.	
CT108	<p>Thao kén đực Cốc Pịt cây đằm <i>Helicteres angustifolia</i> L. Họ trôm : <i>Sterculiaceae</i> Bộ bông : <i>Malvales</i></p>	<p>Cây bụi cao 1m, nhánh hình trụ, mảnh, phủ lông hình sao, thân có sợi bóc thành mảng nhỏ. Lá đơn, hình giáo hẹp hay giải thuôn, mặt trên nhẵn, mặt dưới phủ lông hình sao, , lá kèm hình mũi dùi, dễ rụng. Cụm hoa hình xim, mọc ở nách lá gồm nhiều cuống ngắn, mang ít hoa màu đỏ hay tím. Quả mang hình trứng, hạt màu nâu,</p>	Cây mọc rải rác trong rừng nửa rụng lá hay ven suối Đắc Tôl của vườn quốc gia Yok Đôn.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT109	Dó tròn Cốc po pít <i>Helicteres isora</i> L. Họ trôm : <i>Sterculiaceae</i> Bộ bông : <i>Malvales</i>	Cây bụi, cao 2-4,5m vỏ có nhiều xơ sợi Lá có phiến xoan rộng tròn dài, đáy lá tròn có khi bất xứng, đầu lá thường phân thùy, mép lá có răng nhọn, lá kèm như kim. Cụm hoa dạng tụ tán, có 2-3 hoa, đài hoa 1,2cm, cánh hoa xanh rồi đỏ, dài 3-4cm, nhị 10. Trái vắn xoắn dài 3-4cm, hạt 2mm.	Mọc rải rác ở rừng khộp, ven suối ẩm, rừng bán thường xanh	
CT110	Dó thon Cốc po Pít cái <i>Helicteres lanceolata</i> DC. Họ trôm : <i>Sterculiaceae</i> Bộ bông : <i>Malvales</i>	Cây bụi nhỏ, cao 0,5 - 3m, nhánh zig zắc, thân có lông hình sao. Lá có phiến thon dài, 2 mặt lá có lông hình sao, 3 gân gốc nổi rõ, lá dài 6-10cm, rộng 1-2cm, lá kèm dạng kim nhọn. Hoa dạng chùm, hoa vàng đài trắng, quả nang xoan dài 1,5- 2,5cm, có lông hình sao bao phủ.	Cây mọc hoang trong rừng khô thưa hay rừng chuyển tiếp.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT111	<p>Cò ke cuống dài</p> <p>Tơm đong hăn, cốc xám khí</p> <p><i>Grewia</i> sp.</p> <p>Họ đay : Tiliaceae</p> <p>Bộ bông : <i>Malvales</i></p>	<p>Cây bụi nhỏ, cao 1m, cành màu xám nâu, không lông, gốc rễ có mùi thơm.</p> <p>Lá hình trứng, đầu lá nhọn dần, gốc lá tròn hay hình tim, kích thước lá dài 8-10cm, rộng 5-6cm, có 3 gân gốc nổi rõ, mép lá có răng cưa thô. Mặt trên và mặt dưới lá có lông hình sao thô ráp. Cuống lá dài 3-5cm</p>	<p>Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, ven đường đi.</p>	
CT112	<p>Vác</p> <p>Khưa hun, tơm tao dok ngol</p> <p><i>Cayratia trifolia</i> (L.) Domino</p> <p>Họ nho : Vitaceae</p> <p>Bộ táo ta : Rhamnales</p>	<p>Cây leo hoặc bò dài, thân non màu đỏ tía. Cành mảnh, có khía, cong queo.</p> <p>Lá kép có 3 lá chét hình trái xoan rộng, lá chét giữa lớn hơn. Cụm hoa thành ngù Đài hình trứng, nhỏ hơn tràng, cánh hoa 4, có chấm ở ngọn, màu xanh. Quả màu đen, nhăn, hình đầu, dẹt ở góc, 3-4 hạt hoa góc, nhăn nheo.</p>	<p>Cây mọc ven sông Sê Rê Pốk của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT113	<p>Bình linh, nạng Pa đồng liềm <i>Vitex sumatrana</i> var. <i>urceolata</i> King et Gamble Họ cỏ roi ngựa: <i>Verbenaceae</i> Bộ hoa môi : <i>Lamiales</i></p>	<p>Cây gỗ trung bình, cành non hình vuông và gần như không có lông. Lá kép mang 3-5 lá chét, cuống lá vuông. Lá chét hình trái xoan ngược, Hoa nhiều hợp thành chùy ở ngọn cành, Hoa màu tím. Đài hình chuông, có lông và có tuyến, xẻ 5 răng ngắn. Tròng có lông mặt ngoài trừ gốc, môi trên chia 2 thùy, môi dưới 3 thùy. Quả hạch hình cầu,</p>	<p>Cây mọc rải rác trong rừng kín lá rộng thường xanh hay trong rừng nửa rụng lá của vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT114	<p>Lỗi thọ Cốc sắc khị cay, tơm Bra xuất. <i>Gmelina arborea</i> Roxb Họ cỏ roi ngựa: <i>Verbenaceae</i> Bộ hoa môi : <i>Lamiales</i></p>	<p>Cây gỗ lớn cao đến 18m, cành và lá non phủ nhiều lông hình sao. Lá có phiến xoan thon, dài 12- 15cm, gốc lá thường hình tim, cuống lá dài 8-10cm. Chùm tụ tán phủ đầy lông hoe vàng, cao 30cm, hoa màu vàng. Quả hạch, có lông hung vàng, to cỡ 2cm.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng bán thường xanh ven suối hay rừng chuyển tiếp của rừng khộp ở vườn quốc gia Yok đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT115	<p>Cương Bắc bộ</p> <p>Cốc nọ cam pao, tôm xách</p> <p><i>Scleria tonkinensis</i> C. B. Cl.</p> <p>Họ cói : Cyperaceae</p> <p>Bộ Hòa thảo : Poales</p>	<p>Cỏ cao 60 - 70cm, thân hình tam giác có cạnh bện. Phiến lá dài hẹp 30 - 40cm x 0,5-1cm, lá có màu xanh đậm, gân chính nổi rõ, mép cạnh sắc.</p> <p>Trục phát hoa cao 20-30cm, mang phát hoa có lông trắng nhỏ thưa với gié hoa ngắn. Quả bế trắng, láng tròn như hạt cườm, đường kính 2mm.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp, vườn quốc gia.</p>	
CT116	<p>Tóc tiên, thiên môn đông</p> <p>Cốc xi xạn, tôm nam phan</p> <p><i>Asparagus cochinchinensis</i></p> <p>(Lour.) Merr.</p> <p>Họ hành : Liliaceae</p> <p>Bộ hành : Liliales</p>	<p>Dây leo, phân nhánh rất nhiều, thân xanh bóng, nhẵn, có gai. Các cành nhỏ, mảnh, có rãnh, lá hình kim, .</p> <p>Cụm hoa gồm nhiều hoa, đa tính, màu trắng, xếp 1-2 cái, ít khi 3, mọc ở nách lá. Hoa đực và hoa cái đều có bao hoa. Quả mọng màu trắng, hình cầu, có hạt tròn, đen, ra hoa vào mùa hè.</p>	<p>Cây mọc hoang dại dưới tán rừng rụng lá trong vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT117	<p>Len đen Tơm nglê <i>Oxytenanthera nigro-ciliata</i> <i>Munro</i> Họ hòa thảo : <i>Poaceae</i> Bộ hòa thảo : <i>Poales</i></p>	<p>Tre nhỏ, mọc thành bụi, cao 8-10m, có lông dài 15-35cm, bẹ lá ở thân nhiều lông. trên thân có vết sọc trắng. Lá hình thon dài, đầu nhọn, đuôi tròn, dài 12-20cm, lá ráp, mép lá sắc. Hoa chùm tự tán, một cành mang nhiều bông.</p>	<p>phân bố dọc ven suối Đăk Klau, Đăk Tol nhiều nơi mọc thành những đám rừng thuần loài trong vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT118	<p>Cỏ tranh Tơm Jia, cốc nhạ kha <i>Imperata cylindrica</i> L Họ hòa thảo : <i>Poaceae</i> Bộ hòa thảo : <i>Poales</i></p>	<p>Cây cỏ sống lâu năm, rễ mọc khoẻ, cứng, dài. Thân cao 0,6-1,2m, thẳng đứng, nhẵn, đốt thân có lông mềm. Lá mọc thẳng đứng, hình dải, phiến hẹp, gân chính nổi rõ. Cụm hoa hình bông màu trắng, quả thóc có lông ở đỉnh</p>	<p>Phân bố hầu khắp trong rừng khộp, bãi hoang...</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT119	<p>Kim cang Cốc khương nội <i>Smilax verticalis</i> Gagnep Họ khúc khắc : <i>Smilacaceae</i> Bộ hành : <i>Liliales</i></p>	<p>Dây leo đứng, cao 20-40cm, có gai mảnh, hình gấp khúc. Lá hình tròn dài, đầu có mũi nhọn. Dài 10-13cm, rộng 3-7 cm. Cụm hoa tán, đôn độc mọc ở nách lá hoặc trên cọng dài 1,2cm, có lá hoa ở trên, cánh hoa dài 4-5mm, hẹp hơn lá dài, nhị có chỉ nhị cao 3mm.</p>	<p>Ra hoa tháng 8, phân bố rải rác dưới tán rừng rụng lá trong vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	
CT120	<p>Địa liên Cốc tạt mạp, tơm ajô <i>Kaempferia galanga</i> L. Họ gừng : <i>Zingiberaceae</i> Bộ hành : <i>Liliales</i></p>	<p>Cây thảo mọc sát đất, không có thân, có củ mang 2-3 lá, nằm dưới đất. Lá gần tròn, mặt trên nhẵn, mặt dưới hơi có lông, mép lá mỏng, phiến dài 10cm, rộng 7 cm. Cụm hoa không cuống, nằm ẩn trong bẹ lá, Hoa xếp 6-12 cái một thành bánh xe, màu trắng có đốm tím ở giữa. đài có 3 răng, cánh môi chẻ đôi thành 2 thùy hình trái xoan ngược.</p>	<p>Cây phân bố rải rác dưới tán rừng rụng lá, rừng lá rộng nửa rụng lá vườn quốc gia Yok Đôn.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT121	Cẩm liên Cốc hăng Shorea siamensis Họ Dipterocarpaceae Bộ Chè : Theales	Dầu: Cây gỗ lớn, vỏ nâu xám, nứt dọc sâu. Lá đơn mọc cách, có lá kèm dạng hình tim. Cụm hoa dạng chùm, hoa mẫu 5. Quả hình trứng có 5 cánh, 3 cánh dài, 2 cánh ngắn.	Phân bố trong rừng khộp.	
CT122	Dầu đồng Cốc Cung Dipterocarpus tuberculatus Họ Dipterocarpaceae Bộ Chè : Theales	Dầu: Cây gỗ lớn, rụng lá, tán xòe, vỏ màu nâu xám Lá đơn mọc cách, phiến lá rất to hình trái xoan hay hình trứng dài 20 - 50cm, rộng 18 - 34cm. Lá kèm màu đỏ. Hoa màu đỏ tía, hoa không cuống. Quả hình cầu hay hình trứng có hai cánh dài	Cây ưa sáng mọc trong rừng khộp.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT123	Ngoại mộc Cốc hạt pây xám <i>Allophylus fuscus</i> Radlk Họ Nhãn: Sapindaceae Bộ Bồ hòn : Sapindales.	Cây bụi nhỏ vỏ màu xám, nhánh có lông ngắn. Lá kép có 3 lá chét hình trái xoan dài, mép lá có răng cưa. Cụm hoa chùm ở nách lá. Quả hạch tròn	Phân bố rải rác trong rừng rụng lá dưới tán cây gỗ ven suối	
CT124	Nhân rừng, Cốc mạc kho, tơm Mờ no <i>Schleichera oleosa</i> (Lour) Oken. Họ Bồ hòn: Sapindaceae Bộ Bồ hòn: Sapindales.	Cây gỗ lớn, thường xanh. Vỏ màu xám trắng, nứt thành mảnh nhỏ, thịt vỏ màu trắng. Lá kép lông chim chẵn 1 lần mang 3 - 4 đôi lá chét,. Lá phụ hình bầu dục, mọc đối, Hoa mọc chùm bởi các bông mọc trên nách lá của cành già. Hoa tạp tính, màu vàng. Quả hạch, cứng tròn, màu xanh.	Phân bố rải rác trong rừng lá rộng nửa rụng lá, ven suối.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT125	Thủy lệ Cốc Phác ca điền <i>Hydrolea zeilanica</i> (L.) Vahl. Họ Thủy lệ : Hydrophyllaceae Bộ hoamôm sói: Scrophulariales	Cỏ 1 năm, thân đứng hay nằm, tròn màu xanh nhạt dài 0.5 - 1m mọc trong nước. Lá mọc cách, phiến thon hẹp, không lông, cuống dài 1 -2mm, không có lá kèm, Hoa nhỏ mẫu 5 màu lam đẹp, nhị 5 gắn trên ống tràng, quả nang 4 - 5mm.	Phân bố ven bờ ruộng hay mọc nơi ẩm dưới nước trong rừng khộp.	
CT126	Gai kim dày Cốc hoa ngu, tằm pười bấp <i>Barleria strigosav</i> Will Họ ô rô : Acanthaceae Bộ hoa môm sói: Scrophulariales	Cây thân thảo, cao 0.5 -1m. Thân cứng có lông nhám. Lá đơn mọc đối hình trái xoan, đầu lá có hình mũi nhọn, đuôi hình nêm. Hoa mọc thành bó như mào gà ở nách lá có hoa phụ.	Cây phân bố dưới tán rừng rụng lá hay ven suối Đăk K Lau.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT127	<p>Dúi nhám</p> <p>Tơm Kót, cốc sấm pho</p> <p><i>Streblus asper</i> Lour.</p> <p>Họ Dâu tằm: Moraceae</p> <p>Bộ Du : Urticales.</p>	<p>Cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ, thân cong queo, vỏ màu xám, nhiều xơ có nhựa mủ trắng, cành non phủ nhiều lông. Lá đơn mọc cách, phiến lá cứng, nhám hai mặt, bìa có răng xanh đậm. Lá kèm hình tam giác. hoa đơn tính khác gốc. Quả mọng hình cầu màu vàng.</p>	<p>Phân bố trong rừng thưa hay ven suối.</p>	
CT128	<p>Ngái</p> <p>Cốc Đưa bon, tơm thuật thôn</p> <p><i>Ficus hispida</i> L.f</p> <p>Họ Dâu tằm : Moraceae</p> <p>Bộ Gai : Urticales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ, vỏ màu xám, vạc vỏ có mủ trắng.</p> <p>Lá đơn mọc đối có lá kèm, lá hình bầu dục hai mặt lá nhám.</p> <p>Quả dạng sung khi chín màu vàng, đường kính cỡ 1cm</p>	<p>Phân bố rải rác ven suối, sông</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT129	Bời lời nhứt Tơm Bôn, cốc My <i>Litsea glutinosa</i> Roxb. Họ Long não : Lauraceae Bộ Long não: Laurales	Cây gỗ nhỏ, vỏ có nhựa dính, cành non xanh. Lá đơn mọc cách hình trái xoan, vỏ lá có mùi thơm Hoa đơn tính , quả mập hình cầu khi chín tím đen	Phân bố rải rác ven sông suối, rừng bán thường xanh hay thường xanh trên núi Yok Dôn	
CT130	Chân danh Cốc sấm khoai, Tơm Rvắc quăn <i>Euonymus</i> sp. Họ Chân danh: Celastraceae Bộ Chân danh : Celastrales	Cây gỗ nhỏ cao 7-8m, nhánh non hơi vuông, có màu xanh nhạt. Lá đơn mọc đối không có lá kèm, phiến lá hình trái xoan hay hình trứng, đầu và đuôi lá gần tròn, dài 10 - 15cm, rộng 5 - 8mm, có 5 - 6 đôi gân bên . Cụm hoa dạng chùm.	Phân bố: rải rác trong rừng khộp nơi ẩm hoặc rừng bán thường xanh, ven sông suối.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT131	Quau núi Tơm rơ lay <i>Stereospermum cylindricum</i> Pierrei Họ Đỉnh : Bignoniaceae Bộ hoa mõm sói: Scrophulariales.	Cây gỗ trung bình, rụng lá mùa khô, cao 12 - 16m. Thân tròn, tán rộng, phân cành nhiều, vỏ thân có màu xám trắng, hơi xốp. Lá kép lông chim lẻ mọc đối dài 20 - 30cm. Lá chét hình trứng, có mũi ngắn. Hoa mọc cụm hình chùy màu tím trắng.	Cây ưa sáng, phân bố trong rừng rụng lá.	
CT132	Gòn rừng Tơm Blang, cốc nhụ pa <i>Bombax anceps</i> Họ Gòn gạo : Bombacaceae Bộ Bông : Malvales	Cây gỗ trung bình hoặc nhỏ, rụng lá mùa khô. Thân thẳng có gai, vỏ thân màu xám nhạt có nhiều gai và vết sẹo do gai rụng. Lá kép chân vịt, cuống dài 10 - 15cm, mang 4 - 7 lá chét. Hoa mọc cụm màu trắng. Quả nang hình bầu dục dài 10 cm, nhiều hạt, sợi bông ngắn màu trắng.	Cây ưa sáng phân bố rải rác trong rừng rụng lá.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT133	<p>Móng bò đỏ Tơm Văn xê quăn Bauhinia sp. Họ Vang : Caesalpiniaceae Bộ đậu: Fabales</p>	<p>Cây bụi thấp, ít phân cành, vỏ có nhiều sợi dai. Lá hình móng bò xanh nhạt Hoa tập trung đầu cành, màu đỏ, nhỏ, quả đậu</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp, những nơi núi cao</p>	
CT134	<p>Tên phổ thông: Móng bò trắng Tơm Văn Xrê me Bauhinia lakonensis Gagn. Họ Vang : Caesalpiniaceae Bộ đậu: Fabales</p>	<p>Cây gỗ nhỏ hay dây leo Lá có dạng móng bò, gân phụ từ đáy 5-7 hoa mọc thành chùm ở đầu cành, màu trắng. Quả đậu</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng chuyển tiếp, nơi ẩm trong rừng khộp.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT135	Cà te Cốc Rte <i>Azelia xylocarpa</i> Craib. Họ Vang: Caesalpiniaceae Bộ đậu: Fabales	Cây gỗ lớn, vỏ màu xám trắng, gỗ nâu vàng. Lá kép có 3-5 cặp lá chét, lá kèm nhỏ. Cụm hoa xim viên chùy, hoa có 1 cánh hoa màu hường. Quả đậu lớn, hạt nâu đen cứng	Phân bố rải rác trong rừng bán thường xanh, ven suối hoặc núi cao ở Yok Đôn	
CT136	Muồng hoàng yến Cộc kin khun <i>Cassia fistula</i> L. Họ Vang: Caesalpiniaceae Bộ Đậu : Fabales.	Cây gỗ thường xanh hay rụng lá. Lá kép lông chim một lần chẵn, mọc đối mang 3 - 8 đôi lá chét, hình bầu dục. Lá kèm nhỏ sớm rụng. Cụm hoa chùm ra nhiều ở nách thưa, thẳng thống xuống, lá bắc dài sớm rụng. Hạt hình bầu dục dẹt nâu bóng.	Cây phân bố rừng thưa hay rừng nửa rụng lá.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT137	Thành ngạnh Tơm Rơ ngen <i>Cratoxylon prunifolium</i> Dyer Họ Thành ngạnh: Hypericaceae Bộ chè : Theales	Cây gỗ nhỏ. Thân có nhựa mủ màu nâu đen, cành non có màu hồng. Lá đơn mọc gần đối, lá non có màu đỏ, hình trái xoan. Hoa chùm ở nách lá, có lông, cánh hoa màu đỏ. Quả nang, hạt có cánh.	Phân bố trong rừng khộp, rừng chuyển tiếp	
CT138	Ngọc nữ trắng Tơm Ngườp <i>Clerodendrum sp.</i> Họ Téch: Verbenaceae Họ hoa môi: Lamiaceae	Bụi cao 1,3m, cành có 4 cạnh tròn, có lông mịn, phiến lá thon tròn dài, mép có răng thưa, cặn, mặt lá nhám. Chùm tụ tán dài 10 - 20cm, có lá hoa như lá hoa trắng, đài xanh. Quả hạch, được bao bọc bởi đài.	Phân bố rải rác nơi ẩm trong rừng thưa.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT139	<p>Sổ xoan Cốc mạc sắn (mục sắn) <i>Dillenia ovata</i> Wall. Họ sổ : Dilleniaceae Bộ Sổ : Dilleniales.</p>	<p>Cây gỗ nhỏ hoặc trung bình, vỏ màu xám nâu không nứt. Lá đơn mọc cách, hình trái xoan, mép lá có răng cưa, cuống có lông dày. Hoa lưỡng tính màu vàng, quả mập hình cầu</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng thưa cây họ Dầu</p>	
CT140	<p>Lài rừng Cốc Đam đen <i>Jasminum</i> sp. Họ Nhài : Oleaceae Bộ Nhài: Oleales</p>	<p>Cây bụi nhỏ, cành non vuông cạnh, lá đơn mọc đối, không có lá kèm. Lá hình trái xoan hay hình trứng, đầu có hình mũi nhọn, gốc lá tù hay gần tròn, kích thước 6- 12cm x 4 -6 cm.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT141	<p>Sóng rấn Tôm Xer, cốc fát xí <i>Albizia procera</i> (Roxb.) Benth. Họ Trinh nữ : Mimosaceae Bộ Đậu: Fabales</p>	<p>Cây gỗ cao 10 - 25m. Vỏ dày màu trắng xám hay màu xám nhạt, Lá kép lông chim 2 lần, mọc cách mang 6 - 12 đôi lá chét hình bầu dục, gốc lệch, gân chính lệch về một bên của mép lá. Cụm hoa hình chùy dài 20cm. Hoa lưỡng tính màu trắng không cuống. Quả đậu mỏng, hạt hình tròn hay bầu dục màu nâu vàng cứng, bóng.</p>	<p>Cây ưa sáng. Phân bố rải rác trong rừng rụng lá. có khả năng chịu hạn, lửa, nẩy chồi khỏe. Mùa quả tháng 1 - 2.</p>	
CT142	<p>Bànm bàmtuyến Cốc Kpăk lai mơn <i>Entada glandulosa</i> Pierre Họ Trinh nữ : Mimosaceae Bộ Đậu: Fabales</p>	<p>Dây leo hóa gỗ. Lá kép lông chim 2 lần chẵn gồm nhiều lá chét nhỏ. đầu lá có tuyến. Hoa mọc thành từng bông ở nách lá, màu trắng. Quả đậu gồm nhiều đốt, hạt hình cầu dẹt, đường kính 1,5cm.</p>	<p>Cây phân bố ở lùm bụi thấp, ven rừng, nơi ẩm rừng khộp hay bán trường xanh.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT143	Dành dành lá lớn Tơm Ngót <i>Gardenia sp.</i> Họ Cà phê : Rubiaceae Bộ Long đởm: Gentianales	Cây gỗ nhỏ hay cây bụi, cành già màu xanh lục. Lá có phiến xoan tròn, đầu có hình mũi nhọn dài 10- 20cm, rộng 5 - 7cm, gân phụ 10- 15 cặp, lá láng, có lá kèm nhỏ.	Phân bố trên một số sườn đồi, ven suối, hơi ẩm.	
CT144	Ruột gà Cốc nam có <i>Borreria alata D.C</i> Họ Cà phê: Rubiaceae Bộ Long đởm: Gentianales	Cây thân thảo, mềm, bò rồi đứng cao đến 60cm. Thân 4 cạnh, lá có phiến xoan ngược hay bầu dục lớn 2 - 7x 1.5 - 2.5 cm. Lông thưa ở 2 mặt Gân phụ 6 cặp. Hoa dạng chùm, màu trắng. quả nang nhỏ 2 - 3mm.	Phân bố rải rác trong rừng khộp.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT145	Nhàu lông Cốc Xổm cộp Morinda tomentosa Heyn Họ Cà phê: Rubiaceae Bộ Long đởm: Gentianales	Cây gỗ nhỏ, có lông, lá đơn mọc đối có lá kèm, lá lớn phiến dài 10-20cm, 2 mặt lá có lông mịn. Hoa hình đầu ở nách lá, có màu trắng. Quả kép gồm nhiều quả, quả nhân cứng.	Phân bố rải rác trong rừng khộp.	
CT146	Mã rạn Cốc Gua lin Macaranga sp. Họ Thầu dầu: Euphorbiaceae Bộ thầu dầu: Euphorbiales	Cây bụi nhỏ cành nhánh nhẵn Lá đơn mọc cách, lá hình trái xoan, cuống lá dài 2-3cm, có 5-6 cặp gân bên, quả nang	Phân bố rải rác ven suối, trong rừng chuyển tiếp.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT147	Phèn đen lá lớn Pa đông phay Phyllanthus sp. Họ Thầu dầu : Euphorbiaceae Bộ thầu dầu: Euphorbiales	Cây cao 50 - 110cm, dây bụi. Thân ít phân cành, Lá đơn mọc cách trông giống lá kép, phiến lá hình trái xoan dài, đầu và đuôi lá hình gân tròn.	Phân bố rải rác trong rừng khộp, ven đường, ven suối	
CT148	Kim tiền thảo, đồng tiền Tên địa phương: chưa rõ Desmodium styracifolium(Osb.) Merr. Họ Đậu : Fabaceae Bộ đậu: Fabales	Thân cỏ, cao 30- 50cm, mọc bò, ngọn non dẹt và có phủ lông tơ, màu trắng. Lá mọc so le, gồm 1 hay 3 lá chét tròn, mặt dưới có lông trắng bạc. hoa chùm ngắn ở nách lá, hoa màu tía, quả đậu nhỏ	Phân bố rải rác trên các bờ ruộng, nơi ẩm trong rừng khộp của Vườn	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT149	Chàm nhám Cốc cua ma càng, Tôm sấp pắc xê Indigofera squalida Prain Họ Đậu : Fabaceae	Cây thân thảo sống nhiều năm nhờ có rễ củ, thân không phân nhánh, có lông màu xám. Lá dài 3 - 6cm, thon ngược, có lông nhám ở 2 mặt, lá kèm 1mm, sớm rụng, chùm hoa ngắn, hoa dày có cánh đỏ, cao 4mm, đài có lông, cánh cờ thon nhọn, trái hình trụ, có lông vành dài 1cm, hạt 4 -5 mm hình tròn.	Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, nơi ẩm	
CT150	Trắc lá Cốc pa đông lược Dalbergia rimosa var. foliacea Họ Đậu : Fabaceae Bộ Đậu : Fabales.	Cây thân gỗ mọc đứng hay leo, cành non có lông màu xám nâu sau nhẵn, thân có nhiều bì khổng màu nâu. Lá kép lông chim lẻ, mọc cách, mang 7 - 13 lá chét hình trái xoan màu nâu. Hoa mọc thành chùm ở nách lá có lông màu xám. Quả hình trái xoan.	Cây mọc rải rác dưới tán rừng lá rộng thường xanh hay ven suối.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT151	Cắm lai vú Cốc pa đơng đen Dalbergia mammosa Pierre Họ Đậu : Fabaceae Bộ Đậu: Fabales	Cây gỗ nhỏ, vỏ có mùi sắn dây Lá kép lẻ có từ 9-13 lá chét, lá chét hình trái xoan đầu có mũi lõ Cụm hoa xim 2 ngã, hoa trắng xanh. Quả đậu dẹt có 1-2 hạt	Phân bố rải rác ven sông Sêrê Pôk	
CT152	Đồng tiền lông Cốc ling nhây Desmodium blandum Meuwen. Họ Đậu: Fabaceae	Cây thân cỏ, cao 30-60cm, đứng, nhánh tròn, thân, lá có lông dày mịn như nhung. Lá phụ dày, mặt trên có lông màu đậm chổi, mặt dưới như nhung vàng vàng. Phát hoa 30-50cm đứng, có lá hoa do 2 phiến tròn cỡ 1 cm. trái có 4 đốt.	Phân bố rải rác trong hầu khắp vùng rừng khộp.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT153	<p>Đoản kiếm áo</p> <p>Kết lin tô phụ</p> <p><i>Tephrosia vestica</i> Vogel.</p> <p>Họ Đậu : Fabaceae</p> <p>Bộ Đậu: Fabales.</p>	<p>Cây thân thảo cao 50 - 70cm. Thân có 5 -7 cạnh, có lông vàng. Lá chét 11 tròn dài 4 -6 cm, mặt dưới có lông mịn như nhung, gân bên sát nhau. Hoa chùm tụ tán, hoa 1 - 3 ở mỗi mắt, cánh hoa màu trắng, quả đậu dài 7 - 9cm, rộng 5 -6 mm</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng ven đường đi.</p>	
CT154	<p>Cam thảo dây</p> <p>Cốc kham khưa</p> <p><i>Abrus</i> sp.</p> <p>Họ Đậu : Fabaceae</p> <p>Bộ Đậu: Fabales</p>	<p>Dây leo, phần gốc sống nhiều năm, cành non có lông nhỏ, lá kép lông chim chẵn, nọc so le. Hoa màu hồng tím, mọc thành chùm ở kẽ lá, quả đậu dẹt có 3-7 hạt hình trứng tròn.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp.</p>	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT155	Kiết thảo Két lin tô me <i>Christia obcordata</i> (Poir.) Bakh Họ Đậu : Fabaceae Bộ Đậu: Fabales	Cỏ bò, thân đứng mảnh, có lông mịn, lá do 3 lá chét, lá chét trên đầu hình thận hay tim ngược, có lông mịn. Cụm hoa chùm thưa, trái 3 - 4 đốt tròn.	Phân bố rải rác trong rừng khộp, ven suối.	
CT156	Mân mây Cốc phát ven <i>Suregada glomerulata</i> (Blume) Baill Họ Thầu dầu: Euphorbiaceae Bộ Thầu dầu: Euphorbiales.	Cây gỗ nhỏ, Trên cành có nhiều vết sẹo do lá kèm để lại. Lá đơn mọc cách, hình bầu dục, lá xanh bóng, dày, cứng, không có lông. lá kèm 1mm, có tuyến Hoa đơn tính khác gốc, cụm hoa mọc đối diện với lá, hoa không cánh, quả nang tròn, chín có màu vàng.	Phân bố rải rác ven sông Sêrêpôk của Vườn quốc gia YokDon.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT157	Hồng bì Cốc sâm nghin Clausena excavata Burm. Họ cam quýt: Rutaceae Bộ Cam : Rutales	Cây bụi thấp, cao 1m toàn thân có mùi thơm. Lá kép le, phiến lá hình xoan gân lá lệch, đầu và gốc lá nhọn. Quả hạch có mùi thơm	Mọc rải rác dưới tán rừng thưa	
CT158	Dó miết xoan Cốc sặt niêu, cốc hạt điều Wikstroemia androsaemifolia Họ Trâm: Thymeleaceae Bộ : Thymelaeales	Cây bụi cao 1-2m, vỏ màu nâu đen, nhiều xơ sợi. Lá đơn mọc đối đến gần đối, không lá kèm, phiến lá hình trái xoan hay hình trứng, đầu hơi nhọn, gốc lá tù hay tròn, gân lá nổi rõ. Hoa dạng chùm, quả nhân cứng 1 hạt.	Phân bố rải rác trong rừng khộp và rừng bán thường xanh.	



Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT159	<p>Chung bầu bụi Cốc mược eo Combretum sp. Họ Bàng : Combretaceae Bộ Sim: Myrtales</p>	<p>Cây bụi thấp nhánh hơi vuông cạnh, không lông. Lá đơn mọc đối, hình trái xoan, đầu lá có mũi nhọn, gốc lá hình nêm, kích thước lá 8x4cm, có 7-8 đôi gân bên. Mặt trên lá xanh thẫm, mặt dưới xanh nhạt.</p>	<p>Phân bố rải rác ven đường đi, trong rừng khộp thuộc vườn QG Yok Đôn.</p>	
CT160	<p>Bụp lá nhám Tơm tí phan Hibicus asperifolius Gagn. Họ Bông : Malvaceae Bộ Bông : Malvales</p>	<p>Cây bụi nhỏ, màu nâu đen, rụng lá, cành non có lông hình khiên và màu xanh. Lá dạng hình tim phân thùy đầu lá nhọn đáy hơi tù . Hoa đơn độc ở nách lá màu vàng, có đài phụ. Quả nang tròn khi chín nứt thành 5 mảnh,</p>	<p>Cây mọc rải rác trong rừng thưa rụng lá.</p>	


Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT161	<p>Tra dại</p> <p>Tên địa phương: chưa rõ</p> <p><i>Thespesia lampas</i> (cav.) Dalz</p> <p>Họ Bông : Malvaceae</p> <p>Bộ Bông: Malveles.</p>	<p>Cây bụi thân thảo phần gốc có rễ phù mạp, vỏ có nhiều sợi dai. Lá đơn mọc cách, hình tim xẻ 3 thùy phủ đầy lông nhám. Hoa tự tán ở nách lá màu vàng. Quả nang chín nứt thành 5 mảnh.</p>	Cây mọc rải rác trong rừng rụng lá.	
CT162	<p>Sâm Bồ chính</p> <p>Cốc Sâm</p> <p><i>Hibiscus sagitifolius</i> Kurz.</p> <p>Họ Bông Malvaceae</p> <p>Bộ Bông: Malveles</p>	<p>Cây thân cỏ cao đến 50cm, thường mọc bò trên mặt đất, cành và lá có nhiều lông. Rễ phát triển thành củ phù mạp.</p> <p>Lá đơn mọc cách, phiến lá hình mũi tên hay xoan tròn, 2 mặt lá nhám.</p> <p>Hoa mọc lẻ lớn màu hồng hay đỏ. Quả nang khi khô nứt thành mảnh, hạt tròn.</p>	Cây phân bố rải rác trong rừng khộp nơi ẩm hay ven suối.	

Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT163	<p>Củ mài</p> <p>Khưa manta, tôm pum ri</p> <p><i>Dioscorea persimilis</i> Prain</p> <p>Họ củ nâu: Dioscoreaceae</p> <p>Bộ củ nâu: Dioscoreales</p>	<p>Dây leo thân thảo khi non vuông cạnh, có phần rễ củ lớn, lá đơn mọc đối hay gần đối, có 3 gân gốc</p> <p>Hoa dạng chùm kép, mẫu 3, quả nang 3 cạnh hạt có cánh mỏng</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng khộp, rừng chuyển tiếp, nơi ẩm</p>	
CT164	<p>Củ nưa</p> <p>Cốc Kơ bút</p> <p><i>Pseudodracontium unomalum</i> N.E.Br</p> <p>Họ Ráy: Araceae</p> <p>Bộ Ráy : Araless.</p>	<p>Cây có thân củ tròn, bẹ, lá chia thành 3 nhánh, các nhánh phân đôi, phiến lá xẻ thùy dạng lông chim, màu lục sẫm có vết đốm. Cụm hoa có mo hình trái xoan rộng màu vàng. Quả mọng.</p>	<p>Cây mọc hoang ven suối, rải rác trong rừng khộp, nơi ẩm</p>	

Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT165	<p>Mía dò Cốc ưỡng <i>Costus speciosus</i> (K.) Smith Họ gừng : Zingiberaceae Bộ Gừng: Zingiberales</p>	<p>Cây thân cỏ, mọc thẳng, có khi phân cành. Lá có bẹ, mọc so le, lúc non xếp thành hình xoắn ốc, có lông. Cụm hoa hình bông, mọc ở ngọn thân, cánh trắng, lá bắc màu đỏ, quả nang</p>	Phân bố rải rác dưới tán rừng khộp, nơi ẩm	
CT166	<p>Cỏ gấu, cỏ cú Cốcnhạ hep mu, tơm Kê pe <i>Cyperus rotundus</i> L. Họ cói : Cyperaceae Bộ cói : Cyperales</p>	<p>Cỏ sống lâu năm nhờ phần thân rễ ngầm dạng củ. Lá nhỏ hẹp, dài một gân, có bẹ lá. Hoa mọc thành hình tán ở ngọn thân. Toàn cây có mùi thơm</p>	Phân bố rải rác hầu khắp trong vườn QG	

Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT167	<p>Lan Đoản kiếm Cốc đăm phi Cleisostoma duplicilopium Garay Họ Lan : Orchidaceae Bộ Hành : Liliales.</p>	<p>Phong lan, mọc thành bụi, phiến lá hình dải dài 60 - 75cm, đầu lá chia thành 2 thùy tròn, không đều nhau, bẹ màu vàng. Cụm hoa chùm dài, hoa màu đỏ nâu có đốm trắng hồng. Quả nang.</p>	<p>Phân bố trong rừng rụng lá, nửa rụng lá.</p>	
CT168	<p>Kim cang lớn Tơ nam dong Smilax china L. Họ Kim cang : Smilacaceae Bộ Hành : Liliales.</p>	<p>Dây leo thân có gai nhọn. dây dài 6-7m, có phần rễ củ phù mập. Lá lớn có 3-5 gân gốc nổi rõ, lá mọc so le, có phân tua cuốn. Hoa dạng tán ở nách lá, quả mập hình cầu.</p>	<p>Phân bố rải rác trong rừng bán thường xanh, rừng khộp ẩm, ven suối</p>	

Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT169	Dứa dại Cốc Tươi Pa <i>Pandanus ceratostigma</i> Mart. Họ Dứa; Pandanaceae Bộ Dứa: Pandales	Thân hóa gỗ, cao đến 2m, đường kính 10cm. Lá dài đến 2m, rộng 4-6cm, gấp thành 2 sóng, bìa và lưng lá có răng cưa nhọn. Đầu lá nhọn dần giống như kim nhọn. Phát hoa mọc lên từ giữa thân. Quả phức lớn.	Phân bố rải rác ven các suối trong VQG	
CT170	Cốt bổ toái Tơm chút <i>Drynaria fortunei</i> J.Sm Họ Dương xỉ: Polypodiaceae Bộ Toà sen : Marattiales	Cây phụ sinh cao 20 - 40cm, thân rễ bò, dây thân có nhiều vảy màu rỉ sắt, vảy hình ngọn giáo.lá ở gốc có tác dụng hứng mùn, đáy hình tim bìa có răng. Lá dinh dưỡng có cuống ngắn, có cánh xếp tận gốc, phiến lá dài xẻ lông chim đến tận trục chính	Thường mọc bám trên cây, nơi ẩm ven suối., trên vách đá	

Mã số cây thuốc	Tên cây thuốc	Mô tả hình thái cây thuốc	Phân bố / sinh thái	Hình ảnh
CT171	Bồng bong Cốc Đà Nàng chột <i>Lygodium flexuosum</i> (L) Sw. Họ Bồng bong: Lygodiaceae Bộ Toà sen: Marattiales	Cây leo dài, phiến lá kép lông chim 2 - 3 lần, lá chét hình tam giác. lá chét sinh sản giống lá chét thường nhưng ngắn hơn. Bông dài 2 -10mm. Bào tử hình 4 mặt hay gần hình cầu với một mặt dẹt, màu vàng nhạt.	Phân bố rải rác dưới tán rừng thưa.	
CT172	Rêu, thạch tùng mảnh Cốc Phôi Lôm <i>Lycopodium</i> sp. Họ Thạch tùng: Lycopodiaceae Bộ Thông đá: Lycopodiales	Cây dạng thân cỏ, có rễ bất định sống bám lên vỏ thân các cây thân gỗ và rễ dài xuống. Thân có màu xanh vàng. Lá rất nhỏ dạng hình vẩy gai áp sát vào thân.	Loài ít gặp, chỉ mọc trên một số ít cây họ dầu ven sông suối của Vườn Quốc gia.	